



Santa Clara County Office of Education

Niên khóa 2022-2023

Sổ Dữ liệu

Trường bán công Hàng năm

BỘ PHẬN TRƯỜNG BÁN CÔNG
VĂN PHÒNG TỔNG GIÁM ĐỐC CÁC HỌC KHU



Santa Clara County
Office of Education



Niên khóa 2022-2023
Sổ Dữ liệu Trường bán công Hàng năm

Hội đồng Phòng Giáo dục Hạt Santa Clara



Maimona Afzal Berta
Thành viên Hội đồng Quản trị
Khu vực 6: Alum Rock, Mt. Pleasant, và Franklin-McKinley và phần tương ứng của học khu East Side Union và một phần khu vực của San José Unified



Victoria Chon
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Khu vực 5: Phần lớn Santa Clara Unified Milpitas Unified, Orchard, Berryessa Union, và phần tương ứng của học khu East Side Union



Joseph Di Salvo
Thành viên Hội đồng Quản trị
Khu vực 4: Phần lớn San José Unified, một phần của Oak Grove và phần tương ứng của học khu East Side Union



Raeena Lari
Thành viên Hội đồng Quản trị
Khu vực 7: Morgan Hill Unified, Gilroy Unified, Evergreen, và một phần của Oak Grove và một phần tương ứng của học khu East Side Union



Grace H. Mah
Thành viên Hội đồng Quản trị
Khu vực 1: Học khu Palo Alto Unified, Los Altos, Mountain View Whisman, Mountain View-Los Altos Union và một phần lớn của học khu Sunnyvale và các phần tương ứng của Học khu Fremont Union



Don Rocha
Thành viên Hội đồng Quản trị
Khu vực 3: Học khu Campbell Union, Luther Burbank, Moreland Union và Campbell Union và một phần nhỏ của San José Unified và Santa Clara Unified



Tara Sreekrishnan
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Khu vực 2: Học khu Cupertino Union, Lakeside Joint, Loma Prieta Joint Union, Los Gatos Union, Saratoga Union, và Los Gatos-Saratoga Joint và một phần nhỏ của Santa Clara Unified và Sunnyvale và phần tương ứng của Fremont Union

Thông điệp từ Hội đồng Phòng Giáo dục Hạt Santa Clara và Tổng Giám đốc các Học khu của Hạt

Kể từ khi Đạo luật Trường Bán công được thông qua vào năm 1992, California đã tài trợ cho các trường bán công hoặc các trường công lập được thành lập và hoạt động không lệ thuộc vào cấu trúc học khu hiện có. Các hội đồng trường công lập địa phương và hội đồng giáo dục của quận hạt như Hội đồng Phòng Giáo dục Hạt Santa Clara (SCCBOE) có thẩm quyền phê duyệt hoặc từ chối các kiến nghị hoặc đơn xin của trường bán công, theo kháng cáo từ các học khu, ủy quyền cho các trường bán công trên toàn quận và gia hạn hoặc không gia hạn các đơn xin của trường bán công. SCCBOE hiện là cơ quan ban đặc quyền cho 22 trường bán công ở Hạt Santa Clara. Hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2023, con số đó sẽ trở thành 21 do một trường bán công trên toàn quận phục vụ các lớp 6-12 bị đóng cửa.

Năm vừa qua, Phòng Giáo dục Hạt Santa Clara (SCCOE) đã chuyển đổi cách giám sát và theo dõi trường bán công từ trực tuyến sang cả trực tuyến và trực tiếp. Họ tiến hành việc quan sát lớp học và phỏng vấn các nhà lãnh đạo nhà trường và học sinh trực tiếp trong khi các cuộc họp với các đối tác giáo dục khác như giáo viên và phụ huynh được tiến hành trực tuyến để đảm bảo 10.426 học sinh của các trường bán công do SCCBOE ủy quyền có thể tiếp cận với giáo dục chất lượng cao.

Trong ấn bản thứ mười của Sổ Dữ liệu Trường bán công Hàng năm (2022-23), chúng tôi nêu bật thông tin quan trọng đối với hiệu suất và tiến độ của các trường bán công do SCCBOE ủy quyền. Thông tin và dữ liệu cung cấp được lấy từ Bộ Giáo dục California và các trường bán công tương ứng. Để xác định các điểm mạnh và lĩnh vực cần cải thiện, California báo cáo thành tích của các học khu, trường học (bao gồm trường bán công và trường thay thế) và của các nhóm học sinh dựa theo biện pháp đo lường của tiểu bang và địa phương. Tuy nhiên, trong hai năm qua, nhiều yêu cầu về trách nhiệm giải trình của tiểu bang và liên bang đã được miễn hoặc điều chỉnh do tác động của đại dịch COVID-19 đối với LEA, trường học và học sinh. Năm nay, các quy định cần trường học và các học khu chịu trách nhiệm về thành tích của học sinh đã trở lại. Tuy nhiên, đối với các biện pháp của tiểu bang, trong đó thành tích thường dựa trên hai yếu tố - kết quả năm hiện tại và liệu kết quả đó có tiến bộ so với năm trước hay không - Bảng dữ liệu năm 2022 chỉ cho thấy dữ liệu của năm hiện tại (được gọi là Trạng thái). Đối với riêng năm nay, các thành tích được báo cáo bằng cách sử dụng một trong Năm Trạng thái (từ Rất cao, Cao, Trung bình, Thấp và Rất thấp) cho các biện pháp đo lường của tiểu bang. Dữ liệu về Thay đổi, hoặc sự khác biệt so với năm trước, không được báo cáo.

Chúng tôi xin cảnh báo không nên so sánh dữ liệu năm 2021-22 với kết quả của hai năm trước. Việc giải thích dữ liệu phải cân nhắc bối cảnh và điều kiện cụ thể tại mỗi trường.



Tiến sĩ Mary Ann Dewan
Tổng Giám đốc các Học khu của Hạt



Victoria Chon
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| Sơ lược về các trường bán công của SCCOE | 4 |
| Ghi danh vào trường bán công | 5 |
| Nhân khẩu học của trường bán công | 6 |
| Nhân khẩu học của các học khu trong Hạt Santa Clara | 7 |
| Thành tích của học sinh | 8 |
| Bảng Dữ liệu về các trường bán công ở California Niên khóa 2021-22 | 10 |
| Bảng Dữ liệu về các học khu ở California Niên khóa 2021-22. | 11 |
| Giáo dục Đặc Biệt: Học sinh trong chương trình Giáo dục Cá nhân (IEP) | 12 |
| Báo cáo về số học sinh bị đình chỉ & trục xuất ra khỏi trường bán công | 13 |
| Tình hình tài chính của trường bán công vào niên khóa 2021-2022 | 14 |
| Số học sinh trong Hạt Santa Clara | 15 |
| ACE Empower Academy | 16 |
| Alpha Public Schools: Cornerstone Academy Preparatory | 18 |
| Alpha Public Schools: José Hernández | 20 |
| Bullis Charter School | 22 |
| Discovery Charter School I | 24 |
| Discovery Charter School II. | 26 |
| Downtown College Prep (DCP): Alum Rock | 28 |
| Opportunity Youth Academy (OYA). | 30 |
| Rocketship Alma Academy | 32 |
| Rocketship Academy for Brilliant Minds | 34 |
| Rocketship Discovery Prep | 36 |
| Rocketship Fuerza | 38 |
| Rocketship Los Sueños | 40 |
| Rocketship Mateo Sheedy | 42 |
| Rocketship Rising Stars Academy | 44 |
| Rocketship Sí Se Puede | 46 |
| Summit Public School: Denali | 48 |
| Summit Public School: Tahoma | 50 |
| Sunrise Middle School | 52 |
| University Prep Academy | 54 |
| Voices College-Bound Language Academy at Morgan Hill | 56 |
| Voices College-Bound Language Academy at Mt. Pleasant | 58 |
| Lịch sử nộp đơn xin phép SCCBOE | 60 |
| Văn bản được chọn từ các Bộ luật Giáo dục về Trường bán công. | 64 |
| Từ viết tắt | 73 |
| Nguồn thông tin | 74 |
| Lời cảm tạ | 75 |
| Danh bạ Trường bán công SCCOE Niên khóa 2022-23 | 76 |

Sơ lược về các trường bán công của SCCOE



Đối với năm học hiện tại (2022-23), SCCBOE chưa xem xét đơn xin gia hạn do Thống đốc đã phê duyệt Dự luật Quốc hội 130 để cộng thêm 2 năm vào thời hạn hoạt động của tất cả các trường bán công hết hạn vào hoặc giữa ngày 1 tháng 1 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2025.

22 Trường bán công 10,457 Học sinh

Cấp lớp được phép hoạt động

| | |
|---|------|
| 1 | TK-4 |
| 7 | TK-5 |
| 5 | TK-8 |
| 2 | K-8 |
| 2 | 5-8 |
| 2 | 6-12 |
| 1 | 7-12 |
| 2 | 9-12 |

| | |
|-------|------------------------------|
| 3.7% | Người Mỹ gốc Phi |
| 21.6% | Người Châu Á |
| 58.6% | Người gốc Tây Ban Nha |
| 8.5% | Người da trắng |
| 34.7% | Học sinh chưa thạo tiếng Anh |
| 52.0% | Bất lợi về kinh tế |

Tổng doanh thu của trường bán công \$171,179,279**

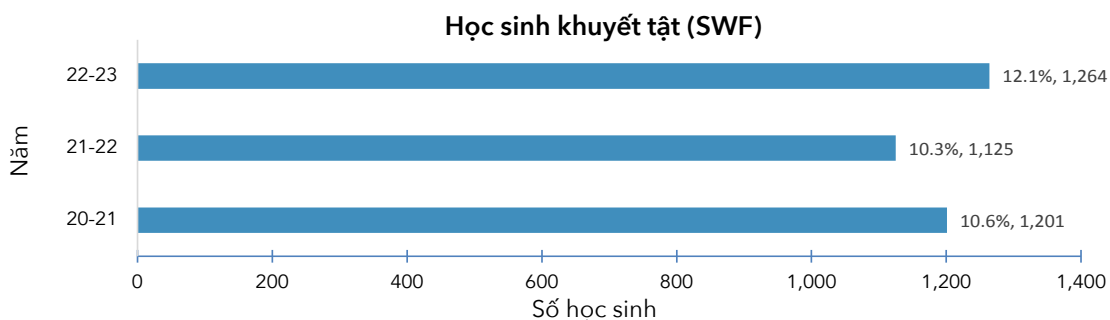
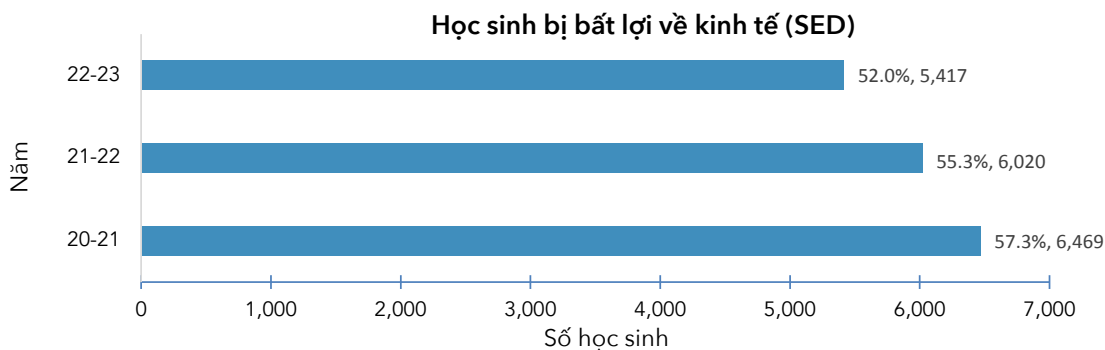
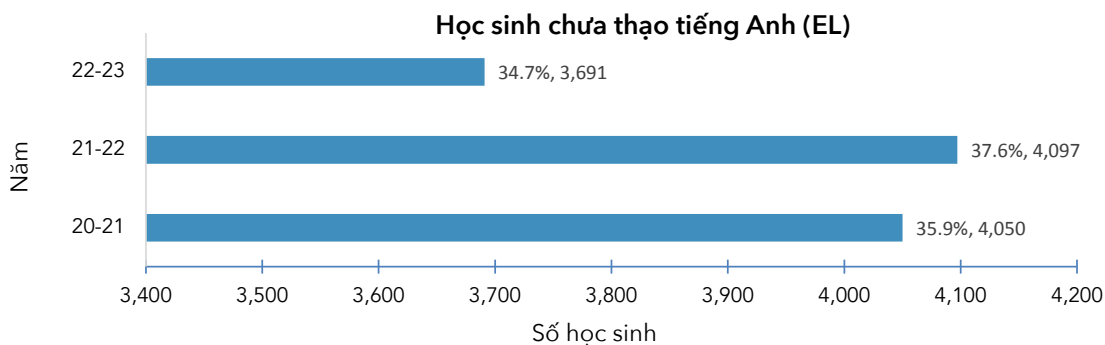
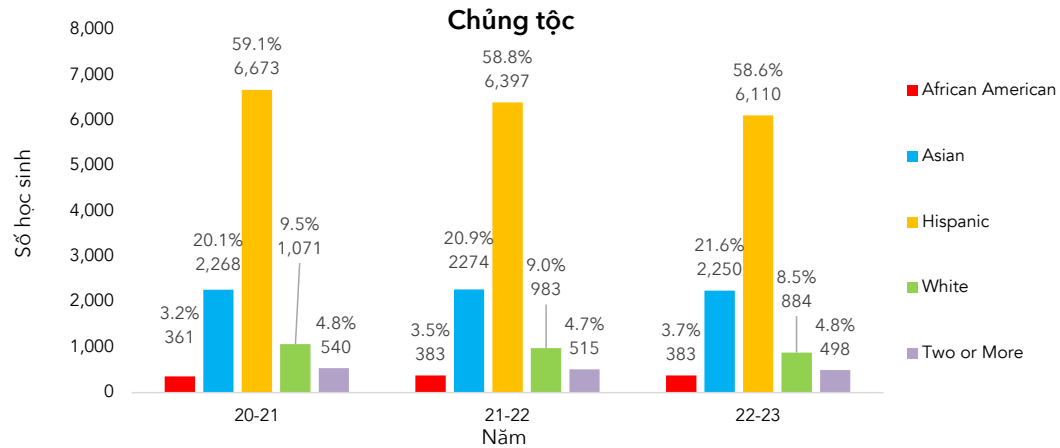
Tổng chi phí của trường bán công \$168,001,930**

Nguồn: Bộ Giáo dục California niên khóa 2022-23 tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest>

** Tham khảo biểu đồ trên trang 14 "Tình trạng tài chính của trường học vào năm 2021-22"

Số học sinh của trường bán công

Số học sinh của trường bán công được SCCBOE ủy quyền thường cho thấy tỷ lệ học sinh được xác định là người gốc Tây Ban Nha, Học sinh chưa thạo tiếng Anh và học sinh bị bất lợi về kinh tế cao hơn so với số học sinh của các học khu khác trong Hạt Santa Clara.



Nguồn: Bộ Giáo dục California tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest>

Nhân khẩu học của Trường bán công

| Trường | Lớp | Số học sinh | | | Mỹ gốc Phi | | | Châu Á | | | Gốc Tây Ban Nha | | | Người da trắng | | | SED | | | EL | | |
|--|-----------------|-------------|--------|--------|------------|-------|-------|--------|-------|-------|-----------------|-------|-------|----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| | | 19-20 | 20-21 | 21-22 | 19-20 | 20-21 | 21-22 | 19-20 | 20-21 | 21-22 | 19-20 | 20-21 | 21-22 | 19-20 | 20-21 | 21-22 | 19-20 | 20-21 | 21-22 | 19-20 | 20-21 | 21-22 |
| | | | | | % | | | % | | | % | | | % | | | % | | | % | | |
| ACE Empower ² | 5 to 8 | 223 | 208 | 191 | 0.4 | 0.0 | 0.0 | 0.9 | 0.5 | 1.0 | 97.3 | 98.1 | 98.4 | 0.4 | 0.5 | 0.5 | 92.4 | 88.5 | 64.9 | 52.5 | 59.1 | 64.9 |
| Alpha: Cornerstone ² | TK to 8 | 521 | 521 | 520 | 1.3 | 1.5 | 1.7 | 55.1 | 56.8 | 54.4 | 32.6 | 29.9 | 31.3 | 1.7 | 2.3 | 2.3 | 59.3 | 51.4 | 53.5 | 30.7 | 32.6 | 27.5 |
| Alpha: José Hernández ² | TK to 3, 5 to 8 | 378 | 412 | 451 | 0.5 | 0.5 | 0.2 | 4.2 | 3.2 | 2.2 | 90.5 | 92.7 | 95.1 | 2.1 | 1.0 | 0.4 | 92.3 | 93.2 | 93.6 | 57.1 | 61.9 | 66.5 |
| Bullis Charter School ² | TK to 8 | 1,093 | 1,067 | 1,058 | 0.4 | 0.2 | 0.1 | 55.1 | 56.8 | 59.0 | 3.3 | 4.4 | 4.2 | 21.3 | 19.6 | 18.1 | 1.7 | 1.3 | 1.9 | 6.7 | 5.7 | 6.1 |
| Discovery I (Phoenix) ² | K to 8 | 553 | 537 | 535 | 6.5 | 7.4 | 8.2 | 33.3 | 35.6 | 35.5 | 14.5 | 12.7 | 12.3 | 34.4 | 31.7 | 29.5 | 9.4 | 8.0 | 10.3 | 13.0 | 15.5 | 13.3 |
| Discovery II (Falcon) ² | TK to 8 | 574 | 541 | 488 | 3.8 | 4.3 | 4.9 | 19.2 | 20.9 | 22.3 | 22.6 | 24.0 | 22.3 | 37.8 | 34.4 | 33.2 | 11.0 | 10.2 | 13.7 | 8.0 | 7.6 | 9.4 |
| Downtown College Prep - Alum Rock ² | 6 to 12 | 669 | 614 | 529 | 1.0 | 1.0 | 1.3 | 4.8 | 4.2 | 4.5 | 89.2 | 88.1 | 89.4 | 1.0 | 1.1 | 0.9 | 80.0 | 79.3 | 80.3 | 33.0 | 34.5 | 31.2 |
| Opportunity Youth Academy ¹ | 9 to 12 | 310 | 308 | 337 | 4.8 | 5.5 | 3.6 | 2.6 | 1.0 | 1.5 | 87.4 | 87.7 | 88.4 | 2.6 | 2.6 | 4.5 | 80.6 | 89.0 | 88.4 | 27.7 | 21.1 | 18.4 |
| Rocketship Alma Academy ¹ | TK to 5 | 514 | 516 | 515 | 8.0 | 8.7 | 7.8 | 2.9 | 3.3 | 2.7 | 84.8 | 83.5 | 85.6 | 2.1 | 2.3 | 2.1 | 82.7 | 77.1 | 78.1 | 55.6 | 59.7 | 59.8 |
| Rocketship Brilliant Minds ¹ | TK to 5 | 606 | 524 | 504 | 1.3 | 1.3 | 1.0 | 14.9 | 15.6 | 18.5 | 77.6 | 77.9 | 75.6 | 0.5 | 1.3 | 1.6 | 82.5 | 76.7 | 76.6 | 56.6 | 57.8 | 56.9 |
| Rocketship Discovery Prep ¹ | TK to 5 | 521 | 464 | 437 | 1.9 | 1.9 | 2.1 | 15.2 | 14.7 | 12.4 | 77.0 | 79.7 | 81.7 | 1.3 | 1.5 | 1.8 | 79.3 | 74.1 | 78.3 | 58.0 | 61.4 | 58.8 |
| Rocketship Fuerza ² | TK to 5 | 631 | 578 | 560 | 0.6 | 0.5 | 0.7 | 15.1 | 14.7 | 13.8 | 77.3 | 77.9 | 78.8 | 1.1 | 1.4 | 1.6 | 76.7 | 71.8 | 78.4 | 61.2 | 64.9 | 63.8 |
| Rocketship Los Sueños ¹ | TK to 5 | 452 | 400 | 369 | 1.3 | 0.5 | 0.5 | 6.6 | 6.5 | 6.5 | 87.8 | 89.8 | 91.6 | 0.4 | 1.0 | 0.3 | 88.5 | 86.0 | 85.4 | 52.7 | 62.8 | 66.1 |
| Rocketship Mateo Sheedy ² | TK to 5 | 511 | 479 | 493 | 11.9 | 13.4 | 13.2 | 6.5 | 5.2 | 4.5 | 77.5 | 77.5 | 77.9 | 0.6 | 1.9 | 2.0 | 82.6 | 76.6 | 77.1 | 55.6 | 57.8 | 57.8 |
| Rocketship Rising Stars ² | TK to 4 | 616 | 608 | 593 | 1.5 | 2.1 | 1.9 | 29.2 | 32.6 | 31.0 | 64.0 | 62.3 | 62.9 | 0.8 | 0.2 | 0.8 | 74.7 | 72.4 | 73.7 | 54.5 | 60.0 | 52.3 |
| Rocketship Si Se Puede ² | TK to 5 | 379 | 330 | 324 | 1.3 | 1.8 | 1.5 | 7.9 | 7.9 | 7.1 | 86.5 | 83.6 | 85.8 | 1.8 | 3.6 | 2.8 | 85.8 | 83.6 | 85.2 | 65.2 | 68.8 | 65.4 |
| Summit: Denali ¹ | 6 to 12 | 634 | 677 | 643 | 1.1 | 1.0 | 1.1 | 19.9 | 22.3 | 22.1 | 32.3 | 33.4 | 35.1 | 27.8 | 25.1 | 28.5 | 29.8 | 25.6 | 28.5 | 10.3 | 8.6 | 7.3 |
| Summit: Tahoe ² | 9 to 12 | 470 | 371 | 314 | 2.8 | 3.2 | 3.2 | 14.3 | 13.2 | 13.7 | 51.5 | 49.6 | 41.4 | 18.9 | 21.8 | 26.4 | 34.7 | 29.4 | 25.2 | 12.6 | 8.9 | 9.9 |
| Sunrise Middle School ² | 5 to 8 | 260 | 289 | 308 | 1.5 | 0.7 | 0.3 | 2.3 | 3.1 | 3.6 | 91.5 | 91.7 | 94.2 | 2.3 | 2.1 | 0.3 | 92.3 | 87.5 | 85.7 | 51.2 | 50.2 | 41.9 |
| University Prep Academy ¹ | 7 to 12 | 702 | 716 | 713 | 13.8 | 15.9 | 17.5 | 39.0 | 40.1 | 43.9 | 25.2 | 22.9 | 19.1 | 10.4 | 8.7 | 6.7 | 34.0 | 32.5 | 30.6 | 5.3 | 5.6 | 4.3 |
| Voices: Morgan Hill ² | TK to 8 | 363 | 392 | 289 | 0.3 | 0.0 | 0.0 | 0.3 | 0.5 | 1.0 | 97.8 | 98.2 | 97.9 | 1.4 | 1.0 | 0.7 | 71.3 | 78.1 | 64.7 | 55.6 | 60.5 | 59.9 |
| Voices: Mt. Pleasant ² | TK to 8 | 315 | 336 | 286 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.0 | 0.0 | 96.2 | 98.5 | 98.6 | 1.3 | 0.9 | 0.3 | 53.0 | 74.7 | 64.0 | 44.8 | 54.5 | 54.5 |
| | | 11,295 | 10,888 | 10,457 | 3.2 | 3.5 | 3.7 | 20.1 | 20.9 | 21.6 | 59.1 | 58.8 | 58.6 | 9.5 | 9.0 | 8.5 | 57.3 | 55.3 | 52.0 | 35.9 | 37.6 | 34.7 |

Nguồn: Bộ Giáo dục California tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest>

¹Khắp Quận - Được định nghĩa trong Bộ luật Giáo dục Phần 47605.5 hoặc xem trang 67.

²Khiếu nại của Học khu - Được xác định trong Bộ luật Giáo dục Phần 47605 (k) hoặc xem trang 64.

Nhân khẩu học của các Học khu trong Hạt Santa Clara

| Huyện | Số học sinh | | | Mỹ gốc Phi | | | Châu Á | | | Gốc Tây Ban Nha | | | Người da trắng | | | SED | | | EL | | |
|-------------------------------------|-------------|---------|---------|------------|-------|-------|--------|-------|-------|-----------------|-------|-------|----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| | 19-20 | 20-21 | 21-22 | 19-20 | 20-21 | 21-22 | 19-20 | 20-21 | 21-22 | 19-20 | 20-21 | 21-22 | 19-20 | 20-21 | 21-22 | 19-20 | 20-21 | 21-22 | 19-20 | 20-21 | 21-22 |
| | | | | % | | | % | | | % | | | % | | | % | | | % | | |
| Alum Rock Union Elementary | 9,850 | 9,226 | 8,807 | 1.0 | 1.1 | 0.9 | 12.1 | 11.9 | 11.5 | 78.5 | 78.6 | 79.3 | 1.6 | 1.5 | 1.7 | 79.1 | 79.1 | 77.5 | 37.1 | 43.1 | 44.4 |
| Berryessa Union Elementary | 6,534 | 6,258 | 5,940 | 1.2 | 1.4 | 1.3 | 53.6 | 52.4 | 51.6 | 22.9 | 24.0 | 25.1 | 4.5 | 4.6 | 4.5 | 28.9 | 30.2 | 29.2 | 23.8 | 27.3 | 24.5 |
| Cambrian | 3,172 | 2,985 | 2,919 | 2.2 | 2.0 | 1.9 | 21.8 | 22.1 | 21.0 | 23.7 | 26.0 | 27.7 | 37.1 | 34.3 | 33.2 | 13.6 | 13.7 | 19.1 | 11.4 | 13.0 | 13.9 |
| Campbell Union | 6,622 | 6,230 | 6,253 | 3.3 | 3.7 | 3.8 | 16.4 | 16.3 | 16.8 | 47.1 | 47.0 | 47.4 | 22.3 | 22.5 | 21.3 | 42.2 | 41.1 | 35.9 | 24.3 | 28.8 | 28.5 |
| Campbell Union High | 8,606 | 8,583 | 8,639 | 2.7 | 2.5 | 2.5 | 18.7 | 19.5 | 20.2 | 33.8 | 34.8 | 36.2 | 35.9 | 32.7 | 31.0 | 27.7 | 39.1 | 41.7 | 7.0 | 7.2 | 7.8 |
| Cupertino Union | 15,663 | 14,084 | 13,467 | 0.5 | 0.7 | 0.7 | 72.4 | 71.5 | 70.0 | 5.3 | 5.9 | 6.6 | 13.3 | 12.6 | 12.4 | 5.9 | 13.1 | 16.1 | 14.0 | 17.5 | 16.4 |
| East Side Union High | 25,946 | 25,174 | 24,514 | 1.8 | 1.7 | 1.6 | 33.0 | 32.3 | 32.5 | 50.9 | 52.1 | 52.7 | 4.7 | 4.6 | 4.4 | 51.8 | 50.6 | 47.1 | 19.1 | 21.1 | 22.5 |
| Evergreen Elementary | 9,789 | 9,165 | 8,880 | 1.3 | 1.3 | 1.2 | 56.9 | 56.9 | 56.3 | 24.5 | 25.0 | 26.5 | 4.9 | 4.4 | 4.0 | 27.6 | 28.9 | 32.7 | 23.6 | 26.1 | 26.0 |
| Franklin-McKinley Elementary | 8,980 | 8,402 | 8,107 | 1.7 | 1.4 | 1.4 | 31.2 | 31.3 | 30.1 | 59.8 | 60.2 | 61.7 | 2.0 | 2.0 | 1.9 | 73.8 | 71.1 | 63.0 | 41.3 | 48.4 | 48.2 |
| Fremont Union High | 10,836 | 10,296 | 10,019 | 0.8 | 0.9 | 0.8 | 58.0 | 56.8 | 55.7 | 14.7 | 15.8 | 17.5 | 15.4 | 14.6 | 13.7 | 14.3 | 15.3 | 14.2 | 7.7 | 8.4 | 9.2 |
| Gilroy Unified | 11,360 | 11,164 | 10,972 | 1.4 | 1.4 | 1.2 | 4.2 | 4.5 | 4.7 | 70.8 | 70.5 | 70.6 | 14.8 | 13.8 | 13.0 | 56.8 | 56.1 | 53.2 | 21.6 | 25 | 26.9 |
| Lakeside Joint | 66 | 67 | 74 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 16.7 | 11.9 | 10.8 | 9.1 | 4.5 | 6.8 | 57.6 | 65.7 | 66.2 | 6.1 | 9 | 13.5 | 15.2 | 13.4 | 14.9 |
| Loma Prieta Elementary | 441 | 424 | 436 | 0.5 | 0.2 | 0.5 | 2.9 | 2.4 | 3.0 | 12.2 | 16.0 | 18.3 | 70.7 | 68.6 | 65.1 | 5.9 | 8.3 | 9.2 | 3.6 | 4.5 | 4.1 |
| Los Altos Elementary | 3,576 | 3,347 | 3,355 | 0.6 | 0.6 | 0.5 | 34.8 | 36.3 | 38.0 | 8.4 | 9.6 | 9.4 | 41.1 | 38.8 | 36.2 | 6.7 | 7.0 | 7.0 | 9.5 | 10.2 | 10.2 |
| Los Gatos Union Elementary | 2,710 | 2,618 | 2,626 | 0.6 | 0.8 | 0.8 | 22.1 | 24.2 | 26.5 | 6.8 | 6.7 | 7.9 | 60.4 | 57.2 | 52.4 | 4.1 | 4.6 | 4.0 | 4.1 | 6.5 | 7.2 |
| Los Gatos-Saratoga Joint Union High | 3,470 | 3,382 | 3,269 | 0.2 | 0.2 | 0.4 | 32.0 | 32.8 | 31.4 | 7.8 | 8.0 | 8.5 | 46.3 | 44.0 | 42.8 | 5.2 | 6.7 | 11.6 | 1.0 | 1.4 | 1.8 |
| Luther Burbank | 475 | 437 | 422 | 2.5 | 2.5 | 2.4 | 1.3 | 1.4 | 1.9 | 90.1 | 92.0 | 91.7 | 2.9 | 1.1 | 1.4 | 87.4 | 87.6 | 85.5 | 48.8 | 49.9 | 51.7 |
| Milpitas Unified | 10,413 | 10,072 | 9,967 | 1.7 | 1.8 | 1.8 | 52.9 | 53.0 | 53.6 | 19.7 | 19.8 | 19.6 | 4.2 | 4.0 | 4.2 | 29.2 | 30.0 | 34.7 | 22.7 | 24.0 | 22.2 |
| Moreland | 4,364 | 4,043 | 3,940 | 3.0 | 2.9 | 2.8 | 33.3 | 33.3 | 32.0 | 29.8 | 30.9 | 32.9 | 21.9 | 20.5 | 19.3 | 26.1 | 32.3 | 35.2 | 24.2 | 27.1 | 28.4 |
| Morgan Hill Unified | 8,894 | 8,664 | 8,667 | 1.4 | 1.4 | 1.2 | 8.9 | 8.5 | 8.7 | 50.5 | 52.1 | 52.5 | 28.6 | 27.0 | 26.0 | 36.8 | 38.8 | 37.7 | 15.3 | 16.7 | 16.9 |
| Mountain View Whisman | 4,753 | 4,522 | 4,522 | 1.3 | 1.3 | 1.3 | 20.5 | 21.2 | 21.6 | 35.6 | 37.1 | 38.5 | 26.7 | 24.9 | 23.5 | 29.3 | 27.2 | 30.6 | 18.9 | 21.6 | 22.6 |
| Mountain View-Los Altos Union High | 4,563 | 4,539 | 4,448 | 1.2 | 1.3 | 1.1 | 24.9 | 25.2 | 26.6 | 25.6 | 26.1 | 25.7 | 37.6 | 36.5 | 34.7 | 15.6 | 15.4 | 17.0 | 5.4 | 6.3 | 7.3 |
| Mt. Pleasant Elementary | 1,929 | 1,710 | 1,648 | 1.7 | 2.0 | 2.1 | 13.9 | 14.3 | 13.3 | 75.7 | 75.2 | 76.8 | 2.6 | 2.8 | 2.4 | 56.5 | 63.1 | 69.5 | 42.8 | 46.2 | 43.0 |
| Oak Grove Elementary | 9,362 | 8,860 | 8,663 | 2.9 | 2.8 | 2.6 | 22.2 | 22.0 | 20.9 | 47.6 | 49.2 | 51.2 | 15.3 | 13.9 | 13.5 | 29.0 | 28.5 | 38.2 | 20.5 | 23.9 | 24.6 |
| Orchard Elementary | 815 | 765 | 763 | 4.9 | 4.3 | 3.3 | 40.6 | 37.0 | 36.0 | 33.0 | 34.9 | 39.4 | 6.7 | 6.3 | 4.5 | 32.9 | 45.8 | 48.0 | 33.3 | 38.0 | 32.1 |
| Palo Alto Unified | 10,754 | 10,509 | 10,318 | 1.7 | 1.8 | 1.8 | 37.5 | 38.3 | 39.5 | 13.9 | 14.9 | 15.3 | 33.9 | 32.1 | 30.2 | 11.0 | 11.7 | 11.9 | 8.6 | 9.0 | 9.2 |
| Santa Clara COE | 12,508 | 11,935 | 11,528 | 3.4 | 3.6 | 3.7 | 20.7 | 21.4 | 22.1 | 57.8 | 57.6 | 57.4 | 10.1 | 9.6 | 9.0 | 57.5 | 54.8 | 55.6 | 36.1 | 37.5 | 36.2 |
| Santa Clara Unified | 14,808 | 14,028 | 13,919 | 2.5 | 2.6 | 2.6 | 31.7 | 31.2 | 30.4 | 33.8 | 35.0 | 36.6 | 19.0 | 18.3 | 17.8 | 37.8 | 30.2 | 43.0 | 22.0 | 25.8 | 22.3 |
| San José Unified | 28,710 | 26,901 | 26,479 | 2.5 | 2.4 | 2.3 | 13.7 | 13.5 | 13.3 | 52.9 | 53.8 | 54.8 | 22.4 | 21.7 | 20.7 | 41.0 | 41.3 | 45.6 | 19.6 | 22.3 | 23.3 |
| Saratoga Union Elementary | 1,657 | 1,596 | 1,625 | 0.2 | 0.2 | 0.2 | 57.0 | 59.6 | 60.8 | 5.2 | 4.4 | 4.6 | 24.2 | 21.9 | 20.1 | 3.4 | 2.8 | 3.3 | 5.1 | 7.1 | 6.8 |
| Sunnyvale | 5,950 | 5,480 | 5,465 | 1.3 | 1.3 | 1.3 | 29.8 | 28.1 | 27.0 | 29.7 | 33.8 | 37.1 | 21.4 | 19.9 | 19.0 | 27.0 | 30.3 | 35.0 | 25.7 | 29.5 | 29.5 |
| Union Elementary | 5,727 | 5,447 | 5,355 | 1.1 | 1.1 | 0.9 | 34.3 | 37.0 | 38.4 | 15.4 | 14.6 | 15.3 | 38.6 | 36.9 | 34.9 | 9.9 | 9.5 | 9.9 | 10.1 | 14.4 | 15.3 |
| Santa Clara County | 253,303 | 240,913 | 235,992 | 1.7 | 1.7 | 1.8 | 29.1 | 27.9 | 30.6 | 34.1 | 34.9 | 40.2 | 23.4 | 22.5 | 16.2 | 30.9 | 32.0 | 37.5 | 19.5 | 21.9 | 22.5 |

Nguồn: Bộ Giáo dục California tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest>

Thành tích Học sinh

Công thức Tài trợ Học khu địa phương (LCFF) xác định cách tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) trong tiểu bang được tài trợ, cách đo lường kết quả của họ, và các dịch vụ và hỗ trợ họ nhận được để cho phép tất cả học sinh thành công ở mức cao nhất có thể. Hệ thống trách nhiệm giải trình của California được dựa trên nhiều biện pháp và chúng đánh giá cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của học sinh. Kết quả dựa theo các biện pháp này được báo cáo trong Bảng Dữ liệu về các Trường học ở California. Các biện pháp được hiển thị trên Bảng Dữ liệu dựa trên các yếu tố góp phần vào chất lượng giáo dục, bao gồm tỷ lệ tốt nghiệp trung học, sự sẵn sàng lên trường đại học/trường nghề, điểm kiểm tra học sinh, tiến bộ của Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL), tỷ lệ học sinh bị đình chỉ và sự tham gia của phụ huynh. Do COVID-19, tất cả các cuộc kiểm tra trên toàn tiểu bang đã bị hủy hoặc không bắt buộc phải xảy ra trong năm 2019-21. Bảng dưới đây phản ánh kết quả học tập hàng năm của học sinh tại các trường bán công được ủy quyền bởi Hội đồng Giáo dục Hạt Santa Clara (SCCCBOE) trong bài kiểm tra Smarter Balanced Summative Assessments (SBAC) về môn Anh văn (ELA) trong ba năm gần đây nhất với dữ liệu đã có. Thông tin về học khu cũng đã được cộng vào để so sánh trường bán công và học khu nơi trường đó tọa lạc.

| Trường | ANH VĂN (ELA) | | | | | | | | | | | |
|-----------------------------------|-----------------------|-------|-------|-----------------------|-------|-------|-----------------------|-------|-------|-----------------------|-------|-------|
| | Tất cả học sinh | | | SED | | | EL | | | Gốc Tây Ban Nha | | |
| | 17-18 | 18-19 | 21-22 | 17-18 | 18-19 | 21-22 | 17-18 | 18-19 | 21-22 | 17-18 | 18-19 | 21-22 |
| | % đạt/vượt tiêu chuẩn | | | % đạt/vượt tiêu chuẩn | | | % đạt/vượt tiêu chuẩn | | | % đạt/vượt tiêu chuẩn | | |
| ACE Empower | 17 | 19 | 19 | 16 | 19 | 18 | 6 | 6 | 5 | 16 | 18 | 19 |
| Alpha: Cornerstone | ** | ** | 62 | ** | ** | 56 | ** | ** | 14 | ** | ** | 38 |
| Alpha: José Hernández | 31 | 32 | 20 | 29 | 31 | 21 | 14 | 14 | 1 | 29 | 31 | 19 |
| Bullis Charter School | 93 | 90 | 93 | * | * | 64 | 73 | 31 | 56 | 79 | 90 | 89 |
| Discovery I (Phoenix) | 73 | 72 | 73 | 50 | 42 | 31 | * | 53 | 30 | 45 | 60 | 57 |
| Discovery II (Falcon) | 65 | 61 | 55 | * | 24 | 13 | 25 | 31 | 19 | 44 | 40 | 33 |
| Downtown College Prep - Alum Rock | 35 | 36 | 35 | 32 | 31 | 31 | 6 | 3 | 7 | 33 | 34 | 32 |
| Opportunity Youth Academy | 10.5 | 13 | 27 | 12.5 | 16 | 27 | * | 0 | 13 | 10 | 13 | 28 |
| Rocketship Alma | 47 | 63 | 44 | 46 | 61 | 40 | 24 | 42 | 32 | 43 | 61 | 39 |
| Rocketship Brilliant Minds | 41 | 41 | 57 | 41 | 36 | 55 | 25 | 11 | 40 | 35 | 34 | 53 |
| Rocketship Discovery Prep | 45 | 38 | 29 | 53 | 37 | 25 | 28 | 30 | 13 | 38 | 31 | 21 |
| Rocketship Fuerza | 56 | 54 | 38 | 52 | 51 | 33 | 44 | 32 | 21 | 51 | 50 | 30 |
| Rocketship Los Sueños | 41 | 39 | 30 | 39 | 37 | 26 | 23 | 9 | 17 | 39 | 35 | 24 |
| Rocketship Mateo Sheedy | 49 | 58 | 38 | 48 | 56 | 36 | 25 | 36 | 19 | 46 | 56 | 33 |
| Rocketship Rising Stars | 46 | 61 | 62 | 42 | 56 | 63 | 37 | 44 | 44 | 38 | 52 | 51 |
| Rocketship Sí Se Puede | 37 | 38 | 36 | 34 | 33 | 33 | 25 | 22 | 25 | 31 | 35 | 33 |
| Summit: Denali | 73 | 80 | 70 | 37 | 52 | 54 | 13 | 28 | 20 | 43 | 59 | 56 |
| Summit: Tahoma | 76 | 63 | 69 | 64 | 43 | 48 | * | * | * | 67 | 49 | 60 |
| Sunrise Middle School | 46 | 48 | 37 | 46 | 47 | 37 | 18 | 23 | 13 | 46 | 49 | 37 |
| University Preparatory Academy | 79 | 74 | 75 | 60 | 57 | 58 | 35 | 7 | 30 | 58 | 43 | 57 |
| Voices: Morgan Hill | 39 | 42 | 33 | 36 | 35 | 28 | 30 | 24 | 18 | 36 | 39 | 32 |
| Voices: Mt.Pleasant | 43 | 43 | 33 | 38 | 41 | 28 | 27 | 25 | 18 | 44 | 42 | 32 |

| | | | | | | | | | | | | |
|--------------------------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Alum Rock School District | 39 | 38 | 28 | 35 | 34 | 24 | 7 | 5 | 6 | 34 | 32 | 22 |
| Franklin-McKinley School District | 45 | 45 | 37 | 38 | 39 | 33 | 8 | 12 | 13 | 30 | 31 | 25 |
| San José Unified School District | 56 | 55 | 52 | 34 | 33 | 27 | 11 | 14 | 8 | 37 | 36 | 32 |
| East Side Union High School District | 61 | 62 | 63 | 48 | 50 | 48 | 9 | 8 | 11 | 44 | 43 | 42 |
| Morgan Hill Unified School District | 49 | 49 | 47 | 29 | 29 | 29 | 6 | 9 | 10 | 34 | 34 | 32 |
| QUẬN HẠT | 63 | 63 | 61 | 39 | 39 | 36 | 18 | 17 | 17 | 38 | 38 | 34 |
| TIỂU BANG | 50 | 51 | 47 | 38 | 39 | 35 | 13 | 13 | 13 | 39 | 41 | 36 |

*Số lượng không có sẵn hoặc phân nhóm không có ý nghĩa về mặt số lượng

**Không có dữ liệu nào được cung cấp cho Alpha: Cornerstone Academy Preparatory School vì đây không phải là trường được SCCBOE ủy quyền trong các năm học được liệt kê.

Nguồn: 2021-22 <https://caaspp-elpac.ets.org/caaspp/>

Thành tích của học sinh

Công thức Tài trợ Học khu địa phương (LCFF) xác định cách tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) trong tiểu bang được tài trợ, cách họ đo lường kết quả, và các dịch vụ và hỗ trợ họ nhận được để cho phép tất cả học sinh thành công ở mức cao nhất có thể. Hệ thống trách nhiệm giải trình của California được dựa trên nhiều biện pháp và chúng đánh giá cách LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của học sinh. Kết quả dựa theo các biện pháp này được báo cáo trong Bảng Dữ liệu về các Trường học ở California. Các biện pháp được hiển thị trên Bảng tóm tắt Dữ liệu đã dựa trên các yếu tố góp phần vào chất lượng giáo dục, bao gồm tỷ lệ tốt nghiệp trung học, sự sẵn sàng lên trường đại học/trường nghề, điểm kiểm tra học sinh, tiến bộ của Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL), tỷ lệ học sinh bị đình chỉ và sự tham gia của phụ huynh. Do COVID-19, tất cả các cuộc kiểm tra trên toàn tiểu bang đã bị hủy hoặc không bắt buộc phải xảy ra trong các năm 2019-21. Bảng dưới đây phản ánh thành tích hàng năm của học sinh tại các trường bán công được ủy quyền bởi Hội đồng Giáo dục Hạt Santa Clara (SCCCBOE) trong bài kiểm tra Smarter Balanced Summative Assessments (SBAC) về môn Toán trong ba năm gần đây nhất khi có dữ liệu. Thông tin về học khu cũng đã được cộng vào để so sánh trường bán công và học khu nơi trường đó tọa lạc.

| Trường | TOÁN HỌC | | | | | | | | | | | |
|-----------------------------------|-----------------------|-------|-------|-----------------------|-------|-------|-----------------------|-------|-------|-----------------------|-------|-------|
| | Tất cả học sinh | | | SED | | | EL | | | Gốc Tây Ban Nha | | |
| | 17-18 | 18-19 | 21-22 | 17-18 | 18-19 | 21-22 | 17-18 | 18-19 | 21-22 | 17-18 | 18-19 | 21-22 |
| | % đạt/vượt tiêu chuẩn | | | % đạt/vượt tiêu chuẩn | | | % đạt/vượt tiêu chuẩn | | | % đạt/vượt tiêu chuẩn | | |
| ACE Empower | 23 | 18 | 11 | 22 | 17 | 10 | 11 | 7 | 4 | 22 | 17 | 11 |
| Alpha: Cornerstone | ** | ** | 61 | ** | ** | 53 | ** | ** | 23 | ** | ** | 33 |
| Alpha: José Hernández | 20 | 23 | 8 | 18 | 18 | 9 | 8 | 13 | 0 | 16 | 22 | 7 |
| Bullis Charter School | 93 | 91 | 94 | * | * | * | 73 | 39 | 56 | 79 | 72 | 89 |
| Discovery I (Phoenix) | 73 | 68 | 65 | 63 | 56 | 15 | * | 40 | 43 | 43 | 53 | 59 |
| Discovery II (Falcon) | 60 | 51 | 55 | * | 22 | 13 | 25 | 23 | 33 | 48 | 32 | 34 |
| Downtown College Prep - Alum Rock | 16 | 22 | 18 | 13 | 20 | 15 | 1 | 3 | 1 | 14 | 20 | 14 |
| Opportunity Youth Academy | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 | 0 | * | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 |
| Rocketship Alma | 44 | 66 | 44 | 43 | 63 | 42 | 28 | 44 | 30 | 39 | 64 | 39 |
| Rocketship Brilliant Minds | 46 | 45 | 36 | 44 | 40 | 32 | 32 | 23 | 23 | 40 | 37 | 29 |
| Rocketship Discovery Prep | 57 | 52 | 28 | 54 | 49 | 24 | 39 | 45 | 15 | 50 | 46 | 20 |
| Rocketship Fuerza | 57 | 60 | 31 | 54 | 56 | 28 | 46 | 50 | 14 | 52 | 57 | 22 |
| Rocketship Los Sueños | 46 | 55 | 36 | 43 | 53 | 33 | 30 | 32 | 21 | 43 | 52 | 29 |
| Rocketship Mateo Sheedy | 62 | 64 | 43 | 63 | 65 | 40 | 43 | 47 | 23 | 60 | 63 | 39 |
| Rocketship Rising Stars | 69 | 74 | 50 | 70 | 69 | 48 | 60 | 61 | 33 | 63 | 66 | 33 |
| Rocketship Si Se Puede | 56 | 57 | 31 | 53 | 53 | 28 | 46 | 46 | 17 | 51 | 51 | 28 |
| Summit: Denali | 68 | 68 | 56 | 30 | 36 | 33 | 16 | 22 | 10 | 30 | 37 | 33 |
| Summit: Tahoma | 40 | 38 | 41 | 28 | 17 | 29 | * | * | * | 17 | 19 | 25 |
| Sunrise Middle School | 26 | 19 | 25 | 26 | 19 | 27 | 12 | 6 | 10 | 25 | 19 | 25 |
| University Preparatory Academy | 69 | 65 | 58 | 45 | 48 | 37 | 21 | 14 | 17 | 37 | 30 | 34 |
| Voices: Morgan Hill | 58 | 55 | 25 | 56 | 56 | 24 | 52 | 42 | 12 | 56 | 54 | 25 |
| Voices: Mt.Pleasant | 59 | 53 | 25 | 57 | 51 | 24 | 38 | 43 | 12 | 61 | 54 | 25 |

| | | | | | | | | | | | | |
|--------------------------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Alum Rock School District | 30 | 29 | 19 | 27 | 26 | 15 | 8 | 7 | 5 | 24 | 23 | 13 |
| Franklin-McKinley School District | 38 | 36 | 29 | 32 | 31 | 25 | 12 | 12 | 13 | 21 | 20 | 15 |
| San José Unified School District | 44 | 44 | 39 | 21 | 21 | 14 | 9 | 10 | 6 | 22 | 22 | 16 |
| East Side Union High School District | 40 | 42 | 38 | 27 | 28 | 21 | 12 | 10 | 6 | 15 | 17 | 13 |
| Morgan Hill Unified School District | 40 | 39 | 33 | 20 | 20 | 17 | 7 | 7 | 10 | 24 | 24 | 19 |
| QUẬN HẠT | 56 | 57 | 51 | 31 | 30 | 24 | 21 | 20 | 16 | 27 | 28 | 20 |
| TIỂU BANG | 39 | 40 | 33 | 26 | 28 | 21 | 13 | 13 | 10 | 27 | 28 | 21 |

*Số lượng không có sẵn hoặc phân nhóm không có ý nghĩa về mặt số lượng

**Không có dữ liệu nào được cung cấp cho Alpha: Cornerstone Academy Preparatory School vì đây không phải là trường được SCCBOE ủy quyền trong các năm học được liệt kê.

Nguồn: 2021-22 <https://caaspp-elpac.ets.org/caaspp/>

Bảng Dữ liệu về các Trường học ở California - Trường bán công

Do đại dịch COVID-19, Bảng dữ liệu năm 2022 hiển thị năm mới nhất của dữ liệu (còn được gọi là Trạng thái) và không phản ánh sự thay đổi. Đối với riêng năm nay, các thành tích được báo cáo bằng cách sử dụng một trong Năm Trạng thái (từ Rất cao, Cao, Trung bình, Thấp và Rất thấp) cho các biện pháp đo lường của tiểu bang. Xin lưu ý rằng các cấp Trạng thái liên quan đến các Chỉ số về Tình trạng Nghỉ học Nghiêm trọng và Tỷ lệ Đình chỉ học sinh đi ngược với các biện pháp đo lường khác của tiểu bang (từ Rất thấp, Thấp, Trung bình, Cao và Rất cao) và mục tiêu là có tỷ lệ nghỉ học và đình chỉ học sinh thấp. Trong bảng dưới đây, Trạng thái được báo cáo cho Chỉ số Học thuật ELA và Toán. Chỉ báo Trình độ Thông thạo Anh ngữ (ELPI), Tỷ lệ Tốt nghiệp, Nghỉ học nghiêm trọng và Tỷ lệ Đình chỉ cho thấy tỷ lệ phần trăm, thay vì Trạng thái. Chú thích bên dưới chuyển các cấp Trạng thái sang tên thành phần trên Bảng dữ liệu.

Đối với Chỉ số Học thuật ELA và Toán, các con số tương ứng với Trạng thái như sau:

1 = Rất thấp 2 = Thấp 3 = Trung bình 4 = Cao 5 = Rất cao

| Tên Trường bán công | Ưu tiên 1 Cơ bản | Ưu tiên 2 Tiêu chuẩn của Tiểu bang | Ưu tiên 3 Phụ huynh Tham gia | Ưu tiên 4 Thành tích | | | Ưu tiên 5 Học sinh tham gia | | Ưu tiên 6 Không khí trường học | | Ưu tiên 7 Khả năng tiếp cận | Ưu tiên 8 Kết quả |
|--------------------------------------|---------------------|---|------------------------------------|-------------------------|------|------|--------------------------------|-------------------------|-----------------------------------|-------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | TẠI ĐỊA PHƯƠNG | TẠI ĐỊA PHƯƠNG | TẠI ĐỊA PHƯƠNG | Anh văn | Toán | ELPI | *Tỷ lệ tốt nghị học | **Nghỉ học nhiều lần | Tỷ lệ đình chỉ học | TẠI ĐỊA PHƯƠNG | Hướng nghiệp đại học | Hướng nghiệp đại học* |
| ACE Empower | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 1 | 1 | 50.9 | N/A | 41.8 | 13.2 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Alpha: Cornerstone | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 4 | 61.1 | N/A | 10.9 | 0.0 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Alpha: José Hernández | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 1 | 1 | 37.2 | N/A | 36.2 | 0.0 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Bullis Charter School | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 5 | 5 | 56.8 | N/A | 3.0 | 0.4 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Discovery I (Phoenix) | GẶP | GẶP | GẶP | 5 | 5 | 48.8 | N/A | 10.8 | 0.4 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Discovery II (Falcon) | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 3 | 4 | 31.4 | N/A | 28.9 | 0.9 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Downtown College Prep - Alum Rock | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 44.8 | 67.7 | 38.0 | 3.4 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Opportunity Youth Academy (OYA) | *** | *** | *** | 1 | 1 | 64.3 | 22.6 | N/A | 0.0 | *** | *** | N/A |
| Rocketship Alma | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 3 | 3 | 51.2 | N/A | 37.7 | 0.0 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Rocketship Brilliant Minds | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 39.0 | N/A | 40.5 | 0.0 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Rocketship Discovery Prep | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 42.8 | N/A | 61.3 | 0.0 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Rocketship Fuerza | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 41.2 | N/A | 37.7 | 0.0 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Rocketship Los Sueños | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 30.8 | N/A | 52.6 | 0.0 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Rocketship Mateo Sheedy | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 3 | 27.7 | N/A | 39.3 | 0.0 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Rocketship Rising Stars | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 4 | 55.0 | N/A | 36.2 | 0.0 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Rocketship Sí Se Puede | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 39.3 | N/A | 48.4 | 0.0 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Summit Public Schools: Denali | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 5 | 4 | 56.4 | 86.5 | 14.6 | 0.9 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Summit Public Schools: Tahoma | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 3 | 57.7 | 95.2 | N/A | 1.7 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Sunrise Middle School | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 78.9 | N/A | 48.0 | 2.2 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| University Prep Academy | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 5 | 80.8 | 92.0 | 2.0 | 0.7 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Voices : Morgan Hill | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 50.8 | N/A | 42.5 | 1.0 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Voices: Mt. Pleasant | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 42.3 | N/A | 48.6 | 2.2 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |

*Cấp trung học **Cấp tiểu học

Nguồn: <https://www.caschooldashboard.org/#/Home>

Bảng Dữ liệu về Trường học của California - Học khu

Do đại dịch COVID-19, Bảng dữ liệu năm 2022 hiển thị năm mới nhất của dữ liệu (còn được gọi là Trạng thái) và không phản ánh sự thay đổi. Đối với riêng năm nay, các thành tích được báo cáo bằng cách sử dụng một trong Năm Trạng thái (từ Rất cao, Cao, Trung bình, Thấp và Rất thấp) cho các biện pháp đo lường của tiểu bang. Xin lưu ý rằng các cấp Trạng thái liên quan đến các Chỉ số về Tình trạng Nghỉ học Nghiêm trọng và Tỷ lệ Đình chỉ học sinh đi ngược với các biện pháp đo lường khác của tiểu bang (từ Rất thấp, Thấp, Trung bình, Cao và Rất cao) và mục tiêu là có tỷ lệ nghỉ học và đình chỉ học sinh thấp. Trong bảng dưới đây, Trạng thái được báo cáo cho Chỉ số Học thuật ELA và Toán. Chỉ báo Trình độ Thông thạo Anh ngữ (ELPI), Tỷ lệ Tốt nghiệp, Nghỉ học nghiêm trọng và Tỷ lệ Đình chỉ cho thấy tỷ lệ phần trăm, thay vì Trạng thái. Chú thích bên dưới chuyển các cấp Trạng thái sang tên thành phần trên Bảng dữ liệu.

Đối với Chỉ số Học thuật ELA và Toán, các con số tương ứng với Trạng thái như sau:
1 = Rất thấp 2 = Thấp 3 = Trung bình 4 = Cao 5 = Rất cao

| Học khu | Ưu tiên 1 | Ưu tiên 2 | Ưu tiên 3 | Ưu tiên 4 | | | Ưu tiên 5 | | Ưu tiên 6 | | Ưu tiên 7 | Ưu tiên 8 |
|--|----------------|--------------------------|--------------------|------------|------------|------------|-------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Cơ bản | Tiêu chuẩn của Tiểu bang | Phụ huynh Tham gia | Thành tích | Thành tích | Thành tích | Học sinh tham gia | Học sinh tham gia | Không khí trường học | Không khí trường học | Khả năng tiếp cận | Kết quả |
| | TAI ĐỊA PHƯƠNG | TAI ĐỊA PHƯƠNG | TAI ĐỊA PHƯƠNG | Anh văn | Toán | ELPI | *Tỷ lệ tốt nghiệp | **Nghỉ học nhiều lần | Tỷ lệ đình chỉ học | TAI ĐỊA PHƯƠNG | Hướng nghiệp đại học | Hướng nghiệp đại học |
| Alum Rock Union Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 48.3 | N/A | 9.2 | 2.6 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Berryessa Union Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 4 | 50.9 | N/A | 19.7 | 1.4 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Cambrian Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 5 | 5 | 55.2 | N/A | 9.3 | 0.5 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Campbell Union Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 54.3 | N/A | 28.6 | 0.9 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Campbell Union High SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 3 | 52.9 | 93.1 | N/A | 1.1 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Cupertino Union Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 5 | 5 | 67.9 | N/A | 7.0 | 0.5 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| East Side Union HS District | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 3 | 3 | 43.5 | 89.7 | 0.0 | 3.4 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Evergreen Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 4 | 63.7 | N/A | 11.0 | 1.2 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Franklin-McKinley Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 56.1 | N/A | 32.6 | 1.6 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Fremont Union HS District | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 5 | 5 | 55.0 | 96.8 | N/A | 1.8 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Gilroy Unified SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 50.7 | 84.9 | 31.3 | 5.2 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Lakeside Joint Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 3 | 0.0 | N/A | 28.6 | 0.0 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Loma Prieta Joint Union Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 4 | 53.3 | N/A | 7.1 | 0.7 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Los Altos Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 5 | 5 | 65.2 | N/A | 4.9 | 0.7 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Los Gatos Union Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 5 | 5 | 62.8 | N/A | 2.0 | 0.8 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Los Gatos-Saratoga Joint Union HS District | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 5 | 5 | 68.0 | 97 | N/A | 0.9 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Luther Burbank Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 58.5 | N/A | 28.5 | 1.3 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Milpitas Unified SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 4 | 60.2 | 89.4 | 11.9 | 1.7 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Moreland SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 4 | 55.0 | N/A | 15.9 | 1.0 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Morgan Hill Unified SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 45.3 | 92.4 | 28.0 | 4.4 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Mt. Pleasant Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 53.2 | N/A | 24.1 | 2.6 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Mountain View Whisman Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 4 | 56.3 | N/A | 16.9 | 1.7 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Mountain View-Los Altos Union HS District | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 4 | 46.9 | 95.3 | N/A | 1.8 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Oak Grove Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 3 | 2 | 53.9 | N/A | 28.5 | 2.1 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Orchard Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 2 | 2 | 53.4 | N/A | 23.5 | 1.3 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Palo Alto Unified SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 5 | 5 | 63.1 | 96.3 | 10.1 | 0.7 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| San José Unified SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 3 | 2 | 45.8 | 93.4 | 27.2 | 3.7 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Santa Clara Unified SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 3 | 50.5 | 92.8 | 19.5 | 2.6 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Saratoga Union Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 5 | 5 | 62.9 | N/A | 4.7 | 0.9 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Sunnyvale Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 4 | 3 | 49.4 | N/A | 12.0 | 2.1 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |
| Union Elementary SD | ĐẠT | ĐẠT | ĐẠT | 5 | 5 | 55.4 | N/A | 8.6 | 0.8 | ĐẠT | ĐẠT | N/A |

*Cấp trung học **Cấp tiểu học

Nguồn: <https://www.caschooldashboard.org/#/Home>

Giáo dục Đặc Biệt: Học sinh trong chương trình Giáo dục Cá biệt (IEP) Học tại trường bán công được SCCBOE ủy quyền trong niên khóa 2021-23

Là trường công lập, các trường bán công cần phải tiếp nhận và phục vụ học sinh khuyết tật như các trường công lập truyền thống. Từ niên khóa 2021-23, sáu trường bán công đã sử dụng SCCOE cho các mục đích Giáo dục Đặc biệt, với việc cung cấp các dịch vụ Giáo dục Đặc biệt được điều phối và giám sát bởi SCCOE. Mười bốn trường là Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) cho mục đích Giáo dục Đặc biệt và là thành viên của El Dorado Charter Special Education Local Plan Area (SELPA), là tổ chức chịu trách nhiệm trực tiếp về các dịch vụ và giám sát Giáo dục Đặc biệt. Hai trường bán công là LEA cho mục đích dịch vụ Giáo dục Đặc biệt và là thành viên của SELPA tại Phòng Giáo dục Hạt Sonoma, là nơi họ nhận được các dịch vụ Giáo dục Đặc biệt và được giám sát. Nhìn chung, 1.118 (10,3%), học sinh Hạt Santa Clara trong IEP học tại trường bán công.

| Trường | 2021-22 | | | 2022-23 | | |
|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|--------------|---------------------------------|---------------------------------|--------------|
| | Số học sinh của trường bán công | Học sinh trường bán công có IEP | | Số học sinh của trường bán công | Học sinh trường bán công có IEP | |
| | | # | % | # | % | % |
| Bullis Charter School | 1,067 | 75 | 7.0% | 75 | 7.1% | 9.7% |
| Discovery I (Phoenix) | 537 | 56 | 10.4% | 69 | 12.9% | 11.4% |
| Discovery II (Falcon) | 541 | 67 | 12.4% | 51 | 10.5% | 12.2% |
| Downtown College Prep - Alum Rock | 614 | 87 | 14.2% | 63 | 11.9% | 11.9% |
| Opportunity Youth Academy | 308 | 63 | 20.5% | 76 | 22.6% | 11.5% |
| University Preparatory Academy | 716 | 28 | 3.9% | 18 | 2.5% | 12.2% |
| Subtotal (SCCOE Spe.Ed.) | 3,783 | 376 | 9.9% | 352 | 9.6% | 11.5% |
| ACE Empower Academy | 208 | 31 | 14.9% | 31 | 16.2% | 12.1% |
| Alpha: Cornerstone Academy | 521 | 40 | 7.7% | 46 | 8.8% | 11.5% |
| Alpha: José Hernández | 412 | 41 | 10.0% | 48 | 10.6% | 12.1% |
| Rocketship Alma | 516 | 53 | 10.3% | 65 | 12.6% | 12.2% |
| Rocketship Brilliant Minds | 524 | 46 | 8.8% | 59 | 11.7% | 12.1% |
| Rocketship Discovery Prep | 464 | 41 | 8.8% | 44 | 10.1% | 12.2% |
| Rocketship Fuerza | 578 | 44 | 7.6% | 45 | 8.0% | 12.1% |
| Rocketship Los Sueños | 400 | 45 | 11.3% | 48 | 13.0% | 12.1% |
| Rocketship Mateo Sheedy | 479 | 38 | 7.9% | 38 | 7.7% | 12.2% |
| Rocketship Rising Stars | 608 | 48 | 7.9% | 51 | 8.6% | 11.5% |
| Rocketship Sí Se Puede | 330 | 38 | 11.5% | 36 | 11.1% | 12.1% |
| Summit: Denali | 677 | 99 | 14.6% | 115 | 17.9% | 9.9% |
| Summit: Tahoma | 371 | 67 | 18.1% | 58 | 18.4% | 11.9% |
| Sunrise Middle School | 289 | 35 | 12.1% | 38 | 12.3% | 12.2% |
| Subtotal (El Dorado SELPA) | 6,377 | 666 | 10.4% | 607 | 9.8% | 11.9% |
| Voices: Morgan Hill | 392 | 43 | 11.0% | 27 | 9.3% | 12.8% |
| Voices: Mt. Pleasant | 336 | 33 | 9.8% | 28 | 9.8% | 14.8% |
| Subtotal (Sonoma COE SELPA) | 728 | 76 | 10.4% | 55 | 9.6% | 13.8% |
| Total | 10,888 | 1,118 | 10.3% | 1,171 | 16.4% | 11.7% |

Nguồn: Bộ Giáo dục California tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest>

Báo cáo về số học sinh bị đình chỉ & trục xuất ra khỏi trường bán công

Báo cáo này cung cấp số học sinh đã tham gia vào một hoặc nhiều sự cố trong năm học và sau đó đã bị đình chỉ hoặc đuổi học. Học sinh bị đình chỉ hoặc đuổi học nhiều lần chỉ được tính một lần trong tổng số.

| Trường | Lớp | Số Học sinh 2019-20 | Số Học sinh 2020-21 | Số Học sinh 2021-22 | 2019-20 | | 2020-21 | | 2021-22 | |
|-----------------------------------|-----------|---------------------|---------------------|---------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | | | | | Tỷ lệ Đình chỉ | Tỷ lệ Trục xuất | Tỷ lệ Đình chỉ | Tỷ lệ Trục xuất | Tỷ lệ Đình chỉ | Tỷ lệ Trục xuất |
| ACE Empower Academy | 5 to 8 | 244 | 223 | 234 | 6.3 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 17.9 | 0.00 |
| Alpha: Cornerstone Academy | K-8 | * | 521 | 529 | * | * | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 |
| Alpha: José Hernández | TK-3, 5-8 | 339 | 378 | 447 | 5.4 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 |
| Bullis Charter School | TK to 8 | 1039 | 1093 | 1077 | 0.6 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 0.5 | 0.00 |
| Discovery I (Phoenix) | K to 8 | 569 | 553 | 559 | 1.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 0.4 | 0.00 |
| Discovery II (Falcon) | TK to 8 | 535 | 574 | 555 | 0.2 | 0.00 | 0.2 | 0.00 | 1.1 | 0.00 |
| Downtown College Prep - Alum Rock | 6 to 12 | 714 | 669 | 639 | 5.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 3.6 | 0.00 |
| Opportunity Youth Academy | 9 to 12 | 367 | 310 | 608 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 |
| Rocketship Alma | TK to 5 | 509 | 514 | 530 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 |
| Rocketship Brilliant Minds | TK to 5 | 635 | 606 | 566 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 |
| Rocketship Discovery Prep | TK to 5 | 506 | 521 | 493 | 0.4 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 |
| Rocketship Fuerza | TK to 5 | 623 | 631 | 607 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 |
| Rocketship Los Suenos | TK to 5 | 452 | 452 | 435 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 |
| Rocketship Mateo Sheedy | TK to 5 | 538 | 511 | 521 | 0.2 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 |
| Rocketship Rising Stars | TK to 4 | 630 | 616 | 645 | 0.3 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 |
| Rocketship Si Se Puede | TK to 5 | 400 | 379 | 355 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 |
| Summit: Denali | 6 to 12 | 609 | 634 | 699 | 0.6 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 0.9 | 0.00 |
| Summit: Tahoma | 9 to 12 | 340 | 470 | 403 | 2.7 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 2.0 | 0.00 |
| Sunrise Middle School | 5 to 8 | 267 | 260 | 322 | 6.9 | 0.00 | 0.4 | 0.00 | 2.2 | 0.00 |
| University Prep Academy | 7 to 12 | 698 | 702 | 729 | 0.8 | 0.14 | 0.3 | 0.00 | 1.2 | 0.00 |
| Voices: Morgan Hill | TK to 8 | 309 | 363 | 407 | 0.0 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 1.2 | 0.00 |
| Voices: Mt. Pleasant | TK to 8 | 286 | 315 | 364 | 0.3 | 0.00 | 0.0 | 0.00 | 2.7 | 0.00 |
| SCCBOE Authorized Total | | 10,603 | 11,295 | 11,724 | 1.5 | 0.01 | 0.0 | 0.00 | 1.53 | 0.00 |
| Santa Clara County | | 263,249 | 253,303 | 251,220 | 1.7 | 0.02 | 0.1 | 0.00 | 2.3 | 0.00 |
| State | | 6,306,934 | 6,002,523 | 6,064,658 | 2.5 | 0.05 | 0.1 | 0.00 | 3.2 | 0.10 |

Nguồn: Bộ Giáo dục California tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest>

*Không có dữ liệu nào được cung cấp cho Alpha: Cornerstone Academy Preparatory School vì đây không phải là trường được SCCBOE ủy quyền trong các năm học được liệt kê.

Tình hình tài chính của trường bán công vào niên khóa 2021-22

| Trường | ADA hàng năm | Doanh thu | Chi phí | Thay đổi trong Tài sản ròng | Tài sản ròng đầu kỳ | Tài sản ròng cuối kỳ | Chi tiêu/ADA | Học khu nơi trường bán công tọa lạc | Chi tiêu chung của Học khu/ ADA | Chi tiêu/ Chênh lệch \$ ADA |
|--|--------------|----------------------|----------------------|-----------------------------|---------------------|----------------------|--------------|--|---------------------------------|-----------------------------|
| ACE Empower ² | 188.75 | \$4,509,286 | \$4,294,491 | \$214,795 | \$58,064 | \$272,859 | \$22,752 | Alum Rock Union Elementary School District | \$18,218 | \$4,534 |
| Alpha: Cornerstone ² | 490.82 | \$7,755,431 | \$7,135,240 | \$620,191 | \$4,715,839 | \$5,336,030 | \$14,537 | Franklin-Mckinley School District | \$19,597 | (\$5,060) |
| Alpha: José Hernández ² | 373.53 | \$6,974,182 | \$6,601,657 | \$372,525 | \$1,322,915 | \$1,695,440 | \$17,674 | Alum Rock Union Elementary School District | \$18,218 | (\$544) |
| Bullis Charter School ² | 1,026.47 | \$15,647,132 | \$15,351,950 | \$295,182 | \$1,935,139 | \$2,230,321 | \$14,956 | Los Altos School District | \$21,610 | (\$6,654) |
| Discovery I (Phoenix) ² | 508.96 | \$6,653,316 | \$6,551,491 | \$101,825 | \$4,604,344 | \$4,706,169 | \$12,872 | Moreland School District | \$16,131 | (\$3,258) |
| Discovery II (Falcon) ² | 481.93 | \$6,458,178 | \$5,929,313 | \$528,865 | \$1,335,240 | \$1,864,105 | \$12,303 | San Jose Unified School District | \$16,996 | (\$4,692) |
| Downtown College Prep - Alum Rock ² | 575.34 | \$10,165,066 | \$10,110,587 | \$54,478 | \$4,878,278 | \$4,932,756 | \$17,573 | Alum Rock Union Elementary School District | \$18,218 | (\$645) |
| Opportunity Youth Academy ^{1,3} | 180.75 | \$5,761,158 | \$5,161,613 | \$599,545 | \$0 | \$0 | \$28,557 | Santa Clara County Office of Education | \$17,936 | \$10,620 |
| Rocketship Alma ¹ | 464.21 | \$8,693,305 | \$8,544,023 | \$149,282 | \$2,595,453 | \$2,744,735 | \$18,406 | San Jose Unified School District | \$16,996 | \$1,410 |
| Rocketship Brilliant Minds ¹ | 462.44 | \$9,387,875 | \$9,569,412 | (\$181,537) | \$3,913,202 | \$3,731,665 | \$20,693 | Alum Rock Union Elementary School District | \$18,218 | \$2,475 |
| Rocketship Discovery Prep ¹ | 393.95 | \$7,240,416 | \$7,435,316 | (\$194,900) | \$907,380 | \$712,480 | \$18,874 | San Jose Unified School District | \$16,996 | \$1,878 |
| Rocketship Fuerza ² | 515.38 | \$9,972,242 | \$9,295,366 | \$676,876 | \$3,311,739 | \$3,988,615 | \$18,036 | Alum Rock Union Elementary School District | \$18,218 | (\$182) |
| Rocketship Los Suenos ¹ | 345.81 | \$6,927,044 | \$7,735,488 | (\$808,444) | \$3,352,962 | \$2,544,518 | \$22,369 | Alum Rock Union Elementary School District | \$18,218 | \$4,151 |
| Rocketship Mateo Sheedy ² | 429.25 | \$7,716,744 | \$8,099,059 | (\$382,315) | \$3,732,840 | \$3,350,525 | \$18,868 | San Jose Unified School District | \$16,996 | \$1,872 |
| Rocketship Rising Star ² | 552.91 | \$9,666,148 | \$8,917,224 | \$748,924 | \$5,025,810 | \$5,774,734 | \$16,128 | Alum Rock Union Elementary School District | \$18,218 | (\$2,090) |
| Rocketship Si Se Puede ² | 288.31 | \$5,865,982 | \$6,917,973 | (\$1,051,991) | \$3,656,940 | \$2,604,949 | \$23,995 | Alum Rock Union Elementary School District | \$18,218 | \$5,777 |
| Summit: Denali ¹ | 619.28 | \$11,220,281 | \$10,741,853 | \$478,428 | \$266,946 | \$745,374 | \$17,346 | Fremont Union High School District | \$19,525 | (\$2,179) |
| Summit: Tahoma ² | 340.61 | \$5,759,543 | \$5,801,125 | (\$41,582) | \$1,812,256 | \$1,770,674 | \$17,032 | East Side Union High School District | \$16,042 | \$989 |
| Sunrise Middle School ² | 259.09 | \$4,723,629 | \$4,459,118 | \$264,511 | \$1,243,824 | \$1,508,335 | \$17,211 | San Jose Unified School District | \$16,996 | \$215 |
| University Preparatory Academy ¹ | 699.28 | \$9,269,453 | \$9,112,212 | \$157,241 | \$4,704,540 | \$4,861,781 | \$13,031 | San Jose Unified School District | \$16,996 | (\$3,965) |
| Voices: Morgan Hill ² | 337.83 | \$6,115,007 | \$5,122,993 | \$992,014 | \$2,374,134 | \$3,366,148 | \$15,164 | Morgan Hill Unified School District | \$13,666 | \$1,499 |
| Voices: Mt. Pleasant ² | 264.13 | \$5,237,861 | \$5,114,425 | \$123,436 | \$626,275 | \$749,711 | \$19,363 | Mt. Pleasant Elementary School District | \$19,475 | (\$112) |
| TOTAL | | \$171,719,279 | \$168,001,930 | | | | | | | |

¹Toàn quận - Được định nghĩa trong Bộ luật Giáo dục Phần 47605.6. Xem trang 68.

²Khiếu nại của Học khu - Được xác định trong Bộ luật Giáo dục Phần 47605(k). Xem trang 67.

³Trường bán công được tài trợ tại địa phương - Tài trợ được giải ngân thông qua LEA cấp phép cho trường bán công (SCCBOE).

Nguồn: Thông tin Trường bán công thu được từ kiểm toán tài chính năm tài chính niên khóa 2021-22

Thông tin Học khu thu được từ Bộ Giáo dục California (CDE)

"Trường bán công trong California" Ed-Data 2021. <https://www.ed-data.org/article/Charter-Schools-in-California#A2>

Số Học sinh ở Hạt Santa Clara

Khoảng 4,4% học sinh tại Hạt Santa Clara học tại trường bán công được SCCBOE ủy quyền. Khi tính tổng số học sinh trường bán công, Trường bán công được SCCBOE ủy quyền là học khu lớn thứ sáu trong số 31 học khu trong quận. Số Học sinh thuộc Học khu ở Hạt Santa Clara dưới đây được sắp xếp từ lớn nhất đến thấp nhất.

| Học khu | Số Học sinh | | |
|--|----------------|----------------|----------------|
| | 2020-21 | 2021-22 | 2022-23 |
| San José Unified | 28,710 | 26,901 | 26,479 |
| East Side Union High | 25,946 | 25,174 | 24,514 |
| Santa Clara Unified | 14,808 | 14,028 | 13,919 |
| Cupertino Union | 15,663 | 14,084 | 13,467 |
| Gilroy Unified | 11,360 | 11,164 | 10,972 |
| SCCBOE Authorized Charter Schools | 11,295 | 10,888 | 10,457 |
| Palo Alto Unified | 10,754 | 10,509 | 10,318 |
| Fremont Union High | 10,836 | 10,296 | 10,019 |
| Milpitas Unified | 10,413 | 10,072 | 9,967 |
| Evergreen Elementary | 9,789 | 9,165 | 8,880 |
| Alum Rock Union Elementary | 9,850 | 9,226 | 8,807 |
| Morgan Hill Unified | 8,894 | 8,664 | 8,667 |
| Oak Grove Elementary | 9,362 | 8,860 | 8,663 |
| Campbell Union High | 8,606 | 8,583 | 8,639 |
| Franklin-Mckinley Elementary | 8,980 | 8,402 | 8,107 |
| Campbell Union | 6,622 | 6,230 | 6,253 |
| Berryessa Union Elementary | 6,534 | 6,258 | 5,940 |
| Sunnyvale | 5,950 | 5,480 | 5,465 |
| Union Elementary | 5,727 | 5,447 | 5,355 |
| Mountain View Whisman | 4,753 | 4,522 | 4,522 |
| Mountain View-Los Altos Union High | 4,563 | 4,539 | 4,448 |
| Moreland | 4,364 | 4,043 | 3,940 |
| Los Altos Elementary | 3,576 | 3,347 | 3,355 |
| Los Gatos-Saratoga Joint Union High | 3,470 | 3,382 | 3,269 |
| Cambrian | 3,172 | 2,985 | 2,919 |
| Los Gatos Union Elementary | 2,710 | 2,618 | 2,626 |
| Mt. Pleasant Elementary | 1,929 | 1,710 | 1,648 |
| Saratoga Union Elementary | 1,657 | 1,596 | 1,625 |
| SCCOE Schools | 1,213 | 1,047 | 1,057 |
| Orchard Elementary | 815 | 765 | 763 |
| Loma Prieta Elementary | 441 | 424 | 436 |
| Luther Burbank | 475 | 437 | 422 |
| Lakeside Joint | 66 | 67 | 74 |
| Santa Clara County | 253,303 | 240,913 | 235,992 |

Nguồn: Bộ Giáo dục California tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest>



ACE Empower Academy

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: 5-8



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Khiếu nại với Học khu (ARUSD)



Được ủy quyền bởi SCCBOE:
2007



Năm khai trương:
2008



Năm gia hạn:
2011, 2016, 2020



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2021-2026

Số liệu tài chính

| | |
|---|-----------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$108,425 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$69,611 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$55,423 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$19,792 |
| Tỷ lệ CMO | 9% |
| Chi phí CMO | \$342,283 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$449,823 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | Yes |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 401(k) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm (Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên) | 64% |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

Lớp 4-8 21:1

Giáo viên

| | |
|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 |
| Người Châu Á | 2 |
| Người da trắng | 6 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 0 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 9 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 3 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2 |

Quản trị viên

| | |
|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 0 |
| Người da trắng | 2 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 0 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 2 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 6 |

Nhân viên hỗ trợ

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 1 |
| Người da trắng | 9 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 0 |
| Sắc tộc khác | 1 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 11 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 5 |

Hiệu trưởng: Michelle Williams

CMO: ACE Charter Schools

625 S. Sunset Ave. • San José, CA 95116 • Tel: 408-729-3920 • E-mail: mwilliams@acecharter.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 192
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 0

Học sinh từ các Học khu địa phương
75% (144)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
83.2%

NHÓM HỌC SINH

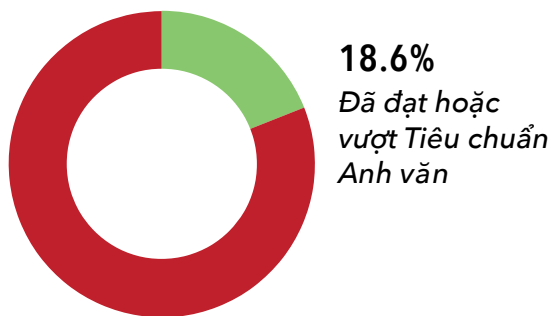
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
65.6% (126)

Học sinh khuyết tật (SWD)
16.2% (31)

Khó khăn về kinh tế (SED)
91.2 (175)

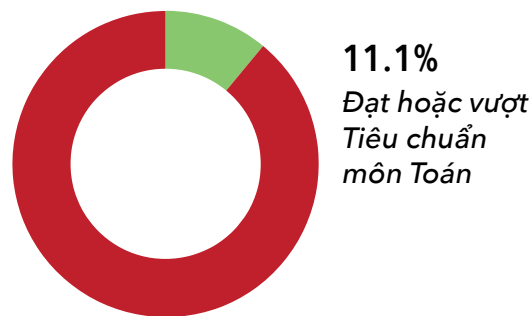
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

5.0%

Học sinh khuyết tật (SWD)

3.1%

Khó khăn về kinh tế (SED)

17.8%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

4.3%

Học sinh khuyết tật (SWD)

3.3%

Khó khăn về kinh tế (SED)

9.8%



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Khiếu nại với Học khu (FMSD)



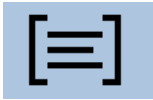
Được ủy quyền bởi FMSD: 2009
Được ủy quyền bởi SCCBOE: 2020



Năm khai trương:
2010



Năm gia hạn:
2020



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2020-2027

Số liệu tài chính

| | |
|---|-------------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$107,825 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$85,396 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$52,289 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$15,231 |
| Tỷ lệ CMO | 17% |
| Chi phí CMO | \$1,080,647 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$227,943 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 23% |
| <i>(Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên)</i> | |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|----------|------|---------|------|
| Lớp TK/K | 29:1 | Lớp 1-3 | 29:1 |
| Lớp 4-8 | 28:1 | | |

Giáo viên

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 |
| Người Châu Á | 4 |
| Người da trắng | 8 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 11 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 2 |
| Tổng số | 26 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 6 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 4.4 |

Quản trị viên

| | |
|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 |
| Người Châu Á | 0 |
| Người da trắng | 1 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 3 |
| Sắc tộc khác | 1 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 6 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 4.2 |

Nhân viên hỗ trợ

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 3 |
| Người Châu Á | 1 |
| Người da trắng | 14 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 1 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 19 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3.5 |

Hiệu trưởng: Fallon Housman

CMO: Alpha Public Schools

1598 Lucretia Ave. • San José, CA 95122 • Tel: 408-361-3876 • E-mail: fhousman@alphapublicschools.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 516
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 420

Học sinh từ các Học khu địa phương
57.9% (299)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
90.6%

NHÓM HỌC SINH

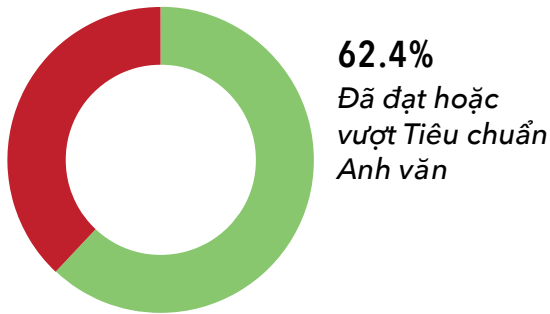
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
26% (134)

Học sinh khuyết tật (SWD)
8.9% (46)

Khó khăn về kinh tế (SED)
53.7% (277)

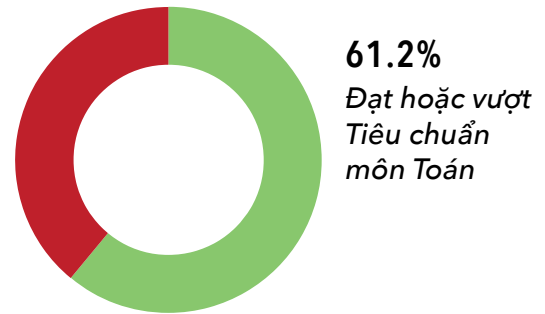
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

13.9%

Học sinh khuyết tật (SWD)

22.2%

Khó khăn về kinh tế (SED)

56.1%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

23.1%

Học sinh khuyết tật (SWD)

18.5%

Khó khăn về kinh tế (SED)

53.3%

Alpha: José Hernández

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: TK-3, 5-8



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Khiếu nại với Học khu (ARUSD)



Được ủy quyền bởi SCCBOE:
2013



Năm khai trương:
2014



Năm gia hạn:
2016



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2017-2024

Số liệu tài chính

| | |
|---|-----------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$107,105 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$78,116 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$51,239 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$16,973 |
| Tỷ lệ CMO | 17% |
| Chi phí CMO | \$958,601 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$130,609 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | No |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 31% |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|----------|------|---------|------|
| Lớp TK/K | 21:1 | Lớp 1-2 | 28:1 |
| Lớp 5-8 | 28:1 | | |

Giáo viên

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 |
| Người Châu Á | 7 |
| Người da trắng | 8 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 7 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 23 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 4 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2.7 |

Quản trị viên

| | |
|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 1 |
| Người da trắng | 5 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 0 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 6 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 5 |

Nhân viên hỗ trợ

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 |
| Người Châu Á | 1 |
| Người da trắng | 10 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 2 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 1 |
| Tổng số | 15 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2 |

Hiệu trưởng: Dr. Julianna Para

CMO: Alpha Public Schools

1601 Cunningham Ave. • San José, CA 95122 • Tel: 408-780-1551 (ext. 303) • E-mail: jparra@alphapublicschools.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 441
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 313

Học sinh từ các Học khu địa phương
57.8% (255)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
86.3%

NHÓM HỌC SINH

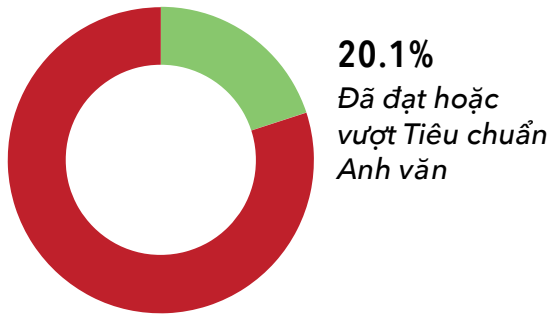
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
66.4% (293)

Học sinh khuyết tật (SWD)
10.9% (48)

Khó khăn về kinh tế (SED)
96.4% (425)

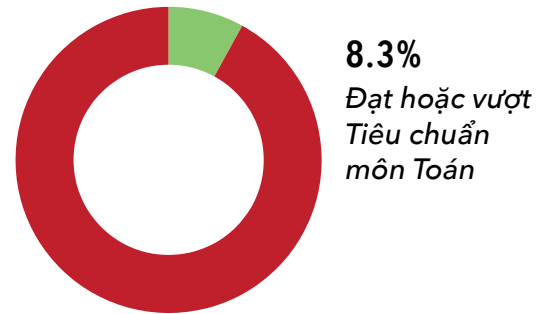
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

0.8%

Học sinh khuyết tật (SWD)

0%

Khó khăn về kinh tế (SED)

20.9%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

0%

Học sinh khuyết tật (SWD)

0%

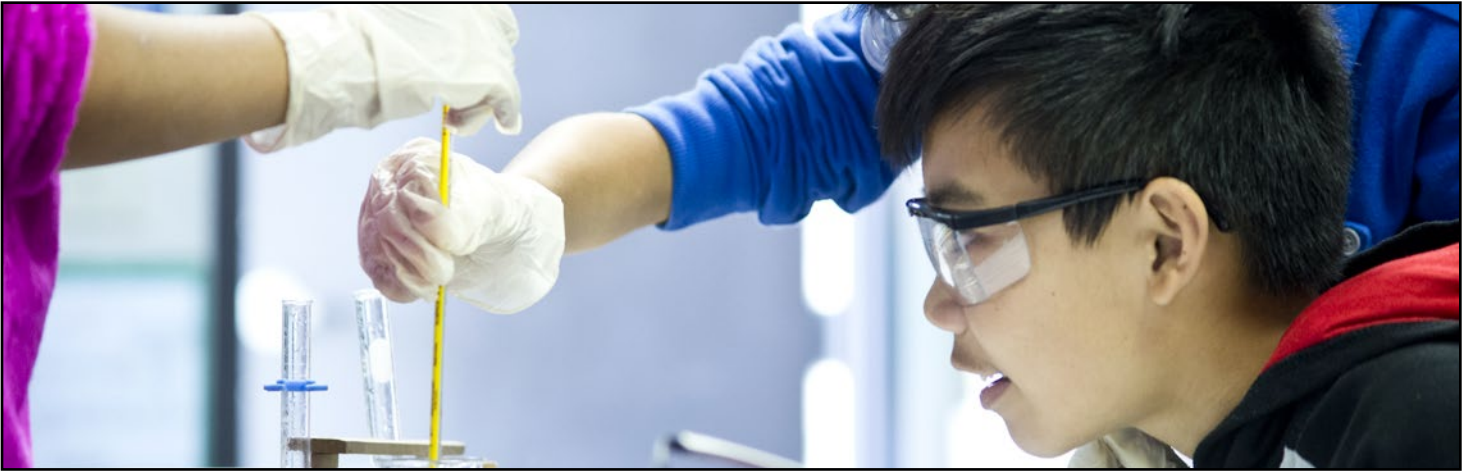
Khó khăn về kinh tế (SED)

8.7%



Bullis Charter School

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: TK-8



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Khiếu nại với Học khu (LASD)



Được ủy quyền bởi SCCBOE:
2003



Năm khai trương:
2004



Năm gia hạn:
2007, 2012, 2016



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2017-2024

Số liệu tài chính

| | |
|---|-----------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$183,393 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$85,338 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$82,337 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$14,101 |
| Tỷ lệ CMO | N/A |
| Chi phí CMO | N/A |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$329,508 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 25% |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|----------|------|---------|------|
| Lớp TK/K | 11:1 | Lớp 1-3 | 11:1 |
| Lớp 4-8 | 12:1 | | |

Giáo viên

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 13 |
| Người da trắng | 7 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 61 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 5 |
| Tổng số | 86 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 10.3 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 4.3 |

Administradores

| | |
|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 0 |
| Người da trắng | 0 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 5 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 5 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 10.6 |

Nhân viên hỗ trợ

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 |
| Người Châu Á | 7 |
| Người da trắng | 6 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 9 |
| Sắc tộc khác | 1 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 24 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 4.9 |

Hiệu trưởng: Maureen Israel

CMO: None

102 W. Portola Ave. / 11204 Covington Rd. • Los Altos, CA 94022/94024

Tel: 650-947-4100 • E-mail: misrael@bullischarterchool.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 1055
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 834

Học sinh từ các Học khu địa phương
91.9% (970)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
90.0%

NHÓM HỌC SINH

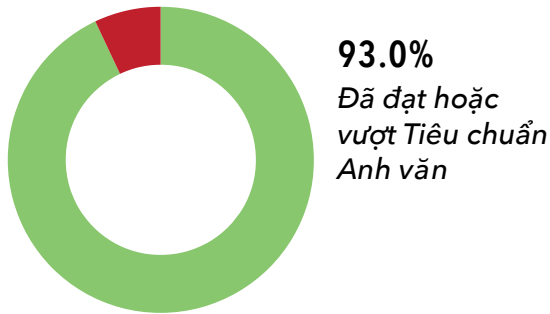
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
6.7% (71)

Học sinh khuyết tật (SWD)
7.1% (75)

Khó khăn về kinh tế (SED)
2.2% (23)

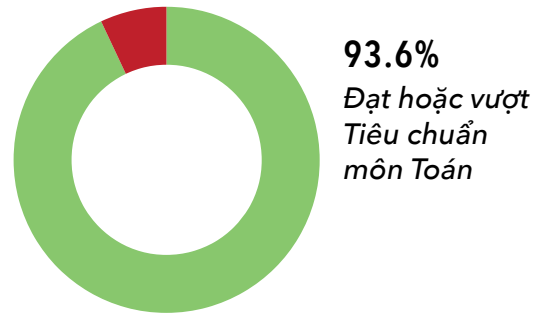
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

55.6%

Học sinh khuyết tật (SWD)

63.9%

Khó khăn về kinh tế (SED)

No Data

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

55.6%

Học sinh khuyết tật (SWD)

70.5%






Khó khăn về kinh tế (SED)

No Data

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: K-8



Dữ kiện nhanh

| | |
|---|--|
|  | Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận: Khiếu nại với Học khu (ARUSD) |
|  | Được ủy quyền bởi SCCBOE: 2006 |
|  | Năm khai trương: 2006 |
|  | Năm gia hạn: 2009, 2014, 2019 |
|  | Thời hạn hoạt động hiện tại: 2019-2026 |

Số liệu tài chính

| | |
|---|-------------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$146,900 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$91,325 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$50,195 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$11,512 |
| Tỷ lệ CMO | 0% |
| Chi phí CMO | N/A |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$449,140 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b), 457 |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 13% |
| <i>(Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên)</i> | |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|---------|------|---------|------|
| Lớp K | 22:1 | Lớp 1-3 | 22:1 |
| Lớp 4-8 | 27:1 | | |

| Giáo viên | Quản trị viên | Nhân viên hỗ trợ | |
|--------------------------------|---------------|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 | Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 4 | Người Châu Á | 4 |
| Người da trắng | 1 | Người da trắng | 5 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 22 | Người gốc Tây Ban Nha | 16 |
| Sắc tộc khác | 3 | Sắc tộc khác | 2 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 1 | Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 32 | Tổng số | 27 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 5.6 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 4.6 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 10.8 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 8.1 |

Hiệu trưởng: Carol Bauerle

CMO: Discovery Charter Schools

4021 Teale Ave. • San José, CA 95117 • Tel: 408-243-9800 • E-mail: cbauerle@discoveryk8.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 538
 Danh sách Trẻ chờ nhập học: 0

Học sinh từ các Học khu địa phương
 37.9% (205)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
 91.3%

NHÓM HỌC SINH

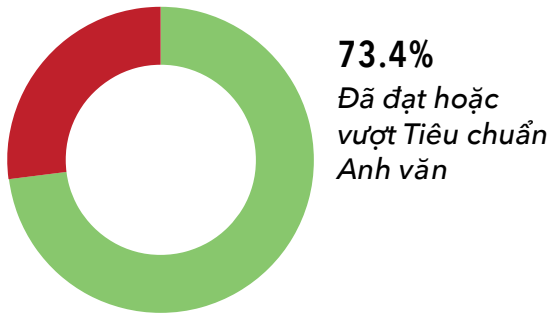
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
 13% (71)

Học sinh khuyết tật (SWD)
 9.5% (51)

Khó khăn về kinh tế (SED)
 10.3% (55)

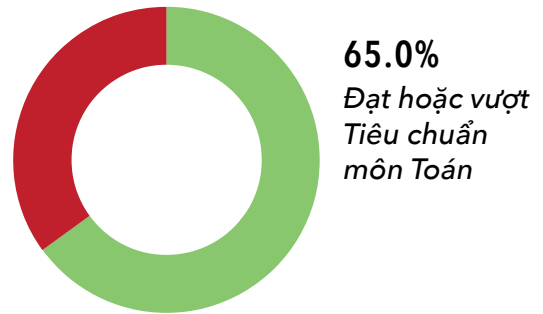
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

29.8%

Học sinh khuyết tật (SWD)

33.3%

Khó khăn về kinh tế (SED)

30.8%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

42.6%

Học sinh khuyết tật (SWD)

33.3%






Khó khăn về kinh tế (SED)

15.4%

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: TK-8



Dữ kiện nhanh

| | |
|---|--|
|  | Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận: Khiếu nại với Học khu (ARUSD) |
|  | Được ủy quyền bởi SCCBOE: 2013 |
|  | Năm khai trương: 2013 |
|  | Năm gia hạn: 2018 |
|  | Thời hạn hoạt động hiện tại: 2018-2025 |

Số liệu tài chính

| | |
|---|-------------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$146,900 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$86,306 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$52,103 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$10,480 |
| Tỷ lệ CMO | 0% |
| Chi phí CMO | N/A |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$1,198,861 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b), 457 |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 24% |
| (Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên) | |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|----------|------|---------|------|
| Lớp TK/K | 22:1 | Lớp 1-3 | 22:1 |
| Lớp 4-8 | 28:1 | | |

Giáo viên

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 |
| Người Châu Á | 4 |
| Người da trắng | 5 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 14 |
| Sắc tộc khác | 2 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 1 |
| Tổng số | 27 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 6.9 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3.8 |

Quản trị viên

| | |
|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 0 |
| Người da trắng | 2 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 1 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 3 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2.6 |

Nhân viên hỗ trợ

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 |
| Người Châu Á | 11 |
| Người da trắng | 7 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 12 |
| Sắc tộc khác | 1 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 32 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 4.3 |

Hiệu trưởng: Karla Lund

CMO: Discovery Charter Schools

762 Sunset Glen • San José, CA 95123 • Tel: 408-300-1358 • E-mail: klund@discoverytwo.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 477
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 0

Học sinh từ các Học khu địa phương
45.8% (216)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
97.7%

NHÓM HỌC SINH

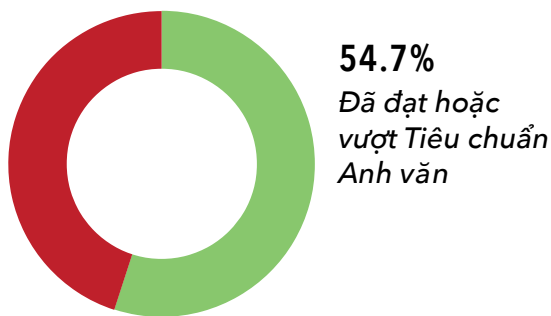
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
9.6% (47)

Học sinh khuyết tật (SWD)
12.9% (63)

Khó khăn về kinh tế (SED)
13.7% (67)

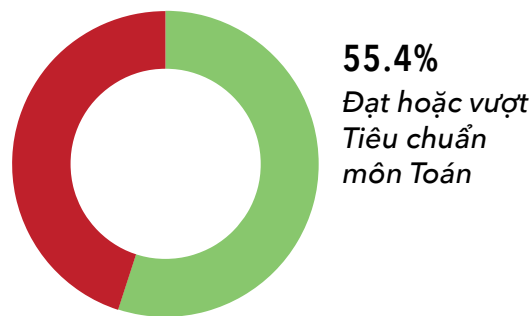
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

19.1%

Học sinh khuyết tật (SWD)

20.5%

Khó khăn về kinh tế (SED)

12.5%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

33.3%

Học sinh khuyết tật (SWD)

33.3%

Khó khăn về kinh tế (SED)

12.5%



Downtown College Prep (DCP) – Alum Rock

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: 6-12



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Khiếu nại với Học khu (ESUHSD)



Được ủy quyền bởi SCCBOE:
2009



Năm khai trương:
2011



Năm gia hạn:
2016, 2020



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2021-2026

Số liệu tài chính

| | |
|---|---------------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$126,788 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$84,588 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$52,293 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$23,005 |
| Tỷ lệ CMO | 15% |
| Chi phí CMO | \$979,496 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$665,087 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | Yes |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b)/457(b) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 35% |
| (Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên) | |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|---------|------|----------|------|
| Lớp 4-8 | 32:1 | Lớp 9-12 | 32:1 |
|---------|------|----------|------|

Giáo viên

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 2 |
| Người Châu Á | 1 |
| Người da trắng | 12 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 12 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 3 |
| Tổng số | 30 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 4.4 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2.9 |

Quản trị viên

| | |
|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 |
| Người Châu Á | 0 |
| Người da trắng | 1 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 0 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 2 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 8.5 |

Nhân viên hỗ trợ

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 2 |
| Người Châu Á | 2 |
| Người da trắng | 28 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 2 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 1 |
| Tổng số | 35 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 1.9 |

Hiệu trưởng: Jose Zavala (6-8), Joyce Davis (9-12)CMO: Downtown College Prep

2800 Ocala Rd. / 1776 Educational Park Dr., Bldg H • San José, CA 95148 / 95122

Tel: 408-942-7000 / 408-384-4554 • E-mail: jzavala@dcp.org / jdavis@dcp.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 504
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 29

Học sinh từ các Học khu địa phương
78% (394)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
71%

NHÓM HỌC SINH

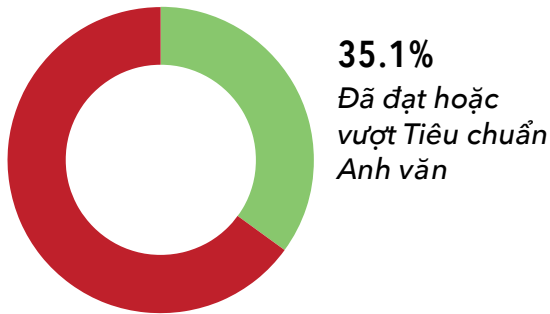
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
30% (156)

Học sinh khuyết tật (SWD)
13% (69)

Khó khăn về kinh tế (SED)
70% (356)

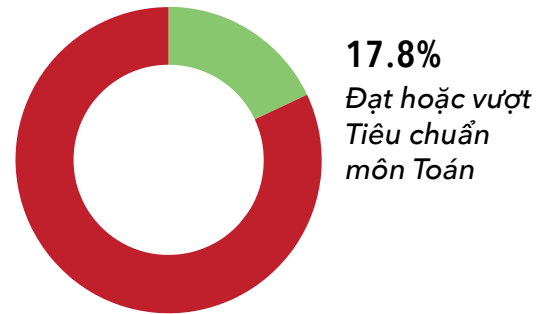
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

7.2%

Học sinh khuyết tật (SWD)

8.8%

Khó khăn về kinh tế (SED)

30.7%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

0.8%

Học sinh khuyết tật (SWD)

2.90%






Khó khăn về kinh tế (SED)

15.4%

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: 9-12 (Tuổi 16-24)



Dữ kiện nhanh

| | |
|---|--|
|  | Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận: Toàn Quận |
|  | Được ủy quyền bởi SCCBOE: 2016 |
|  | Năm khai trương: 2016 |
|  | Năm gia hạn: 2021 |
|  | Thời hạn hoạt động hiện tại: 2021-2026 |

Số liệu tài chính

| | |
|---|-----------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$179,944 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$150,250 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$71,000 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$20,717 |
| Tỷ lệ CMO | N/A |
| Chi phí CMO | N/A |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$58,469 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | Yes |
| Các phúc lợi hưu trí khác | N/A |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 0% |

(Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên)

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

Lớp 9-12 38:1

| Giáo viên | Quản trị viên | Nhân viên hỗ trợ |
|--------------------------------|---------------|------------------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 | 0 |
| Người Châu Á | 1 | 0 |
| Người da trắng | 3 | 1 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 4 | 1 |
| Sắc tộc khác | 1 | 1 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 | 0 |
| Tổng số | 10 | 3 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 5 | 5 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 5 | 0 |

Hiệu trưởng: Phil Morales

SCCOE Dependent Charter

Main Office - OYA Snell - 3550 Snell Ave. • San José, CA 95136 • Tel: 408-573-3260 • E-mail: pmorales@sccoe.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 347
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 0

Học sinh từ các Học khu địa phương
100% (347)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
100%

NHÓM HỌC SINH

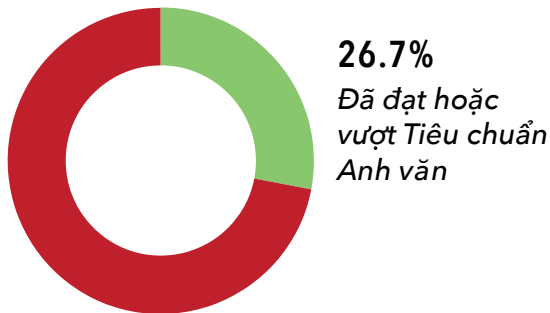
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
22% (76)

Học sinh khuyết tật (SWD)
22% (76)

Khó khăn về kinh tế (SED)
88% (305)

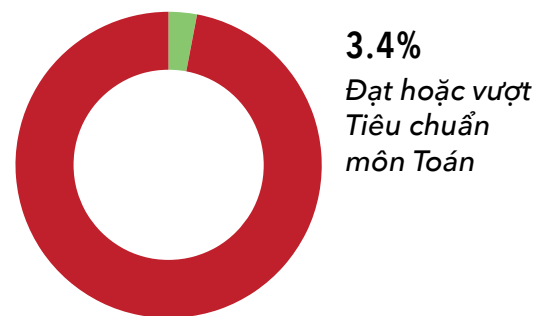
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

12.5%

Học sinh khuyết tật (SWD)

0%

Khó khăn về kinh tế (SED)

26.5%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

0%

Học sinh khuyết tật (SWD)

0%

Khó khăn về kinh tế (SED)

0%

OYA là trường thuộc Dashboard Alternative School Status (DASS). DASS cho phép các trường thay thế ở California sử dụng phương pháp đánh giá đã được sửa đổi để hỗ trợ số lượng học sinh luôn thay đổi một cách công bằng.



Rocketship Alma Academy

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: TK-5



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Toàn Quận



Được ủy quyền bởi SCCBOE:
2011



Năm khai trương:
2012



Năm gia hạn:
2017



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2017-2024

Số liệu tài chính

| | |
|---|-------------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$94,639 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$66,451 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$37,070 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$18,164 |
| Tỷ lệ CMO | 15% |
| Chi phí CMO | \$1,543,155 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$721,536 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 29% |
| <i>(Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên)</i> | |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|----------|------|---------|------|
| Lớp TK/K | 30:1 | Lớp 1-3 | 29:1 |
| Lớp 4-8 | 27:1 | | |

| Giáo viên | Quản trị viên | Nhân viên hỗ trợ | |
|--------------------------------|---------------|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 | Người Mỹ gốc Phi | 4 |
| Người Châu Á | 6 | Người Châu Á | 0 |
| Người da trắng | 12 | Người da trắng | 15 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 4 | Người gốc Tây Ban Nha | 3 |
| Sắc tộc khác | 0 | Sắc tộc khác | 2 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 | Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 1 |
| Tổng số | 23 | Tổng số | 25 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 2.7 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3.4 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2.6 | | |

Hiệu trưởng: Carly Reiss

CMO: Rocketship Public Schools

198 W. Alma Ave. • San José, CA 95110 • Tel: 408-931-6838 • E-mail: creiss@rsed.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 517
 Danh sách Trẻ chờ nhập học: 69

Học sinh từ các Học khu địa phương
 56.1% (290)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
 87.4%

NHÓM HỌC SINH

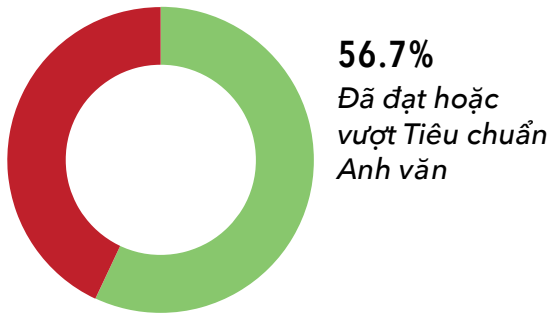
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
 57.3% (296)

Học sinh khuyết tật (SWD)
 12.6% (65)

Khó khăn về kinh tế (SED)
 61.3% (317)

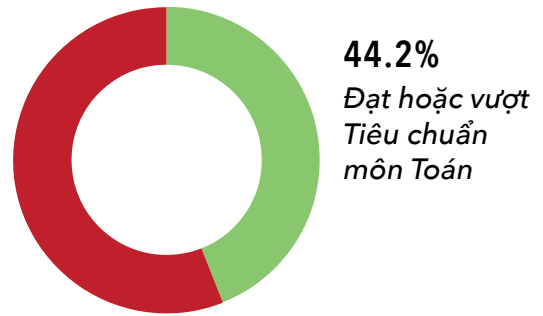
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)



Học sinh khuyết tật (SWD)



Khó khăn về kinh tế (SED)



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)



Học sinh khuyết tật (SWD)



Khó khăn về kinh tế (SED)





Rocketship Academy for Brilliant Minds

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: TK-5



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Toàn Quận



Được ủy quyền bởi SCCBOE:
2011



Năm khai trương:
2012



Năm gia hạn:
2016



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2017-2024

Số liệu tài chính

| | |
|---|-------------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$102,092 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$66,596 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$38,608 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$19,023 |
| Tỷ lệ CMO | 15% |
| Chi phí CMO | \$1,796,248 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$849,602 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 29% |
| (Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên) | |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|----------|------|---------|------|
| Lớp TK/K | 34:1 | Lớp 1-3 | 28:1 |
| Lớp 4-8 | 29:1 | | |

Giáo viên

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 6 |
| Người da trắng | 10 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 4 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 3 |
| Tổng số | 23 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 3.9 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3.6 |

Quản trị viên

| | |
|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 3 |
| Người da trắng | 2 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 3 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 8 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3.7 |

Nhân viên hỗ trợ

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 |
| Người Châu Á | 1 |
| Người da trắng | 18 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 1 |
| Sắc tộc khác | 1 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 22 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3.5 |

Hiệu trưởng: Lisa Greene

CMO: Rocketship Public Schools

2962 Story Rd. • San José, CA 95127 • Tel: 408-708-5650 • E-mail: lgreene@rsed.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 498
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 36

Học sinh từ các Học khu địa phương
56% (280)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
83.4%

NHÓM HỌC SINH

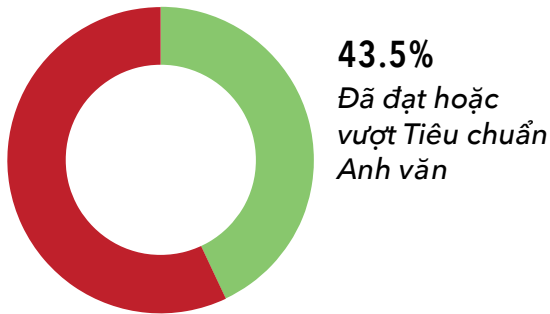
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
54.2% (270)

Học sinh khuyết tật (SWD)
11.9% (59)

Khó khăn về kinh tế (SED)
75.3% (322)

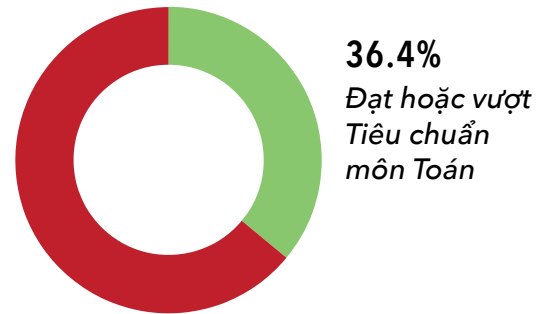
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



ELA Logrado o Superado por Grupo de Estudiantes

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)
32.4%

Học sinh khuyết tật (SWD)
7.1%

Khó khăn về kinh tế (SED)
39.6%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)
22.5%

Học sinh khuyết tật (SWD)
14.3%

Khó khăn về kinh tế (SED)
32.4%



Rocketship Discovery Prep

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: TK-5



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Toàn Quận



Được ủy quyền bởi SCCBOE:
2011



Năm khai trương:
2011



Năm gia hạn:
2016, 2020



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2021-2026

Số liệu tài chính

| | |
|---|-------------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$91,352 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$67,295 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$38,681 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$18,437 |
| Tỷ lệ CMO | 15% |
| Chi phí CMO | \$1,291,149 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$746,524 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 57% |
| (Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên) | |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|----------|------|---------|------|
| Lớp TK/K | 29:1 | Lớp 1-3 | 23:1 |
| Lớp 4-8 | 27:1 | | |

Giáo viên

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 4 |
| Người Châu Á | 6 |
| Người da trắng | 8 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 2 |
| Sắc tộc khác | 1 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 21 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 2.4 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2.4 |

Quản trị viên

| | |
|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 2 |
| Người Châu Á | 0 |
| Người da trắng | 4 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 0 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 6 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 6.2 |

Nhân viên hỗ trợ

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 2 |
| Người Châu Á | 1 |
| Người da trắng | 13 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 2 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 18 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2.7 |

Hiệu trưởng: Jasmin Quiroz

CMO: Rocketship Public Schools

370 Wooster Ave. • San José, CA 95116 • Tel: 408-217-8951 • E-mail: jquiroz@rsed.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 428

Danh sách Trẻ chờ nhập học: 5

Học sinh từ các Học khu địa phương

50.4% (216)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm

Số Học sinh trở lại học vào năm sau.

77.5%

NHÓM HỌC SINH

Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)

55.1% (236)

Học sinh khuyết tật (SWD)

10.3% (44)

Khó khăn về kinh tế (SED)

75.6% (304)

ELA:

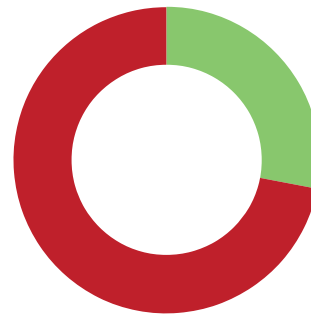
Tất cả học sinh Anh văn



29.0%
Đã đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn

MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



27.7%
Đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn môn Toán

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

13.7%

Học sinh khuyết tật (SWD)

0%

Khó khăn về kinh tế (SED)

25.2%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

15.3%

Học sinh khuyết tật (SWD)

9.5%

Khó khăn về kinh tế (SED)

23.5%



Rocketship Fuerza Community Prep

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: TK-5



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Khiếu nại với Học khu (ARUSD)



Được ủy quyền bởi SCCBOE:
2014



Năm khai trương:
2014



Năm gia hạn:
2018



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2019-2026

Số liệu tài chính

| | |
|---|-------------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$93,204 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$66,635 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$40,232 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$17,761 |
| Tỷ lệ CMO | 15% |
| Chi phí CMO | \$1,883,564 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$1,108,944 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 15% |
| (Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên) | |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|----------|------|---------|------|
| Lớp TK/K | 30:1 | Lớp 1-3 | 31:1 |
| Lớp 4-8 | 31:1 | | |

Giáo viên

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 |
| Người Châu Á | 4 |
| Người da trắng | 12 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 4 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 2 |
| Tổng số | 23 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 3 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3.2 |

Quản trị viên

| | |
|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 |
| Người Châu Á | 2 |
| Người da trắng | 3 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 0 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 1 |
| Tổng số | 7 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 5.8 |

Nhân viên hỗ trợ

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 2 |
| Người Châu Á | 3 |
| Người da trắng | 17 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 2 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 1 |
| Tổng số | 25 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 4.9 |

Hiệu trưởng: Briana Neveras

CMO: Rocketship Public Schools

70 S. Jackson Ave. • San José, CA 95116 • Tel: 408-708-5744 • E-mail: bneveras@rsed.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 559
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 63

Học sinh từ các Học khu địa phương
65.6% (367)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
80.8%

NHÓM HỌC SINH

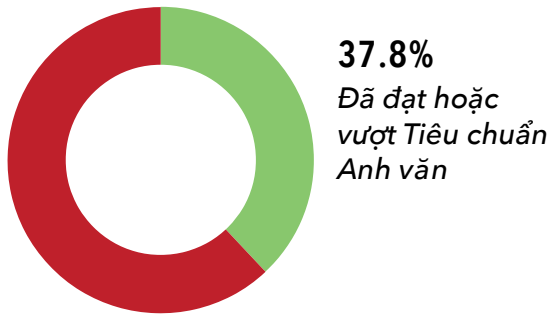
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
61.7% (345)

Học sinh khuyết tật (SWD)
8.1% (45)

Khó khăn về kinh tế (SED)
76.9% (430)

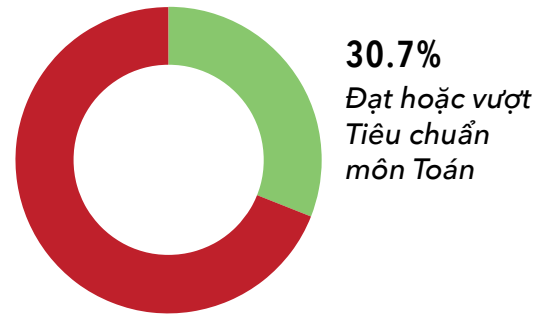
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

20.7%

Học sinh khuyết tật (SWD)

3.9%

Khó khăn về kinh tế (SED)

33.0%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

14.0%

Học sinh khuyết tật (SWD)

7.40%

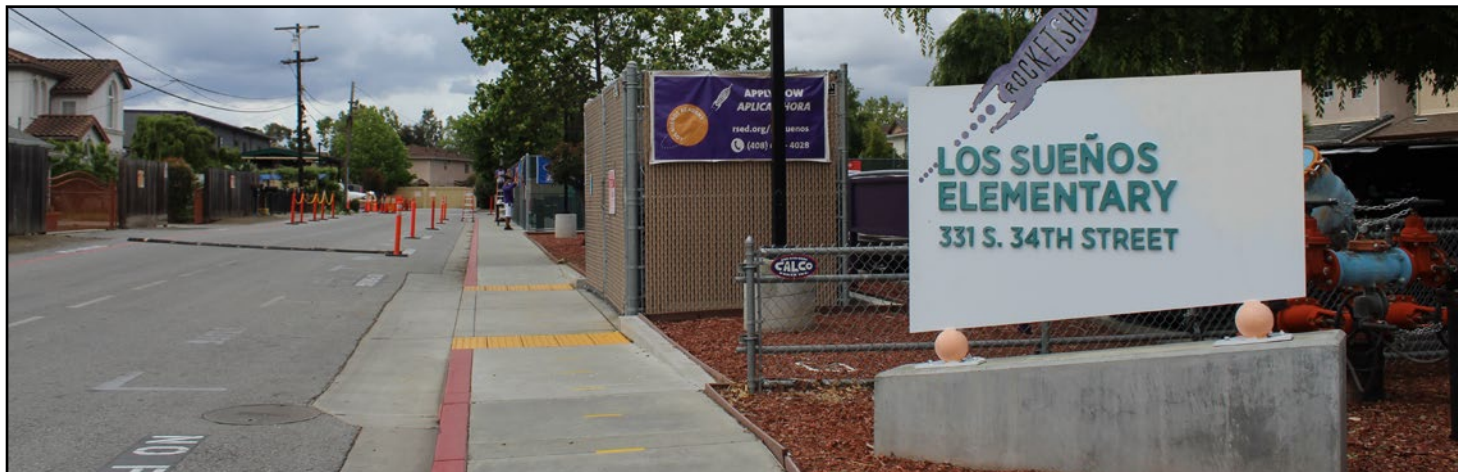
Khó khăn về kinh tế (SED)

27.8%



Rocketship Los Sueños Academy

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: TK-5



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Toàn Quận



Được ủy quyền bởi SCCBOE:
2009



Năm khai trương:
2010



Năm gia hạn:
2015, 2020



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2020-2027

Số liệu tài chính

| | |
|---|-------------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$103,143 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$69,173 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$41,170 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$20,976 |
| Tỷ lệ CMO | 15% |
| Chi phí CMO | \$1,320,137 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$859,654 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 19% |
| (Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên) | |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|----------|------|---------|------|
| Lớp TK/K | 28:1 | Lớp 1-3 | 24:1 |
| Lớp 4-8 | 25:1 | | |

| Giáo viên | Quản trị viên | Nhân viên hỗ trợ | |
|--------------------------------|---------------|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 2 | Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 5 | Người Châu Á | 1 |
| Người da trắng | 7 | Người da trắng | 11 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 4 | Người gốc Tây Ban Nha | 3 |
| Sắc tộc khác | 0 | Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 2 | Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 20 | Tổng số | 15 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 3.6 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 7.3 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 4.1 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 5.1 |

Hiệu trưởng: Gabriela Gordon

CMO: Rocketship Public Schools

331 S. 34th St. • San José, CA 95116 • Tel: 408-684-4028 • E-mail: ggordon@rsed.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 374
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 27

Học sinh từ các Học khu địa phương
53.5% (200)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
75%

NHÓM HỌC SINH

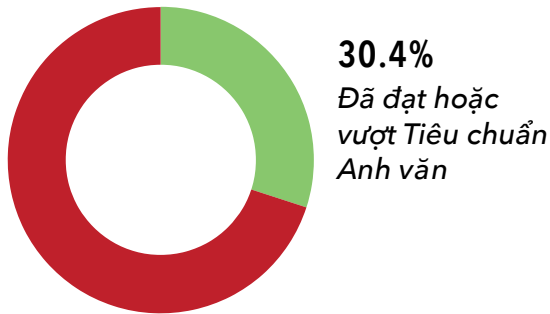
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
62.8% (235)

Học sinh khuyết tật (SWD)
12.8% (48)

Khó khăn về kinh tế (SED)
79.7% (298)

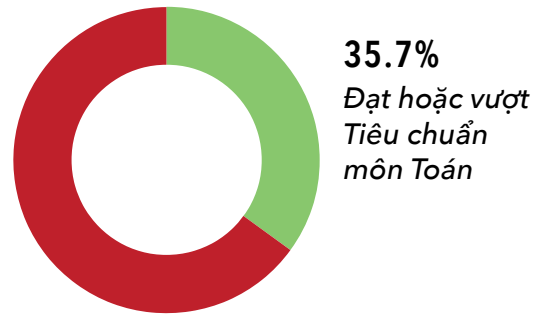
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

17.0%

Học sinh khuyết tật (SWD)

4.4%

Khó khăn về kinh tế (SED)

26.4%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

20.8%

Học sinh khuyết tật (SWD)

8.7%

Khó khăn về kinh tế (SED)

33.1%



Rocketship Mateo Sheedy

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: TK-5



Dữ kiện nhanh

| | |
|--|--|
| | Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận: Khiếu nại với Học khu (SJUSD) |
| | Được ủy quyền bởi SCCBOE: 2006 |
| | Năm khai trương: 2007 |
| | Năm gia hạn: 2009, 2015, 2019 |
| | Thời hạn hoạt động hiện tại: 2020-2027 |

Số liệu tài chính

| | |
|---|-------------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$98,119 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$66,408 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$38,146 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$17,116 |
| Tỷ lệ CMO | 15% |
| Chi phí CMO | \$1,534,852 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$868,362 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 52% |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|----------|------|---------|------|
| Lớp TK/K | 20:1 | Lớp 1-3 | 27:1 |
| Lớp 4-8 | 29:1 | | |

| Giáo viên | Quản trị viên | Nhân viên hỗ trợ | |
|--------------------------------|---------------|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 | Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 3 | Người Châu Á | 1 |
| Người da trắng | 9 | Người da trắng | 17 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 5 | Người gốc Tây Ban Nha | 1 |
| Sắc tộc khác | 1 | Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 | Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 18 | Tổng số | 19 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 2.9 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 6.4 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3.2 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2.6 |

Hiệu trưởng: Courtney English CMO: Rocketship Public Schools

768 Locust St. • San José, CA 95110 • Tel: 408-286-3330 • E-mail: cenglish@rsed.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 490
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 66

Học sinh từ các Học khu địa phương
63.5% (311)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.

81.9%

NHÓM HỌC SINH

Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
57.8% (283)

Học sinh khuyết tật (SWD)
7.8% (38)

Khó khăn về kinh tế (SED)
75.9% (372)

ELA:

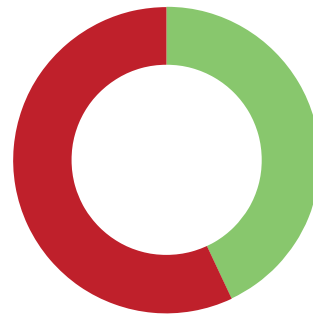
Tất cả học sinh Anh văn



38.1%
Đã đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn

MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



43.3%
Đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn môn Toán

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

18.9%

Học sinh khuyết tật (SWD)

9.1%

Khó khăn về kinh tế (SED)

35.8%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

23.2%

Học sinh khuyết tật (SWD)

9.1%

Khó khăn về kinh tế (SED)

39.9%



Rocketship Rising Stars Academy

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: TK-5



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Khiếu nại với Học khu (FMSD)



Được ủy quyền bởi SCCBOE:
2015



Năm khai trương:
2016



Năm gia hạn:
2020



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2021-2026

Số liệu tài chính

| | |
|---|-------------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$95,388 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$69,517 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$40,450 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$15,945 |
| Tỷ lệ CMO | 15% |
| Chi phí CMO | \$1,861,229 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$845,520 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 15% |
| (Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên) | |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|----------|------|---------|------|
| Lớp TK/K | 32:1 | Lớp 1-3 | 37:1 |
| Lớp 4-8 | 35:1 | | |

Giáo viên

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 6 |
| Người da trắng | 10 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 5 |
| Sắc tộc khác | 1 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 2 |
| Tổng số | 24 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 3 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3.3 |

Quản trị viên

| | |
|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 1 |
| Người da trắng | 6 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 1 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 8 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 5 |

Nhân viên hỗ trợ

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 2 |
| Người da trắng | 16 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 3 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 3 |
| Tổng số | 24 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3.2 |

Hiệu trưởng: Alberto Perez

CMO: Rocketship Public Schools

3172 Senter Rd. • San José, CA 95111 • Tel: 408-677-4879 • E-mail: aperez@rsed.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 593
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 43

Học sinh từ các Học khu địa phương
55% (326)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh từ năm trước học vào năm sau.
84.9%

NHÓM HỌC SINH

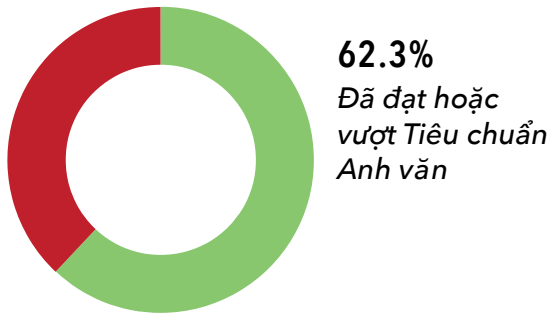
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
46.7% (277)

Học sinh khuyết tật (SWD)
8.6% (51)

Khó khăn về kinh tế (SED)
70% (415)

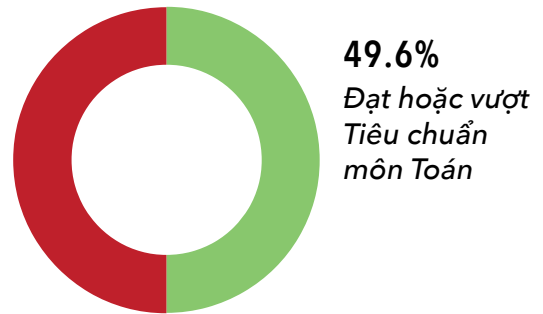
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

44.6%

Học sinh khuyết tật (SWD)

9.1%

Khó khăn về kinh tế (SED)

63.2%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

33.0%

Học sinh khuyết tật (SWD)

13.6%

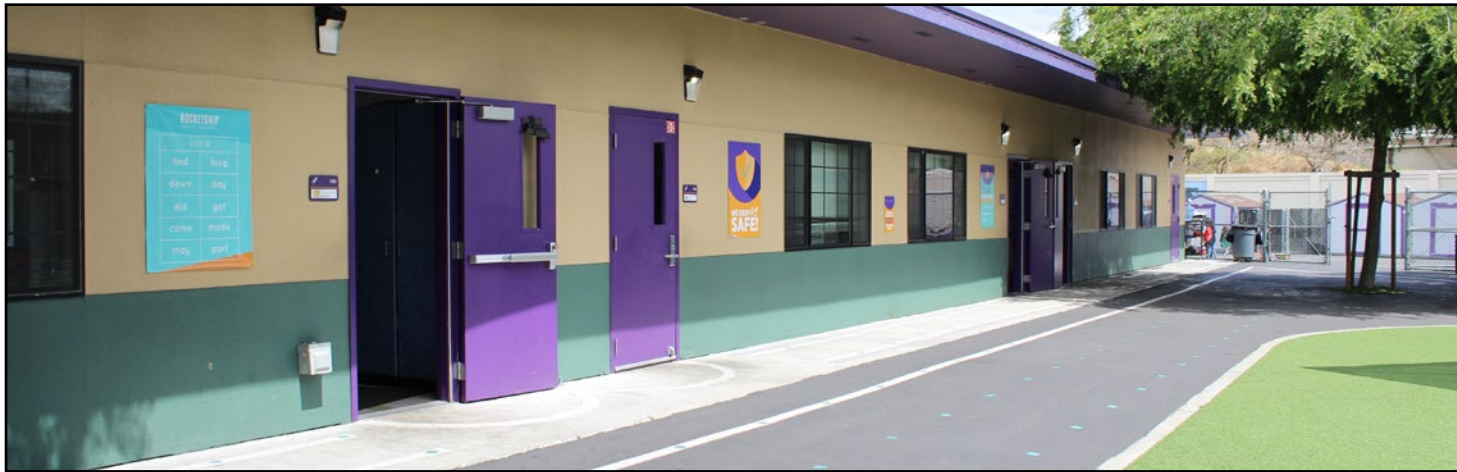
Khó khăn về kinh tế (SED)

48.0%



Rocketship Sí Se Puede Academy

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: TK-5



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Khiếu nại với Học khu (ARUSD)



Được ủy quyền bởi SCCBOE:
2008



Năm khai trương:
2009



Năm gia hạn:
2011, 2016



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2017-2024

Số liệu tài chính

| | |
|---|-------------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$95,980 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$69,435 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$40,431 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$21,707 |
| Tỷ lệ CMO | 15% |
| Chi phí CMO | \$1,208,181 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$619,413 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm (Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên) | 24% |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|----------|------|---------|------|
| Lớp TK/K | 20:1 | Lớp 1-3 | 24:1 |
| Lớp 4-8 | 27:1 | | |

| Giáo viên | Quản trị viên | Nhân viên hỗ trợ | |
|--------------------------------|---------------|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 | Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 2 | Người Châu Á | 0 |
| Người da trắng | 9 | Người da trắng | 10 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 5 | Người gốc Tây Ban Nha | 2 |
| Sắc tộc khác | 0 | Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 | Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 2 |
| Tổng số | 17 | Tổng số | 14 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 3.4 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 4.8 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3.8 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 6.2 |

Director: Danisha West

CMO: Rocketship Public Schools

2249 Dobern Ave. • San José, CA 95116 • Tel: 408-824-5180 • E-mail: dwest@rsed.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 320
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 7

Học sinh từ các Học khu địa phương
59.1% (189)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
74.4%

NHÓM HỌC SINH

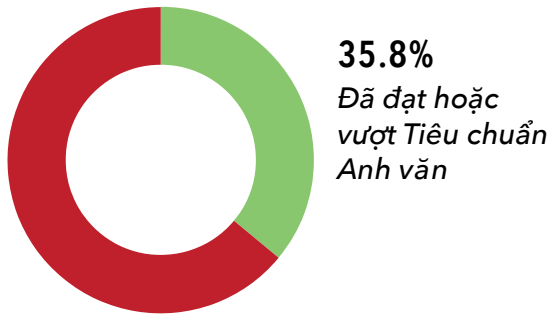
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
66.3% (212)

Học sinh khuyết tật (SWD)
11.3% (36)

Khó khăn về kinh tế (SED)
83.4% (267)

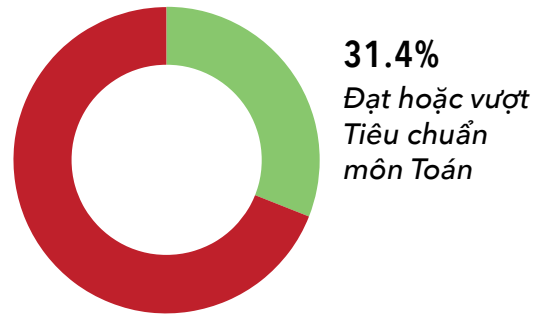
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)
25.3%

Học sinh khuyết tật (SWD)
7.7%

Khó khăn về kinh tế (SED)
32.6%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)
17.7%






Học sinh khuyết tật (SWD)
7.7%

Khó khăn về kinh tế (SED)
28.0%

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: 6-12



Dữ kiện nhanh

| | |
|---|--|
|  | Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận: Toàn Quận |
|  | Được ủy quyền bởi SCCBOE: 2012 |
|  | Năm khai trương: 2013 |
|  | Năm gia hạn: 2017 |
|  | Thời hạn hoạt động hiện tại: 2018-2025* |

Số liệu tài chính

| | |
|---|-------------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$113,667 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$81,966 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$50,000 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$16,934 |
| Tỷ lệ CMO | 17% |
| Chi phí CMO | \$1,024,489 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$1,064,951 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 401(a) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 26% |

(Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên)

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023.

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|---------|------|----------|------|
| Lớp 4-8 | 19:1 | Lớp 9-12 | 18:1 |
|---------|------|----------|------|

| Giáo viên | Quản trị viên | Nhân viên hỗ trợ | |
|--------------------------------|---------------|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 | Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 7 | Người Châu Á | 0 |
| Người da trắng | 5 | Người da trắng | 4 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 7 | Người gốc Tây Ban Nha | 2 |
| Sắc tộc khác/Không nêu rõ | 13 | Sắc tộc khác/Không nêu rõ | 1 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 1 | Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 1 |
| Tổng số | 33 | Tổng số | 8 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 5.5 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 4.2 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2.4 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3.1 |

*Trường Summit Public School: Denali sẽ tự nguyện đóng cửa vào ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Hiệu trưởng: Chloe Sargeant (6-8); Laura Zado (9-12)

CMO: Summit Public Schools

539 E. Weddell Dr. / 824 San Aleso Ave. • Sunnyvale, CA 94089/94085

Tel: 669-600-5695 • Email: csargeant@summitps.org, lzado@summitps.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 612
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 0

Học sinh từ các Học khu địa phương
44.3% (271)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
75.5%

NHÓM HỌC SINH

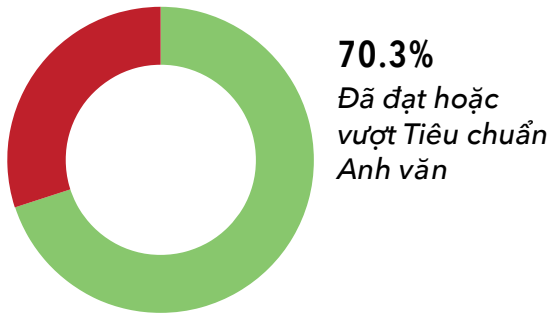
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
5.7% (35)

Học sinh khuyết tật (SWD)
17.3% (106)

Khó khăn về kinh tế (SED)
27.9% (171)

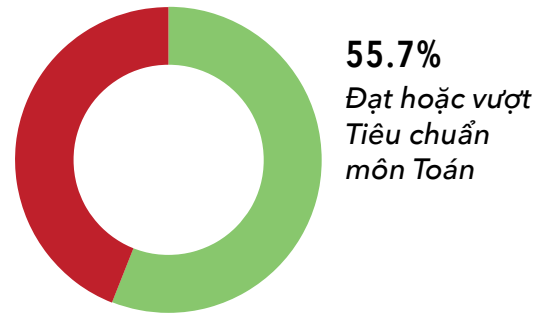
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

20.0%

Học sinh khuyết tật (SWD)

36.0%

Khó khăn về kinh tế (SED)

54.3%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

10.0%

Học sinh khuyết tật (SWD)

24.0%






Khó khăn về kinh tế (SED)

33.3%

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: 9-12



Dữ kiện nhanh

| | |
|---|---|
|  | Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận: Khiếu nại với Học khu (ESUHSD) |
|  | Được ủy quyền bởi SCCBOE: 2010 |
|  | Năm khai trương: 2011 |
|  | Năm gia hạn: 2016, 2021 |
|  | Thời hạn hoạt động hiện tại: 2021-2026 |

Số liệu tài chính

| | |
|---|-----------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$123,275 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$79,028 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$45,000 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$15,067 |
| Tỷ lệ CMO | 17% |
| Chi phí CMO | \$569,351 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$175,713 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 401(a) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 19% |
| <i>(Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên)</i> | |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:
Lớp 9-12 15:1

| Giáo viên | Quản trị viên | Nhân viên hỗ trợ | |
|--------------------------------|---------------|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 | Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 6 | Người Châu Á | 2 |
| Người da trắng | 3 | Người da trắng | 1 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 7 | Người gốc Tây Ban Nha | 0 |
| Sắc tộc khác | 1 | Sắc tộc khác | 1 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 2 | Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 20 | Tổng số | 2 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 6 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 5 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 6 |

Hiệu trưởng: Jonathan Stewart

CMO: Summit Public Schools

285 Blossom Hill Rd. • San José, CA 95123 • Tel: 408-729-1981 • E-mail: jstewart@summitps.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 315
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 2

Học sinh từ các Học khu địa phương
66% (208)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
83.3%

NHÓM HỌC SINH

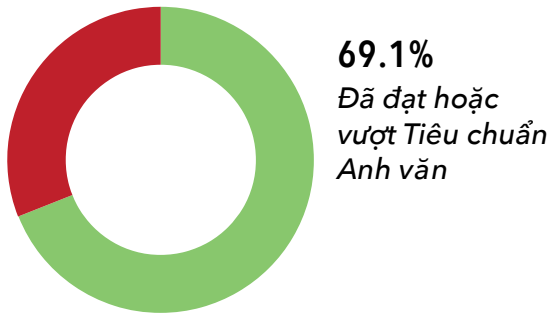
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
10.2% (31)

Học sinh khuyết tật (SWD)
5.4% (58)

Khó khăn về kinh tế (SED)
3.8% (83)

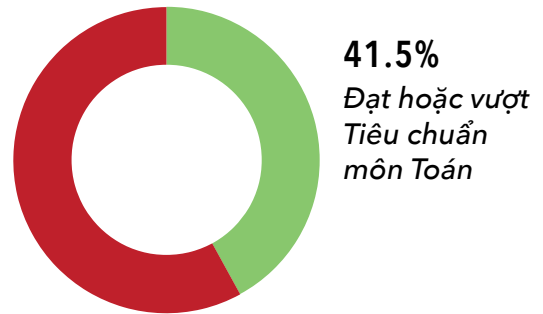
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

No Data

Học sinh khuyết tật (SWD)

23.1%

Khó khăn về kinh tế (SED)

47.6%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

No Data

Học sinh khuyết tật (SWD)

23.1%

Khó khăn về kinh tế (SED)

28.6%



Sunrise Middle School

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: 5-8



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Khiếu nại với Học khu (SJUSD)



Được ủy quyền bởi SJUSD: 2011
Được ủy quyền bởi SCCBOE: 2014



Năm khai trương:
2011



Năm gia hạn:
2018



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2019-2026

Số liệu tài chính

| | |
|---|-----------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$103,000 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$70,230 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$49,200 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$13,368 |
| Tỷ lệ CMO | N/A |
| Chi phí CMO | N/A |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$260,000 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 401k |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 20% |
| (Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên) | |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

Lớp 4-8 18:1

Giáo viên

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 3 |
| Người da trắng | 8 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 5 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 16 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 6.5 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3 |

Quản trị viên

| | |
|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 1 |
| Người da trắng | 1 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 2 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 4 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 8 |

Nhân viên hỗ trợ

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 2 |
| Người Châu Á | 1 |
| Người da trắng | 15 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 1 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 1 |
| Tổng số | 20 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3 |

Hiệu trưởng: Teresa Robinson

CMO: None

1149 E. Julian St., Bldg. G • San José, CA 95116 • Tel: 408-659-4785 • E-mail: teresa@sunrisemiddle.org

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 310
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 0

Học sinh từ các Học khu địa phương
79% (245)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
98%

NHÓM HỌC SINH

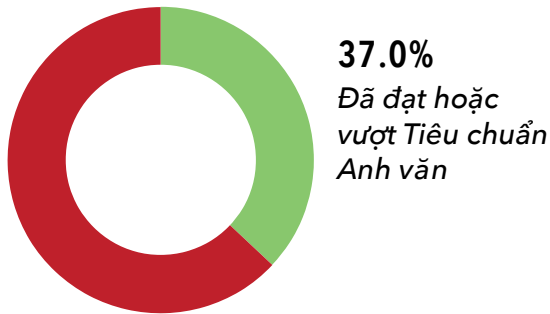
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
42% (129)

Học sinh khuyết tật (SWD)
12.2% (38)

Khó khăn về kinh tế (SED)
85% (264)

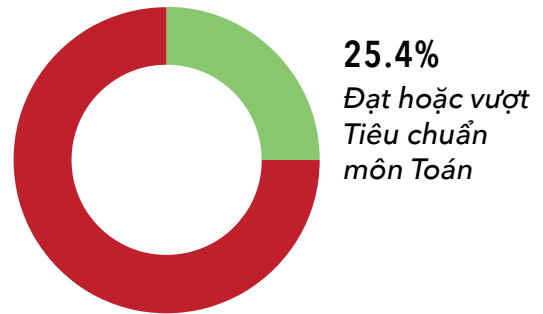
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

13.0%

Học sinh khuyết tật (SWD)

14.7%

Khó khăn về kinh tế (SED)

36.9%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

9.7%

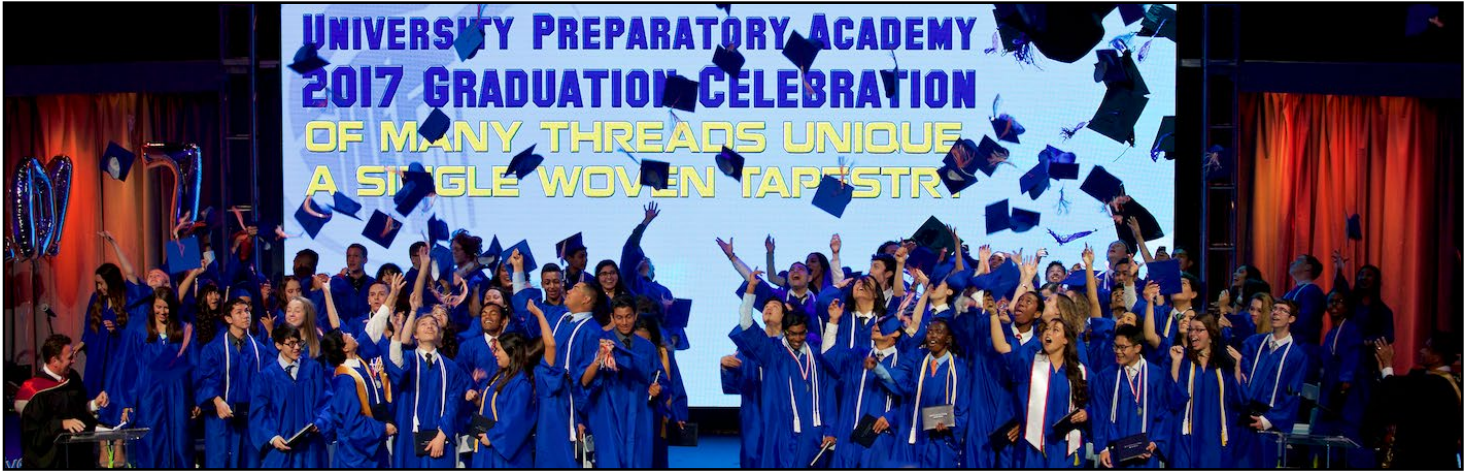
Học sinh khuyết tật (SWD)

8.8%

Khó khăn về kinh tế (SED)

26.8%

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: 7-12



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Toàn Quận



Được ủy quyền bởi SCCBOE:
2006



Năm khai trương:
2007



Năm gia hạn:
2010, 2014, 2019



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2020-2027

Số liệu tài chính

| | |
|---|-------------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$140,276 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$80,906 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$67,880 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$12,690 |
| Tỷ lệ CMO | N/A |
| Chi phí CMO | N/A |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$1,026,257 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 403(b) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm (Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên) | 4.8% |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|---------|------|----------|------|
| Lớp 4-8 | 26:1 | Lớp 9-12 | 28:1 |
|---------|------|----------|------|

Giáo viên

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 8 |
| Người da trắng | 4 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 23 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 35 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 7 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 6.4 |

Quản trị viên

| | |
|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 2 |
| Người da trắng | 0 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 3 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 5 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 6 |

Nhân viên hỗ trợ

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 2 |
| Người da trắng | 5 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 3 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 10 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 4.8 |

Hiệu trưởng: David Porter

CMO: None

2315 Canoas Garden Ave. • San José, CA 95125 • Tel: 408-723-1839 • E-mail: dporter@upatoday.com

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 713
Danh sách Trẻ chờ nhập học: 261

Học sinh từ các Học khu địa phương
22% (157)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm
Số Học sinh trở lại học vào năm sau.
98%

NHÓM HỌC SINH

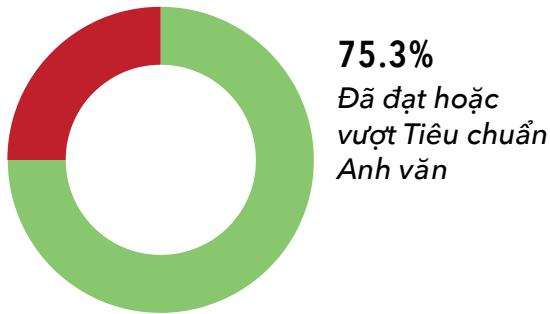
Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)
4.4% (31)

Học sinh khuyết tật (SWD)
2.5% (18)

Khó khăn về kinh tế (SED)
30.6% (218)

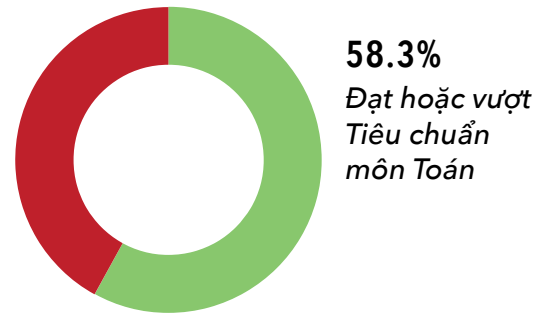
ELA:

Tất cả học sinh Anh văn



MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

30.4%

Học sinh khuyết tật (SWD)

33.3%

Khó khăn về kinh tế (SED)

58.0%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

16.7%

Học sinh khuyết tật (SWD)

28.6%

Khó khăn về kinh tế (SED)

37.0%

Voices College-Bound Language Academy at Morgan Hill

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: TK-7



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Khiếu nại với Học khu (MHUSD)



Được ủy quyền bởi SCCBOE:
2014



Năm khai trương:
2015



Năm gia hạn:
2017



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2018-2025

Số liệu tài chính

| | |
|---|-----------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$89,333 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$64,862 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$30,723 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$19,821 |
| Tỷ lệ CMO | 17% |
| Chi phí CMO | \$876,463 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$643,930 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 401(k) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 7.5% |

(Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên)

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|----------|------|---------|------|
| Lớp TK/K | 24:1 | Lớp 1-3 | 25:1 |
| Lớp 4-8 | 23:1 | | |

| Giáo viên | Quản trị viên | Nhân viên hỗ trợ | |
|--------------------------------|---------------|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 | Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 0 | Người Châu Á | 0 |
| Người da trắng | 8 | Người da trắng | 19 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 1 | Người gốc Tây Ban Nha | 0 |
| Sắc tộc khác | 1 | Sắc tộc khác | 8 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 | Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 10 | Tổng số | 27 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 2 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 3 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2 | Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2 |

Hiệu trưởng: Vicky Lopez

CMO: Voices College-Bound Language Academies

16870 Murphy Ave. / 17000 Monterey Rd. / 17720 Peak Ave. • Morgan Hill, CA 95037

Tel: 408-791-1700 • E-mail: vlopez@voicescharterschool.com

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 278

Danh sách Trẻ chờ nhập học: 47

Học sinh từ các Học khu địa phương

82.3% (229)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm

Số Học sinh trở lại học vào năm sau.

81%

NHÓM HỌC SINH

Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)

63% (178)

Học sinh khuyết tật (SWD)

10% (27)

Khó khăn về kinh tế (SED)

65% (182)

ELA:

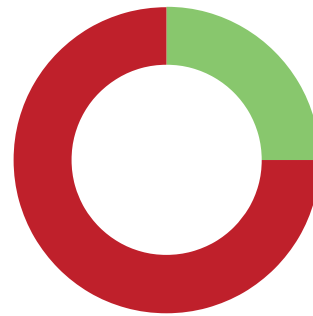
Tất cả học sinh Anh văn



32.5%
Đã đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn

MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



25.0%
Đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn môn Toán

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

18.3%

Học sinh khuyết tật (SWD)

11.5%

Khó khăn về kinh tế (SED)

28.3%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

12.3%

Học sinh khuyết tật (SWD)

7.7%

Khó khăn về kinh tế (SED)

23.9%

Voices College-Bound Language Academy at Mt. Pleasant

Niên khóa 2022-2023 • Khối lớp hiện tại: TK-8



Dữ kiện nhanh



Khiếu nại với Học khu hoặc toàn Quận:
Khiếu nại với Học khu (MPESD)



Được ủy quyền bởi SCCBOE:
2015



Năm khai trương:
2015



Năm gia hạn:
2019



Thời hạn hoạt động hiện tại:
2020-2027

Số liệu tài chính

| | |
|---|-----------|
| Mức lương trung bình của Quản trị viên Trường học | \$99,387 |
| Mức lương trung bình của Giáo viên | \$66,632 |
| Mức lương trung bình của Nhân viên Phân loại | \$35,550 |
| Chi phí trung bình cho mỗi học sinh | \$20,036 |
| Tỷ lệ CMO | 17% |
| Chi phí CMO | \$954,679 |
| Chi phí Cơ sở vật chất | \$700,000 |
| Cơ sở vật chất - Thuê/Sở hữu | Leased |
| Tham gia STERS | Yes |
| Tham gia PERS | No |
| Các phúc lợi hưu trí khác | 401(k) |
| Tỷ lệ giáo viên rời đi hàng năm | 6% |
| <i>(Giáo viên không quay lại/Tổng số giáo viên)</i> | |

Dữ liệu được báo cáo bởi trường học kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023

Tỷ lệ học sinh/giáo viên:

| | | | |
|----------|------|---------|------|
| Lớp TK/K | 28:1 | Lớp 1-3 | 24:1 |
| Lớp 4-8 | 29:1 | | |

Giáo viên

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 0 |
| Người da trắng | 9 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 0 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 1 |
| Tổng số | 10 |
| Giảng dạy nhiệm kỳ trung bình | 0 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2 |

Quản trị viên

| | |
|--------------------------------|----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 1 |
| Người Châu Á | 0 |
| Người da trắng | 2 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 0 |
| Sắc tộc khác | 0 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 0 |
| Tổng số | 3 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2 |

Nhân viên hỗ trợ

| | |
|--------------------------------|-----------|
| Người Mỹ gốc Phi | 0 |
| Người Châu Á | 0 |
| Người da trắng | 11 |
| Người gốc Tây Ban Nha | 0 |
| Sắc tộc khác | 8 |
| Người lai 2 hoặc đa chủng tộc | 1 |
| Tổng số | 20 |
| Nhiệm kỳ trung bình tại trường | 2 |

Hiệu trưởng: Christina Deberry

CMO: Voices College-Bound Language Academies

14271 Story Rd. • San José, CA 95127 • Tel: 408-571-6404 • E-mail: cdeberry@voicescharterschool.com

SỐ HỌC SINH

Tổng số học sinh: 288

Danh sách Trẻ chờ nhập học: 10

Học sinh từ các Học khu địa phương

15.6% (45)

Tỷ lệ Học sinh được giữ chân lại hàng năm

Số Học sinh trở lại học vào năm sau.

90%

NHÓM HỌC SINH

Học sinh chưa thạo tiếng Anh (EL)

55% (159)

Học sinh khuyết tật (SWD)

10% (28)

Khó khăn về kinh tế (SED)

57% (164)

ELA:

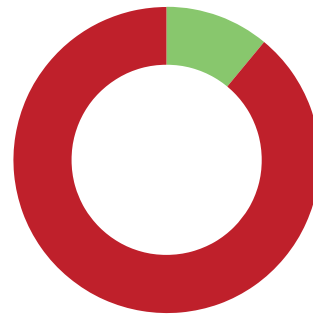
Tất cả học sinh Anh văn



24.9%
Đã đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn

MATH:

Tất cả học sinh trong môn Toán



11.2%
Đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn môn Toán

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Anh văn theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

8.2%

Học sinh khuyết tật (SWD)

7.1%

Khó khăn về kinh tế (SED)

22.6%

Học sinh đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn Toán theo Nhóm

Người chưa thạo tiếng Anh (EL)

9.6%

Học sinh khuyết tật (SWD)

17.9%

Khó khăn về kinh tế (SED)

10.1%

Lịch sử nộp đơn xin phép SCCBOE

Hội đồng Quản trị Phòng Giáo dục Hạt Santa Clara giám sát 22 trường bán công đang hoạt động trong niên khóa 2022-23.

| Năm | Hoạt động nộp đơn xin mở trường bán công | Được phê duyệt | Bị từ chối | Tổng số trường SCCOE |
|------|---|----------------|------------|----------------------|
| 2003 | <p>Đã nhận được hai (2) đơn kháng nghị</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt Trường Leadership Public School - San José (bị từ chối bởi Học Khu East Side Union) - Trường Trung Học (Lớp 9-12) - khai trương tháng 7 năm 2004 Phê duyệt Trường Bullis Charter School (bị từ chối bởi Trường tiểu học Los Altos) - Lớp K-6 - khai trương tháng 7 năm 2004 | 2 | 0 | 2 |
| 2004 | <p>Đã nhận được ba (3) đơn xin mở trường bán công trên toàn quận</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt Trường Pathfinder Charter School (Lớp 9-12) - Khai trương tháng 7 năm 2005 Bác bỏ đơn của Trường Ready to Work Independent Study Charter Bác bỏ đơn của Trường Ready to Work Independent Study Charter (đơn thứ 2) | 1 | 2 | 3 |
| 2005 | <p>Đã nhận được hai (2) đơn kháng nghị</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đơn của Trường Leadership Public Schools - Campbell (bị Học Khu Trung Học Campbell Union từ chối) - Trung Học (Lớp 9-12) - khai trương tháng 7 năm 2006 Phê duyệt đơn của Trường Discovery Charter School (bị từ chối bởi Trường tiểu học Moreland) - (Lớp K-8) khai trương tháng 7 năm 2006 | 2 | 0 | 5 |
| 2006 | <p>Đã nhận được một (1) đơn xin mở trường bán công trên toàn quận:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đơn của Trường University Preparatory Academy (Lớp 7-12) - khai trương tháng 7 năm 2007 <p>Đã nhận được bốn đơn kháng nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đơn của Trường Rocketship One (Mateo Sheedy) (bị từ chối bởi San José Unified) - Tiểu học (Lớp K-6) khai trương tháng 7 năm 2007 Bác bỏ đơn của RAICES College Preparatory (Lớp K-6) (bị từ chối bởi Alum Rock) Bác bỏ đơn của Trường South Bay Preparatory Academy (Lớp 6-12) (bị từ chối bởi Học Khu Campbell Union High School District) Bác bỏ đơn của Trường Community Elementary Charter School (Lớp K-5) (bị từ chối bởi Alum Rock) <p>Các trường bán công bị đóng cửa:</p> <ul style="list-style-type: none"> Pathfinder Charter School: đóng cửa tháng 1 năm 2007 | 2 | 3 | 6 |
| 2007 | <p>Đã nhận được hai (2) đơn kháng nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đơn của Trường Ace Charter (bị Alum Rock từ chối) - Trường trung học cơ sở (Lớp 5-8) - khai trương tháng 7 năm 2008 Phê duyệt đơn của Trường South Bay Preparatory Academy (bị Học khu Trung học Campbell Union từ chối) (Lớp 6-12) - khai trương tháng 7 năm 2009 | 2 | 0 | 8 |
| 2008 | <p>Đã nhận được một (1) đơn xin mở trường bán công trên toàn quận:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đơn của Trường Magnolia Science Academy - Santa Clara (Lớp 6-12); khai giảng vào mùa thu năm 2010 <p>Nhận được một đơn kháng nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đơn của Rocketship Two (Sí Se Puede) (bị từ chối bởi Alum Rock) - (Lớp K-6) khai trương năm 2009 <p>Các trường bán công bị đóng cửa:</p> <ul style="list-style-type: none"> Leadership Public Schools - Campbell: Đóng cửa tháng 7 năm 2008 | 2 | 0 | 9 |
| 2009 | <p>Đã nhận được một (1) đơn xin mở trường bán công trên toàn quận:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đơn của Trường Rocketship Countywide (Lớp K-6); mở trường đầu tiên vào mùa thu năm 2010 - tổng cộng năm (5) trường được phê duyệt <p>Nhận được một đơn kháng nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đơn của Trường Downtown College Prep (Lớp 6-12); (bị từ chối bởi East Side Union High School District) khai trương vào mùa thu năm 2011 | 2 | 0 | 11 |

Lịch sử nộp đơn xin phép SCCBOE

| Năm | Hoạt động nộp đơn xin mở trường bán công | Được phê duyệt | Bị từ chối | Tổng số trường SCCOE |
|------|--|----------------|------------|----------------------|
| 2010 | <p>Đã nhận được hai (2) đơn xin mở trường bán công trên toàn quận:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đơn của Trường Flex Academy Silicon Valley (Lớp 6-12) khai trương vào mùa thu năm 2011 Phê duyệt đơn của Trường Communitas (Lớp 9-12) khai trương vào mùa thu năm 2012 <p>Các trường bán công bị đóng cửa:</p> <ul style="list-style-type: none"> South Bay Preparatory Academy - Đóng cửa vào mùa hè 2010 | 2 | 0 | 12 |
| 2011 | <p>Đã nhận được hai mươi (20) đơn xin mở trường mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt trường Rocketships Tám (8) - Hai mươi tám (28) (Lớp K-6); dự kiến khai trương từ mùa thu năm 2013 đến mùa thu năm 2016 (tổng cộng 20). <p>Đã nhận được bốn (4) đơn trên toàn quận cho các địa điểm trước đây được ủy quyền hoạt động dưới một trường bán công toàn quận:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt Trường Rocketships Bốn (4) - Bảy (7) (Lớp K-6) khai trương vào mùa thu năm 2011 và mùa thu năm 2012 (tổng cộng 4) <p>Đã nhận được hai đơn kháng nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đơn của Trường Summit Tahoma (Lớp 9-12) (bị Học khu East Side Union từ chối); khai trương vào mùa thu 2012 Bác bỏ đơn của Trường American Indian Charter School (bị từ chối bởi San José Unified) | 25 | 1 | 37 |
| 2012 | <p>Đã nhận được hai (2) đơn xin mở trường bán công toàn quận:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bác bỏ đơn của Trường Discovery II (Lớp K-8) Phê duyệt đơn của Trường Summit Denali (Lớp 6-12; (nằm trong Học khu Fremont Union); khai trương vào mùa thu năm 2013 | 1 | 1 | 38 |
| 2013 | <p>Đã nhận được bốn (4) đơn kháng nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đơn của Trường Discovery II (Lớp K-8) (bị từ chối bởi San José Unified); khai trương vào mùa thu năm 2013 Phê duyệt đơn xin của Trường Alpha II (Alpha José Hernández) (Lớp 6-8) (bị từ chối bởi Alum Rock); khai trương vào mùa thu 2014 Bác bỏ đơn của Trường Morgan Hill Prep (Lớp K-8) (bị từ chối bởi Morgan Hill Unified) Đơn được thu hồi bởi Trường nộp đơn - Rocketship Morgan Hill (bị từ chối bởi Morgan Hill Unified) <p>Các trường bán công bị đóng cửa:</p> <ul style="list-style-type: none"> Communitas - Đóng cửa vào mùa xuân năm 2013 | 2 | 1 | 39 |
| 2014 | <p>Đã nhận được sáu (6) đơn kháng nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt đơn xin gia hạn của Trường Sunrise Middle (Lớp 6-8) (bị từ chối gia hạn bởi San José Unified); tiếp tục mở cửa Phê duyệt đơn của Rocketship Fuerza (Lớp TK-5) (bị từ chối bởi Alum Rock Elementary); khai trương vào mùa thu năm 2014 Phê duyệt đơn của Trường Spark Charter School (Lớp K-8) (bị Trường Tiểu học Sunnyvale từ chối); khai trương vào mùa thu năm 2015 Phê duyệt đơn của Trường Voices College-Bound Language Academy tại Morgan Hill (Lớp TK-8) (bị từ chối bởi Morgan Hill Unified); khai trương vào mùa thu 2015 Bác bỏ đơn của Trường Morgan Hill Prep (Lớp TK-8) (bị từ chối bởi Morgan Hill Unified) Đơn được thu hồi cho Rocketship Morgan Hill (Lớp K-5) (bị Morgan Hill Unified từ chối) <p>Các trường bán công thu hồi lại đơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> Rocketships Tám (8) - Hai mươi tám (28) dựa theo hòa giải | 4 | 1 | 23 |

Lịch sử nộp đơn xin phép SCCBOE

| Năm | Hoạt động nộp đơn xin mở trường bán công | Được phê duyệt | Bị từ chối | Tổng số trường SCCOE |
|------|---|----------------|------------|----------------------|
| 2015 | <p>Đã nhận được ba (3) đơn kháng nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bác bỏ đơn của Trường Wei Yu International Charter (Lớp K-8) (bị từ chối bởi Học khu Moreland) (được Hội đồng Giáo dục Tiểu bang (SBE) phê duyệt năm 2016 - đóng cửa năm 2017) Phê duyệt đơn của Trường Voices College-Bound Language Academy tại Mount Pleasant (Lớp TK-8) (bị từ chối bởi Trường Tiểu học Mount Pleasant); khai trương vào mùa thu năm 2015 Bác bỏ đơn của Trường STEM Academy Silicon Valley (Lớp TK-8) (bị từ chối bởi Santa Clara Unified) <p>Đã nhận và phê duyệt hai (2) đơn xin gia hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> Silicon Valley Flex, Summit Tahoma | 1 | 2 | 24 |
| 2016 | <p>Đã nhận và phê duyệt bảy (7) đơn xin gia hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> Downtown College Prep, ACE Empower Academy, Rocketship Discovery Prep, Bullis Charter, Rocketship Brilliant Minds, Rocketship Sí Se Puede, Alpha Public Schools: José Hernández <p>Đã nhận được ba (3) đơn toàn quận và một (1) đơn của trường thuộc SCCOE:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đơn được thu hồi bởi Trường nộp đơn - The Legacy Academy Charter School Phê duyệt đơn của Trường The Legacy Academy Charter School - khai trương tháng 8 năm 2018 Phê duyệt đơn của Trường Opportunity Youth Program (Phụ thuộc vào SCOE) - khai trương vào tháng 8 năm 2016 <p>Bác bỏ đơn của Trường Options for Youth</p> <p>Các trường bán công bị đóng cửa:</p> <ul style="list-style-type: none"> Silicon Valley Flex: tháng 7 năm 2016 Trường Leadership Public Schools - San José: tháng 7 năm 2016 Magnolia Science Academy-Santa Clara: tháng 8 năm 2016 | 2 | 1 | 23 |
| 2017 | <p>Đã nhận và phê duyệt ba (3) đơn xin gia hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> Rocketship Alma, Voices College-Bound Language Academy ở Morgan Hill, Summit Denali <p>Đã nhận được ba (3) đơn kháng nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> Không có hành động nào được thực hiện đối với Trường Promise Academy *(Lớp K-12) (bị từ chối bởi San José Unified, được Hội đồng Giáo dục Tiểu bang phê duyệt là Trường dạy khối lớp K-8); 2017 không mở được vào năm 2019 Bác bỏ đơn của Trường Perseverance Preparatory School (Lớp 5-8) (bị từ chối bởi San José Unified, được Hội đồng Giáo dục Tiểu bang phê duyệt); khai trương tháng 8 năm 2019 Bác bỏ đơn của Trường KIPP East Side High School (Lớp 9-12) (bị từ chối bởi Học khu East Side Union, được Hội đồng Giáo dục Tiểu bang phê duyệt); khai trương tháng 8 năm 2018 | 0 | 2-1* | 23 |
| 2018 | <p>Đã nhận và phê duyệt ba (3) đơn xin gia hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> Discovery II, Rocketship Fuerza Community Prep, Sunrise Middle School <p>Đã nhận và bác bỏ một (1) đơn xin gia hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> Spark Charter (kháng nghị lên SBE, bị SBE từ chối) <p>Đã nhận được một (1) đơn kháng nghị mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bác bỏ đơn của Trường Eureka! Trường Inclusive Charter School (Lớp TK-8) (bị từ chối bởi San José Unified) <p>Các trường bán công bị đóng cửa:</p> <ul style="list-style-type: none"> Spark Charter: tháng 6 năm 2018 | 0 | 1 | 21 |
| 2019 | <p>Đã nhận và phê duyệt bốn (4) đơn xin gia hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> Discovery I, Voices Mt. Pleasant, Rocketship Mateo Sheedy, University Preparatory Academy <p>Đã nhận và phê duyệt có điều kiện một (1) đơn kháng nghị mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> Eureka! Trường Inclusive Charter School (Lớp TK-8) (bị từ chối bởi San José Unified) (Eureka! không đáp ứng các điều kiện - bị bác bỏ) <p>Đã nhận và phê duyệt một (1) đơn xin gia hạn được kháng nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> Alpha: Cornerstone Academy Preparatory (Lớp TK-8) (bị từ chối bởi Franklin-McKinley) <p>Các trường bán công bị đóng cửa:</p> <ul style="list-style-type: none"> The Legacy Academy: ngày 15 tháng 3 năm 2019 | 2 | 1 | 22 |

Lịch sử nộp đơn xin phép SCCBOE

| Năm | Hoạt động nộp đơn xin mở trường bán công | Được phê duyệt | Bị từ chối | Tổng số trường SCCOE |
|----------------------------|---|----------------|------------|----------------------|
| 2020 | Đã nhận và phê duyệt sáu (6) đơn xin gia hạn: <ul style="list-style-type: none"> • Rocketship Los Sueños • Rocketship Rising Stars • Rocketship Discovery Prep • ACE Empower Academy • Downtown College Prep: Alum Rock • Summit Public Schools: Tahoma | 0 | 0 | 22 |
| 2021 | Đã nhận và phê duyệt một (1) đơn xin gia hạn: <ul style="list-style-type: none"> • Oppotunity Youth Academy | 0 | 0 | 22 |
| 2022 | Không nhận được đơn mới hoặc đơn xin gia hạn do Nhà nước tăng thêm hai năm cho các trường bán công hết hạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025. | 0 | 0 | 22 |
| 2023 (tháng 1 -tháng 5) | Không nhận được đơn mới hoặc đơn xin gia hạn do Nhà nước tăng thêm hai năm cho các trường bán công hết hạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025. | 0 | 0 | 22 |

Tóm tắt Lịch sử nộp đơn xin phép SCCBOE

2003-23

| | |
|-------------------------------------|-----------|
| Tổng số đơn được xem qua | 72 |
| Tổng số đã được phê duyệt | 52 |
| Tổng số bị bác bỏ | 16 |
| Tổng số đơn được thu hồi | 3 |
| Tổng số không có hành động | 1 |
| Tổng số trường đóng cửa | 9 |
| Tổng số trường chưa mở | 15 |
| Tổng số trường hết hạn | 6 |
| Tổng số trường bị thu hồi giấy phép | 0 |
| Tổng số hiện đang hoạt động | 22 |

Nguồn: Phòng Giáo dục Hạt Santa Clara (2023).

Các chương trình họp, biên bản buổi họp và bản ghi âm của Hội đồng Quản trị có tại <http://www.sccoe.org/countyboard>

Văn bản được chọn từ các luật giáo dục về trường bán công

Mục đích lập pháp

Các điều khoản cho phép mở trường bán công ở California được thành lập theo “Đạo luật Trường bán công Năm 1992”, đã được sửa đổi và cập nhật trong những năm kể từ khi thành lập. Mục đích lập pháp trong việc ban hành Đạo luật Trường bán công được quy định trong Bộ luật Giáo dục 47601. Sau đây là các trích đoạn chính và thông tin từ luật này điều chỉnh việc thành lập và hoạt động của các trường bán công trong California.[1]

Bộ luật Giáo dục 47601

Mục đích của cơ quan lập pháp, trong việc ban hành phần này, là tạo cơ hội cho giáo viên, phụ huynh, học sinh và các thành viên cộng đồng thành lập và duy trì các trường đang hoạt động không theo cấu trúc học khu hiện tại, như một phương pháp để thực hiện tất cả những điều sau đây:

- Cải thiện việc học của học sinh.
- Tăng cơ hội học tập cho tất cả học sinh, đặc biệt chú trọng đến việc mở rộng trải nghiệm học tập cho những học sinh được xác định là học kém.
- Khuyến khích sử dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau và sáng tạo.
- Tạo cơ hội nghề nghiệp mới cho giáo viên, bao gồm cả cơ hội chịu trách nhiệm về chương trình học tập tại trường.
- Cung cấp cho phụ huynh và học sinh nhiều lựa chọn về các chương trình giáo dục có sẵn trong hệ thống trường công lập.
- Yêu cầu các trường được thành lập theo phần này chịu trách nhiệm đạt các thành quả có thể đo lường của học sinh và cung cấp cho các trường một phương pháp chuyển từ hệ thống trách nhiệm giải trình dựa trên quy tắc sang hệ thống trách nhiệm giải trình dựa trên thành tích.
- Tạo sự cạnh tranh mạnh mẽ trong hệ thống trường công để kích thích sự cải tiến liên tục.

Không theo giáo phái, không phân biệt đối xử, không có học phí

Trường bán công là trường công lập miễn phí và không được theo giáo phái, không được tham gia vào các hoạt động phân biệt đối xử theo quy định của pháp luật và không thể tính học phí. Các quy định này được tìm thấy trong Bộ luật Giáo dục 47605(e) và 47605.6(e).

Bộ luật Giáo dục 47605 (e)

Ngoài bất kỳ yêu cầu nào khác được áp dụng theo phần này, trường bán công không được có giáo phái trong các chương trình, chính sách tuyển sinh, cách tuyển dụng và tất cả các hoạt động khác, sẽ không tính học phí và sẽ không phân biệt đối xử với bất kỳ học sinh nào do các đặc điểm được liệt kê trong [Bộ luật Giáo dục] Phần 220. [Những đặc điểm này là: khuyết tật, giới tính, bản dạng giới, biểu hiện giới tính, quốc tịch, chủng tộc hoặc sắc tộc, tôn giáo, khuynh hướng tính dục hoặc bất kỳ đặc điểm nào khác có trong định nghĩa về tội thù ghét được nêu trong Phần 422.55 của Bộ luật Hình sự, bao gồm tình trạng nhập cư hoặc liên kết với một người hoặc nhóm có một hoặc nhiều đặc điểm thực tế hoặc theo nhận thức này.]

Ưu đãi nhập học có thể được cấp bởi cơ quan ban đặc quyền. Những ưu tiên đó sẽ phù hợp với luật liên bang, Hiến pháp California và Bộ luật Giáo dục 200. Các ưu tiên sẽ không dẫn đến việc hạn chế việc nhận học sinh khuyết tật, học sinh có thành tích học tập thấp, học sinh chưa thạo tiếng Anh, học sinh bị bỏ rơi hoặc phạm tội, học sinh vô gia cư hoặc học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, được xác định bằng sự đủ điều kiện tham gia chương trình bữa ăn miễn phí hoặc giảm giá, thanh thiếu niên trong chương trình tạm nuôi (foster care) hoặc học sinh dựa trên quốc tịch, chủng tộc, dân tộc hoặc khuynh hướng tính dục. Các ưu tiên không yêu cầu phụ huynh phải góp giờ làm việc tình nguyện như một tiêu chí để nhập học hoặc tiếp tục học.

Trường bán công không được ngăn cản học sinh nhập học hoặc đăng ký vào trường bán công hoặc khuyến khích học sinh hiện đang theo học trường bán công ra khỏi trường bán công hoặc chuyển sang trường khác vì bất kỳ lý do gì, bao gồm nhưng không giới hạn ở kết quả học tập của học sinh hoặc vì học sinh thể hiện bất kỳ đặc điểm nào được mô tả trong đoạn trước.

Trường bán công không được yêu cầu hồ sơ của học sinh hoặc yêu cầu phụ huynh, người giám hộ hoặc học sinh nộp hồ sơ của học sinh đó cho trường bán công trước khi nhập học.

Tính minh bạch và Trách nhiệm giải trình công khai

Bộ luật Giáo dục 47604.1 hiện đặc biệt yêu cầu các trường bán công tuân thủ Đạo luật Ralph M. Brown, Đạo luật Hồ sơ Công cộng California, Đạo luật Cải cách Chính trị năm 1974 và Bộ luật Chính phủ 1090 và tiếp theo. Ngoài ra, Bộ luật Giáo dục 47604 quy định rằng các trường bán công không được hoạt động hoặc được điều hành bởi một công ty vì lợi nhuận, một tổ chức quản lý giáo dục vì lợi nhuận hoặc một tổ chức quản lý trường bán công vì lợi nhuận.

Xem xét và Phê duyệt hoặc Bác bỏ Đơn xin mở Trường bán công

Các điều khoản liên quan đến việc đệ trình, xem xét và quyết định về đơn xin mở trường bán công được đệ trình lên các học khu, đơn xin kháng nghị cho Hội đồng Quản trị Phòng Giáo dục và các trường bán công trực tiếp của phòng giáo dục được tìm thấy trong Bộ luật Giáo dục 47605.[2] Đơn xin đặc quyền phải xác định một trường bán công duy nhất sẽ hoạt động trong ranh giới của học khu, và có thể xin hoạt động tại nhiều địa điểm nếu họ nêu rõ từng địa điểm trong đơn. Đơn xin có thể được nộp sau khi được ký bởi số phụ huynh hoặc số người giám hộ hợp pháp của học sinh tương đương với ít nhất một nửa số học sinh mà trường bán công ước tính sẽ đăng ký cho năm đầu tiên hoạt động hoặc bởi số giáo viên tương đương với ít nhất một nửa số giáo viên mà trường bán công ước tính sẽ tuyển dụng tại trường bán công trong năm đầu tiên hoạt động. Đơn xin chuyển một trường công lập hiện tại thành

Văn bản được chọn từ các luật giáo dục về trường bán công

một trường bán công có thể được nộp sau khi đơn được ký bởi ít nhất 50 phần trăm giáo viên thường trực hiện đang làm việc tại trường công lập đó. Đơn xin sẽ bao gồm lời tuyên bố cho biết rõ rằng chữ ký trong đơn có nghĩa là phụ huynh hoặc người giám hộ hợp pháp có ý cho con cái hoặc trẻ dưới quyền giám hộ của họ đi học tại trường bán công này, hoặc trong trường hợp là chữ ký của giáo viên, có nghĩa là giáo viên có ý muốn dạy học tại trường bán công này. Đặc quyền đề xuất sẽ được đính kèm với đơn xin.

Phần 47605(b) quy định rằng không quá 60 ngày sau khi nhận được đơn xin, hội đồng quản trị sẽ tổ chức một buổi điều trần công khai về các quy định của đặc quyền, tại thời điểm đó hội đồng quản trị sẽ xem xét sự ủng hộ cho đơn xin từ các giáo viên làm việc cho học khu, các nhân viên khác của học khu và phụ huynh. Sau khi xem xét đơn xin và phiên điều trần công khai, hội đồng quản trị sẽ cấp hoặc từ chối cấp đặc quyền trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đơn xin, tuy nhiên, với điều kiện là ngày đó có thể được gia hạn thêm 30 ngày nếu cả hai bên đồng ý gia hạn. Đơn được coi là đã nhận được bởi hội đồng quản trị cho mục đích bắt đầu các mốc thời gian vào ngày cơ quan đó nộp đơn cho văn phòng học khu, cùng với giấy xác nhận có chữ ký cho thấy cơ quan nghĩ rằng đơn đó đã hoàn chỉnh. Hội đồng quản trị sẽ công bố tất cả các khuyến nghị của nhân viên, bao gồm cả những phát hiện được khuyến nghị và, nếu có thể, chứng nhận từ tổng giám đốc các trường học trong quận được chuẩn bị theo đoạn (8) của tiểu mục (c), liên quan đến kiến nghị ít nhất 15 ngày trước phiên điều trần công khai, là khi hội đồng quản trị sẽ cấp hoặc từ chối cấp đặc quyền. Tại phiên điều trần công khai khi hội đồng quản trị cấp hoặc từ chối cấp đặc quyền, cơ quan nộp đơn sẽ có thời gian và thủ tục tương đương để trình bày bằng chứng và lời khai để trả lời các khuyến nghị và phát hiện của nhân viên.

Phần 47605(c) nêu rõ ý định lập pháp rằng “việc thành lập các trường bán công nên được khuyến khích” và quy định rằng Hội đồng quản trị Phòng Giáo dục sẽ cấp đặc quyền “với điều kiện rằng việc cấp đặc quyền phù hợp với thực tiễn giáo dục hợp lý và lợi ích của cộng đồng nơi trường đề xuất thiết lập địa điểm.” Hội đồng quản trị Phòng Giáo dục sẽ xem xét nhu cầu học tập của học sinh mà trường bán công đề xuất phục vụ. Để có thể bác bỏ đơn xin, Hội đồng quản trị phải đưa ra các phát hiện thực tế bằng văn bản, cụ thể cho đơn đó, đưa ra các sự kiện cụ thể để dẫn chứng cho một hoặc nhiều phát hiện sau đây theo phần 47605 (c)(1)-(8):

- Trường bán công trình bày một chương trình giáo dục không phù hợp cho học sinh ghi danh vào trường bán công.
- Cơ quan nộp đơn rõ ràng không có khả năng thực hiện thành công chương trình được nêu trong đơn.
- Đơn không có đủ số chữ ký cần thiết.
- Đơn không có sự khẳng định về từng điều kiện bắt buộc.
- Đơn không có tuyên bố liệu trường bán công có được coi là chủ sở hữu làm công độc quyền của nhân viên của trường bán công vì mục đích của EERA (Đạo luật Quan hệ Nhân viên Giáo dục) (Chương 10.7 (bắt đầu từ Phần 3540) của Mục 4 Tiêu đề 1 của Bộ luật Chính phủ).
- Trường bán công rõ ràng không có khả năng phục vụ lợi ích của toàn bộ cộng đồng nơi trường đề xuất thành lập địa điểm. Việc phân tích phát hiện này sẽ bao gồm việc xem xét tác động tài chính của trường bán công được đề xuất. Phát hiện trong phần này đòi hỏi các dữ kiện và hoàn cảnh cụ thể để phân tích và xem xét các yếu tố sau:
 - a. Mức độ mà trường bán công được đề xuất sẽ làm suy yếu đáng kể các dịch vụ, lớp học hoặc chương trình hiện có.
 - b. Liệu trường bán công được đề xuất có lặp lại chương trình hiện có trong học khu và chương trình hiện tại đó có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu của học sinh mà trường bán công đề xuất phục vụ trong phạm vi gần nơi trường bán công dự định thành lập địa điểm.
- Học khu không có đủ khả năng chịu đựng tác động tài chính của trường bán công được đề xuất.
- Đơn không có các mô tả toàn diện hợp lý về các yếu tố cần thiết (xem A-O sau đây).

(A) (i) Chương trình giáo dục của trường bán công, được thiết kế, trong số những thứ khác, để xác định những người mà trường bán công muốn giáo dục, ý nghĩa của việc trở thành một người có học trong thế kỷ thứ 21 và việc học có thể xảy ra tốt nhất bằng cách nào. Các mục tiêu được xác định trong chương trình đó sẽ bao gồm mục tiêu tạo khả năng cho học sinh trở thành những người tự động, có năng lực và học hỏi suốt đời.

(ii) Các mục tiêu hàng năm cho trường bán công, cho tất cả học sinh và cho từng nhóm học sinh được xác định theo Phần 52052, phải đạt được trong các ưu tiên của tiểu bang, như được mô tả trong tiểu mục (d) của Phần 52060, áp dụng cho các cấp lớp được phục vụ và các hành động hàng năm cụ thể để đạt được các mục tiêu đó. Đơn xin đặc quyền có thể xác định các ưu tiên bổ sung của trường, mục tiêu cho các ưu tiên của trường và hành động cụ thể hàng năm để đạt được các mục tiêu đó.

(iii) Nếu trường bán công được đề xuất phục vụ học sinh trung học, cách thức mà trường bán công sẽ thông báo cho phụ huynh về khả năng chuyển các môn học sang các trường trung học công lập khác và tính đủ điều kiện của các môn học trong việc đáp ứng quy định tuyển sinh đại học. Các môn học được cung cấp bởi trường bán công được công nhận bởi Hiệp hội Trường học và Cao đẳng Phương Tây có thể được coi là có thể chuyển và các môn học được Đại học University of California hoặc the California State University phê duyệt là được tính điểm theo tiêu chí tuyển sinh “A” đến “G” có thể được xem là đáp ứng quy định tuyển sinh đại học.

(B) Thành quả có thể đo lường của học sinh được xác định để sử dụng bởi trường bán công. “Thành quả học sinh”, cho các mục đích của phần này, có nghĩa là mức độ mà tất cả học sinh của trường bán công chứng minh rằng các em đã đạt được các kỹ năng, kiến thức và thái độ được chỉ định là mục tiêu trong chương trình giáo dục của trường bán công. Thành quả học sinh sẽ bao gồm các kết quả nhằm vào sự gia tăng thành tích học tập của học sinh cả trên toàn trường và cho tất cả các nhóm học sinh được trường bán công phục vụ, vì thuật ngữ đó được định nghĩa trong tiểu mục (a) của Phần 52052. Thành quả học sinh sẽ phù hợp với các ưu tiên của tiểu bang, như được mô tả trong tiểu mục (d) của Phần 52060, áp dụng cho các cấp lớp do trường bán công phục vụ.

Văn bản được chọn từ các luật giáo dục về trường bán công

- (C) Phương pháp được dùng để đo lường sự tiến bộ của học sinh trong việc đạt được các kết quả đó. Trong phạm vi có thể thực hiện được, phương pháp đo lường thành quả của học sinh đối với các ưu tiên của tiểu bang phải phù hợp với cách báo cáo thông tin trên phiếu báo cáo trách nhiệm giải trình của trường.
- (D) Cơ cấu quản trị của trường bán công, bao gồm, nhưng không giới hạn, quy trình được tuân theo bởi trường bán công để đảm bảo sự tham gia của phụ huynh.
- (E) Các tiêu chuẩn đạt được bởi các cá nhân được tuyển dụng bởi trường bán công.
- (F) Các thủ tục mà trường bán công sẽ tuân theo để đảm bảo sức khỏe và sự an toàn của học sinh và nhân viên. Các thủ tục này sẽ yêu cầu tất cả những điều sau đây:
 - (i) Mỗi nhân viên của trường bán công cung cấp cho trường bán công một bản tóm tắt lý lịch tư pháp như được mô tả trong Phần 44237.
 - (ii) Phát triển kế hoạch an toàn cho trường học, bao gồm các chủ đề về sự an toàn được liệt kê trong các tiểu đoạn (A) đến (J), bao gồm cả đoạn (2) của tiểu mục (a) của Phần 32282 (a).
 - (iii) Ràng kế hoạch an toàn cho trường học được xem xét và cập nhật trước ngày 1 tháng 3 hàng năm bởi trường bán công.
- (G) Các phương tiện mà trường bán công dùng để đạt được sự cân bằng giữa học sinh của mọi chủng tộc và dân tộc, học sinh trong giáo dục đặc biệt và học sinh chưa thạo tiếng Anh, bao gồm cả học sinh được chuyển sang nhóm thạo tiếng Anh, như được định nghĩa bởi các tiêu chí đánh giá trong Phần 52064.5, phản ánh dân số nói chung cư trú trong phạm vi quyền hạn lãnh thổ của học khu nơi đơn xin đặc quyền được đệ trình. Khi đến kỳ gia hạn, đối với một trường bán công không được coi là cơ quan giáo dục địa phương vì mục đích giáo dục đặc biệt theo Phần 47641, cơ quan ban đặc quyền có thể xem xét ảnh hưởng của việc xếp đặt trường do cơ quan ban đặc quyền thực hiện trong việc cung cấp dịch vụ giáo dục công lập miễn phí và phù hợp theo quy định của Đạo luật Giáo dục cho Người khuyết tật của liên bang (Luật Công 101-476), về sự cân bằng với số học sinh khuyết tật tại trường bán công.
- (H) Các chính sách và thủ tục nhập học, phù hợp với tiểu mục (e).
- (I) Cách thức tiến hành việc kiểm toán tài chính độc lập hàng năm, sử dụng các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và cách thức giải quyết các trường hợp ngoại lệ và thiếu sót kiểm toán theo sự thỏa mãn của cơ quan ban đặc quyền.
- (J) Các thủ tục hướng dẫn việc đình chỉ hoặc đuổi khỏi trường bán công vì lý do kỷ luật hoặc bị trục xuất khỏi trường bán công vì bất kỳ lý do gì. Các thủ tục này, ở mức tối thiểu, sẽ bao gồm một lời giải thích về cách trường bán công tuân thủ các yêu cầu hợp lệ về mặt hiến pháp, thủ tục và trọng yếu của liên bang và tiểu bang phù hợp với tất cả những điều sau đây:
 - (i) Khi đình chỉ học sinh dưới 10 ngày, hãy cung cấp thông báo bằng miệng hoặc bằng văn bản về lời cáo buộc đối với học sinh và, nếu học sinh phủ nhận các cáo buộc đó, hãy cung cấp lời giải thích để luận chứng cho cáo buộc và tạo cơ hội cho học sinh kể lại những gì đã xảy ra.
 - (ii) Khi đình chỉ học sinh từ 10 ngày trở lên và đối với tất cả các trường hợp đuổi học khác vì lý do kỷ luật, hãy thực hiện cả hai điều sau đây:
 - (I) Cung cấp giấy báo kịp thời về các cáo buộc đối với học sinh và giải thích về các quyền cơ bản của học sinh.
 - (II) Tổ chức một phiên điều trần được xét xử bởi một viên chức trung lập trong một số ngày hợp lý cho học sinh có cơ hội công bằng để trình bày lời khai, bằng chứng và nhân chứng và đối chất và kiểm tra chéo các nhân chứng bất lợi, và tại đó học sinh có quyền có luật sư hoặc người bảo hộ.
 - (iii) Có lời tuyên bố rõ ràng không học sinh nào bị trường bán công tự ý trục xuất vì bất kỳ lý do gì trừ khi phụ huynh hoặc người giám hộ của học sinh đó đã được cung cấp giấy báo về ý định trục xuất học sinh không dưới năm ngày học trước ngày hành động có hiệu lực. Giấy báo sẽ bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của học sinh hoặc của phụ huynh hoặc người giám hộ của học sinh hoặc, nếu học sinh là trẻ mồ côi hoặc thanh thiếu niên hoặc trẻ em hoặc thanh thiếu niên vô gia cư, thì sẽ là người nắm quyền giáo dục của học sinh, và sẽ thông báo cho học sinh, phụ huynh, người giám hộ hoặc người nắm quyền giáo dục của học sinh về quyền bắt đầu các thủ tục quy định tại khoản (ii) trước ngày hành động có hiệu lực. Nếu phụ huynh, người giám hộ hoặc người nắm quyền giáo dục của học sinh bắt đầu các thủ tục quy định tại khoản (ii), học sinh sẽ tiếp tục đi học và sẽ không bị trục xuất cho đến khi trường bán công đưa ra quyết định cuối cùng. Vì mục đích của điều khoản này, "tự ý trục xuất" bao gồm việc bị lấy ra khỏi danh sách học sinh, khai trừ, chuyển đi hoặc chấm dứt đi học, nhưng không bao gồm các đình chỉ được quy định trong các tại khoản (i) và (ii).
- (K) Cách thức mà các nhân viên của trường bán công sẽ được đài thọ bởi Hệ thống Hưu trí của Giáo viên Tiểu bang, Hệ thống Hưu trí của Nhân viên Công cộng hoặc an sinh xã hội liên bang.
- (L) Các trường công cho học sinh cư trú trong học khu không muốn theo học trường bán công.
- (M) Quyền của nhân viên học khu khi ngừng làm việc cho học khu để làm việc cho trường bán công, và bất kỳ quyền đi làm trở lại cho học khu sau khi làm việc cho trường bán công.
- (N) Các thủ tục sẽ được tuân theo bởi trường bán công và cơ quan ban đặc quyền để giải quyết các tranh chấp liên quan đến các quy định của đặc quyền.
- (O) Các thủ tục được sử dụng nếu trường bán công đóng cửa. Các thủ tục sẽ đảm bảo việc kiểm toán cuối cùng của trường bán công để xác định việc xử lý tất cả các tài sản và nợ phải trả của trường bán công, bao gồm cả kế hoạch xử lý bất kỳ tài sản ròng nào và để duy trì và chuyển hồ sơ học sinh.

Văn bản được chọn từ các luật giáo dục về trường bán công

Chứng nhận giáo viên trường bán công

Giáo viên trong trường bán công sẽ có giấy chứng nhận, giấy phép hoặc tài liệu khác của Ủy ban Chứng nhận Giáo viên (CTC) cần thiết cho việc làm cần có chứng chỉ của giáo viên và tất cả giáo viên trường bán công phải có giấy chứng nhận đáp ứng các yêu cầu về thể dục chuyên nghiệp theo Bộ luật Giáo dục 44339, 44340 và 44341. (Luật Giáo dục 47605(l) và 47605.6(l).) Bộ luật Giáo dục 47605.4 quy định rằng các giáo viên làm việc cho trường bán công trong năm học 2019-20 (không bao gồm các trường bán công trên toàn quận) có thời hạn đến ngày 1 tháng 7 năm 2025, để có được chứng chỉ cần thiết cho việc làm cần có chứng chỉ của giáo viên. CTC đã chỉ định rằng việc gia hạn thời gian này chỉ áp dụng khi giáo viên được chỉ định dạy cùng một môn học tại cùng một trường bán công như họ đã dạy trong năm 2019-20. (<https://www.ctc.ca.gov/credentials/assignment-resources/charter-school-assignments>.)

Phần 47605.4 yêu cầu Ủy ban Chứng nhận Giáo viên, trước ngày 30 tháng 6 năm 2022, phải "tiến hành một nghiên cứu toàn diện để kiểm tra xem các chứng chỉ, giấy phép hiện có hoặc các tài liệu khác có đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho các khóa học dự bị phi cốt lõi, phi đại học ở tất cả các trường hay không. Dựa trên những phát hiện này, ủy ban sẽ xem xét việc thiết lập chứng chỉ, giấy phép mới hoặc các tài liệu khác hiện có hoặc chỉnh đốn chúng và, nếu cần thiết, sẽ đưa ra các khuyến nghị cho các ủy ban chính sách thích hợp của Cơ quan lập pháp." Phần 47605.4 có hiệu lực đến ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Bác bỏ Đơn xin Đặc quyền và Kháng nghị

Đơn xin Đặc quyền nào bị bác bỏ đều có thể được kháng nghị. Đơn bị từ chối bởi hội đồng trường học địa phương có thể được nộp theo đơn kháng nghị lên Hội đồng Quản trị Phòng Giáo dục và đơn nào bị Hội đồng Quản trị Phòng Giáo dục bác bỏ có thể được nộp theo đơn kháng nghị lên Hội đồng Giáo dục Tiểu bang (SBE), nhưng SBE chỉ có thể phê duyệt các đặc quyền được kháng nghị nếu họ thấy sự lạm dụng quyền quyết định của hội đồng quản trị học khu và/hoặc Hội đồng Giáo dục Phòng Giáo dục. Những quy định này được tìm thấy trong Bộ luật Giáo dục 47605 (k).

Bộ luật Giáo dục 47605 (k)

- (1) (A) (i) Nếu hội đồng quản trị của một học khu bác bỏ đơn xin, cơ quan nộp đơn có thể nộp đơn xin thành lập trường bán công cho hội đồng quản trị phòng giáo dục. Cơ quan nộp đơn phải nộp đơn cho hội đồng phòng giáo dục trong vòng 30 ngày kể từ ngày hội đồng quản trị của học khu bác bỏ đơn. Cùng lúc khi đơn được đệ trình lên hội đồng quản trị phòng giáo dục, cơ quan nộp đơn cũng phải cung cấp một bản sao của đơn đó cho học khu. Hội đồng phòng giáo dục sẽ xem xét đơn theo tiểu mục (b) và (c). Nếu đơn kháng nghị có các điều khoản mới hoặc khác, hội đồng quản trị phòng giáo dục sẽ ngay lập tức gửi lại đơn cho hội đồng quản trị của học khu để họ phê duyệt hoặc bác bỏ đơn kiến nghị trong vòng 30 ngày. Nếu hội đồng quản trị của học khu bác bỏ đơn sau khi xem xét lại, cơ quan nộp đơn có thể nộp lại đơn xin thành lập trường bán công cho hội đồng quản trị phòng giáo dục.
- (ii) Hội đồng quản trị phòng giáo dục sẽ xem xét đơn kháng nghị theo tiểu mục (c). Nếu việc bác bỏ đơn được thực hiện theo đoạn (8) của tiểu mục (c), hội đồng quản trị phòng giáo dục cũng sẽ xem xét các phát hiện của học khu theo đoạn (8) của tiểu mục (c).
- (iii) Như được sử dụng trong tiểu mục này, "các điều khoản quan trọng" của đơn xin có nghĩa là chữ ký, lời xác nhận, tiết lộ, tài liệu và mô tả được nêu trong tiểu mục (a), (b), (c) và (h), nhưng không bao gồm các cập nhật hành chính nhỏ cho đơn hoặc các tài liệu liên quan do thay đổi hoàn cảnh dựa trên thời gian trôi qua liên quan đến các vấn đề tài chính, sắp xếp cơ sở vật chất hoặc luật tiểu bang hoặc để phản ánh hội đồng quản trị phòng giáo dục với tư cách là cơ quan ban đặc quyền.
- (B) Nếu hội đồng quản trị của học khu bác bỏ đơn và hội đồng quản trị phòng giáo dục có thẩm quyền đối với một học khu duy nhất, cơ quan nộp đơn có thể gửi đơn xin thành lập trường bán công đến hội đồng quản trị của tiểu bang. Hội đồng quản trị của tiểu bang sẽ xem xét đơn được đệ trình theo phân đoạn này theo tiểu mục (c). Nếu việc bác bỏ đơn xin đặc quyền bị hội đồng quản trị tiểu bang nhà nước hủy bỏ theo phân đoạn này, hội đồng quản trị tiểu bang sẽ chỉ định hội đồng quản trị của học khu nơi trường bán công được tọa lạc là cơ quan ban đặc quyền.
- (2) Nếu hội đồng quản trị phòng giáo dục bác bỏ đơn xin, cơ quan nộp đơn có thể kháng nghị lời bác bỏ đó lên hội đồng quản trị của tiểu bang.
 - (A) Cơ quan nộp đơn phải gửi đơn đến hội đồng quản trị của tiểu bang trong vòng 30 ngày kể từ ngày hội đồng quản trị phòng giáo dục bác bỏ đơn xin của họ. Cơ quan đó sẽ cung cấp các phát hiện và hồ sơ tài liệu từ hội đồng quản trị của học khu và hội đồng quản trị phòng giáo dục và thư đệ trình nêu rõ cách hội đồng quản trị của học khu hoặc hội đồng quản trị phòng giáo dục, hoặc cả hai, lạm dụng quyền quyết định của họ, với các trích dẫn cụ thể cho hồ sơ tài liệu. Hội đồng quản trị của học khu và hội đồng quản trị phòng giáo dục sẽ chuẩn bị hồ sơ tài liệu, bao gồm bản chép lại của phiên điều trần công khai khi hội đồng quản trị của học khu và hội đồng quản trị phòng giáo dục từ chối cấp đặc quyền, theo yêu cầu của cơ quan nộp đơn. Hồ sơ tài liệu sẽ được chuẩn bị bởi hội đồng quản trị của học khu và hội đồng quản trị phòng giáo dục không quá 10 ngày làm việc sau khi cơ quan nộp đơn đưa ra lời yêu cầu. Cùng lúc khi đơn xin và tài liệu hỗ trợ được nộp cho hội đồng quản trị giáo dục của tiểu bang, cơ quan nộp đơn cũng sẽ cung cấp một bản sao của đơn xin và tài liệu hỗ trợ cho hội đồng quản trị của học khu và phòng giáo dục.
 - (B) Nếu đơn kháng nghị có các điều khoản mới hoặc khác đi, như được định nghĩa trong khoản (iii) của tiểu đoạn (A) của khoản (1), hội đồng quản trị của tiểu bang sẽ ngay lập tức gửi lại đơn cho hội đồng quản trị của học khu nơi đã nhận đơn để họ xem xét lại. Hội đồng quản trị của học khu sẽ phê duyệt hoặc bác bỏ đơn trong vòng 30 ngày. Nếu hội đồng quản trị của học khu bác bỏ đơn sau khi xem xét lại, cơ quan nộp đơn có thể nộp lại đơn xin cho hội đồng quản trị tiểu bang.

Văn bản được chọn từ các luật giáo dục về trường bán công

- (C) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn kháng nghị gửi đến hội đồng quản trị tiểu bang, hội đồng quản trị của học khu hoặc hội đồng phòng giáo dục có thể gửi giấy cho biết quyết định phản đối đến hội đồng quản trị tiểu bang để nêu rõ hội đồng quản trị của học khu hoặc hội đồng quản trị phòng giáo dục đã không lạm dụng quyền quyết định của họ trong việc từ chối kiến nghị như thế nào, với các trích dẫn cụ thể cho hồ sơ tài liệu. Hội đồng quản trị của học khu hoặc hội đồng quản trị phòng giáo dục có thể gửi tài liệu hỗ trợ hoặc bằng chứng từ hồ sơ tài liệu được xem xét bởi hội đồng quản trị của học khu hoặc hội đồng quản trị phòng giáo dục.
- (D) Ủy ban Cố vấn về Trường bán công của hội đồng quản trị tiểu bang sẽ tổ chức một buổi điều trần công khai để xem xét hồ sơ kháng nghị và hồ sơ tài liệu. Dựa trên đánh giá của họ, Ủy ban Tư vấn về Trường bán công sẽ gửi đề xuất cho hội đồng quản trị tiểu bang xem liệu có đủ bằng chứng để lắng nghe lời kháng nghị hay từ chối ngăn gọn việc xem xét giấy kháng nghị dựa trên hồ sơ tài liệu. Nếu Ủy ban Cố vấn về Trường bán công không đưa đề xuất lên hội đồng quản trị tiểu bang, hội đồng quản trị giáo dục của tiểu bang sẽ xem xét đơn xin kháng nghị và sẽ lắng nghe lời kháng nghị hoặc từ chối ngăn gọn việc xem xét giấy kháng nghị dựa trên hồ sơ tài liệu tại một cuộc họp công khai thường lệ của hội đồng quản trị tiểu bang.
- (E) Hội đồng quản trị tiểu bang sẽ lắng nghe lời kháng nghị hoặc từ chối ngăn gọn việc xem xét giấy kháng nghị dựa trên hồ sơ tài liệu. Nếu hội đồng quản trị tiểu bang lắng nghe kháng nghị, hội đồng quản trị tiểu bang có thể khẳng định quyết định của hội đồng quản trị của học khu hoặc hội đồng quản trị phòng giáo dục, hoặc cả hai quyết định đó, hoặc chỉ có thể hủy bỏ quyết định đó khi xác định rằng có sự lạm dụng quyền quyết định. Nếu việc từ chối đơn xin đặc quyền bị hội đồng quản trị tiểu bang hủy bỏ, hội đồng quản trị tiểu bang sẽ chỉ định, với sự tham vấn của cơ quan nộp đơn, hội đồng quản trị của học khu hoặc hội đồng quản trị phòng giáo dục nơi trường bán công tọa lạc là cơ quan ban đặc quyền.
- (3) Trường bán công có đặc quyền được cấp bởi hội đồng quản trị phòng giáo dục hoặc hội đồng quản trị tiểu bang dựa trên đơn kháng nghị theo tiểu mục này sẽ hoàn toàn đủ điều kiện là một trường bán công để nhận tất cả các khoản tài trợ và các mục đích khác của phần này.
- (4) Trường bán công nào nhận được sự phê duyệt cho đơn xin của họ từ hội đồng quản trị phòng giáo dục hoặc từ hội đồng quản trị tiểu bang do kháng nghị sẽ phải tuân theo các quy định tương tự liên quan đến địa điểm mà họ sẽ phải tuân theo nếu họ nhận được sự phê duyệt từ cơ quan ban đặc quyền mà họ nộp đơn vào lúc đầu. Đơn xin đặc quyền nộp cho hội đồng quản trị phòng giáo dục hoặc cho hội đồng quản trị tiểu bang phải đáp ứng tất cả các quy định hiện hành khác dành cho đơn xin, bao gồm cả việc xác định địa điểm được đề xuất để trường bán công hoạt động.
- (5) Sau khi được hội đồng quản trị phòng giáo dục phê duyệt, đơn xin hoặc cơ quan nộp đơn phải cung cấp giấy báo về sự phê duyệt đó, bao gồm một bản sao của đơn, cho hội đồng quản trị của học khu nơi trường bán công tọa lạc, cho bộ phận và hội đồng quản trị tiểu bang.
- (6) Nếu hội đồng quản trị phòng giáo dục hoặc hội đồng quản trị tiểu bang không hành động đáp lại đơn xin trong vòng 180 ngày kể từ ngày nhận được đơn, quyết định bác bỏ đơn xin của hội đồng quản trị học khu sẽ phải được xem xét bởi tư pháp.

Đơn được gửi trực tiếp đến Hội đồng Quản trị Phòng Giáo dục

Đơn xin đặc quyền có thể được gửi trực tiếp đến Hội đồng Quản trị Phòng Giáo dục cho các trường bán công đề xuất phục vụ học sinh mà phòng giáo dục của quận phải chịu trách nhiệm phục vụ (đặc quyền “giống như phòng giáo dục” hoặc “phòng giáo dục trực tiếp”) hoặc cho một trường bán công cung cấp các dịch vụ thường không được cung cấp bởi một phòng giáo dục của quận và không thể được cung cấp bởi một trường bán công chỉ hoạt động trong một học khu trong quận (“toàn quận”). Các quy định này được tìm thấy trong Bộ luật Giáo dục phần 47605.5 (phòng giáo dục trực tiếp) và 47605.6 (toàn quận)

Bộ luật Giáo dục 47605.5

Đơn có thể được nộp trực tiếp cho hội đồng quản trị giáo dục theo cách tương tự như được quy định trong Phần 47605 cho các trường bán công phục vụ học sinh mà phòng giáo dục chính thức chịu trách nhiệm cung cấp giáo dục trực tiếp và các dịch vụ liên quan. Bất kỳ việc bác bỏ đơn xin nào cũng phải tuân theo quy trình tương tự đối với các quyết định bác bỏ đơn xin nào khác của trường bán công bởi hội đồng quản trị giáo dục.

Bộ luật Giáo dục 47605.6

(a)(1) Ngoài thẩm quyền được cung cấp bởi Phần 47605.5, hội đồng quản trị phòng giáo dục cũng có thể phê duyệt đơn xin hoạt động của một trường bán công hoạt động tại một hoặc nhiều địa điểm trong ranh giới địa lý của quận và cung cấp các dịch vụ giảng dạy thường không được cung cấp bởi phòng giáo dục của quận. Hội đồng quản trị phòng giáo dục chỉ có thể ban đặc quyền áp dụng trên toàn quận nếu ngoài các yêu cầu khác của phần này, hội đồng thấy rằng các dịch vụ giáo dục của trường bán công sẽ cung cấp dịch vụ cho một nhóm học sinh được hưởng lợi từ các dịch vụ đó và điều đó không thể được phục vụ tốt bởi một trường bán công chỉ hoạt động trong một học khu trong quận. Đơn xin thành lập một trường bán công trên toàn quận theo tiểu mục này có thể được lưu hành trên toàn quận bởi bất kỳ một hoặc nhiều cơ quan xin thành lập trường bán công. Đơn xin mở trường có thể được nộp cho hội đồng quản trị phòng giáo dục xem xét sau khi một trong các điều kiện sau đây được đáp ứng:

- (A) Đơn xin được ký bởi một số phụ huynh hoặc người giám hộ của học sinh cư trú trong quận tương đương với ít nhất một nửa số học sinh mà trường bán công ước tính sẽ đăng ký vào trường trong năm đầu tiên hoạt động, và mỗi học khu nơi trường bán công đề xuất mở một cơ sở đã nhận được thông báo ít nhất 30 ngày về ý định cơ quan đó mở một trường bán công theo phần này.

Văn bản được chọn từ các luật giáo dục về trường bán công

- (B) Đơn xin được ký bởi một số giáo viên tương đương với ít nhất một nửa số giáo viên mà trường bán công ước tính sẽ tuyển dụng cho trường đó trong năm đầu tiên hoạt động, và mỗi học khu nơi trường bán công đề xuất mở một cơ sở đã nhận được thông báo ít nhất 30 ngày về ý định cơ quan đó mở một trường bán công theo phần này.
- (2) Một trường công lập hiện có sẽ không được chuyển thành trường bán công theo quy định của phần này.
- (3) Sau khi đơn xin được phê duyệt, trường bán công nào đề xuất mở thêm địa điểm trong ranh giới địa lý của hội đồng quản trị giáo dục sẽ phải thông báo cho các học khu nơi các địa điểm đó được thành lập. Trường bán công cũng sẽ xin hội đồng quản trị giáo dục phê duyệt đặc quyền mở trường học và hội đồng quản trị phòng giáo dục sẽ xem xét liệu có nên phê duyệt các địa điểm bổ sung đó tại một cuộc họp công khai được tổ chức không sớm hơn 30 ngày sau khi thông báo cho các học khu về nơi các địa điểm sẽ được thiết lập. Nếu được chấp thuận, địa điểm của các trường được phê duyệt sẽ là một sửa đổi quan trọng trong đặc quyền được phê duyệt của trường bán công.
- (4) Đơn xin sẽ bao gồm lời tuyên bố cho biết rõ rằng chữ ký trong đơn có nghĩa là phụ huynh hoặc người giám hộ hợp pháp có ý cho con cái hoặc trẻ dưới quyền giám hộ của họ đi học tại trường bán công này, hoặc trong trường hợp là chữ ký của giáo viên, có nghĩa là giáo viên có ý muốn dạy học tại trường bán công này. Đặc quyền đề xuất sẽ được đính kèm với đơn xin.
- (b) Không quá 60 ngày sau khi nhận được đơn theo tiểu mục (a), hội đồng quản trị phòng giáo dục sẽ tổ chức một buổi điều trần công khai về các quy định của đặc quyền, tại thời điểm đó hội đồng quản trị phòng giáo dục sẽ xem xét mức ủng hộ cho đơn từ giáo viên, phụ huynh hoặc người giám hộ, và các học khu nơi cơ quan xin mở trường bán công đề xuất thiết lập cơ sở trường học. Sau khi xem xét đơn và phiên điều trần công khai, hội đồng quản trị giáo dục sẽ cấp hoặc từ chối cấp đặc quyền đó trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu. Tuy nhiên, ngày này có thể được gia hạn thêm 30 ngày nếu cả hai bên đồng ý gia hạn. Đơn sẽ được coi là đã nhận được bởi hội đồng quản trị giáo dục vì mục đích bắt đầu các mốc thời gian được mô tả trong tiểu mục này khi cơ quan nộp đơn, theo tiểu mục (A) hoặc (B) của đoạn (1) trong tiểu mục (a), cho phòng giáo dục của quận. Hội đồng quản trị giáo dục sẽ công bố tất cả các khuyến nghị của nhân viên, bao gồm cả những phát hiện được khuyến nghị, liên quan đến đơn xin ít nhất 15 ngày trước phiên điều trần công khai, là lúc hội đồng quản trị giáo dục sẽ cấp hoặc từ chối cấp đặc quyền. Tại phiên điều trần công khai khi hội đồng quản trị cho phép hoặc bác bỏ đặc quyền, cơ quan nộp đơn sẽ có thời gian và thủ tục tương đương để trình bày bằng chứng và lời khai để trả lời các khuyến nghị và phát hiện của nhân viên. Hội đồng quản trị phòng giáo dục có thể áp đặt bất kỳ yêu cầu bổ sung nào ngoài những yêu cầu của phần này mà họ cho là cần thiết cho việc hoạt động tốt của một trường bán công trên toàn quận. Hội đồng quản trị giáo dục của quận có thể cấp đặc quyền mở một trường bán công theo phần này chỉ với điều kiện rằng việc cấp đặc quyền phù hợp với thực tiễn giáo dục hợp lý và trường bán công có giải thích hợp lý cho biết tại sao họ không được thành lập một địa điểm được đề xuất trong đơn gửi cho học khu theo Phần 47605. Hội đồng quản trị phòng giáo dục sẽ bác bỏ đơn xin thành lập trường bán công nếu tìm thấy một hoặc nhiều điều sau đây:
- (1) Trường bán công trình bày một chương trình giáo dục không phù hợp cho học sinh ghi danh vào trường bán công.
- (2) Cơ quan nộp đơn rõ ràng không có khả năng thực hiện thành công chương trình được nêu trong đơn.
- (3) Đơn không có đủ số chữ ký cần thiết theo yêu cầu của tiểu mục (a).
- (4) Đơn không có sự khẳng định về từng điều kiện được mô tả trong tiểu mục (e).
- (5) Đơn không có các mô tả toàn diện hợp lý về các yếu tố cần thiết. Các yếu tố của đơn xin đặc quyền trên toàn quận rất giống với các yếu tố được nêu ở trên đối với các đơn xin đặc quyền được gửi trực tiếp đến học khu và/hoặc các trường bán công trực tiếp của phòng giáo dục, với quy định bổ sung rằng cơ quan đó mô tả toàn diện hợp lý về địa điểm của từng cơ sở trường bán công mà họ đề xuất mở.
- (6) Lời tuyên bố về việc liệu trường bán công có được coi là chủ sở làm công độc quyền của nhân viên của trường bán công vì mục đích của EERA (Đạo luật Quan hệ Nhân viên Giáo dục) (Chương 10.7 (bắt đầu từ Phần 3540) của Mục 4 Tiêu đề 1 của Bộ luật Chính phủ).
- (7) Bất kỳ căn cứ nào khác mà hội đồng quản trị phòng giáo dục nhận thấy là biện minh cho việc bác bỏ đơn.
- (l)(1) Giáo viên trong trường bán công sẽ có giấy chứng nhận, giấy phép hoặc tài liệu khác của Ủy ban Chứng nhận Giáo viên (CTC) cần thiết cho việc làm cần có chứng chỉ của giáo viên.

Gia hạn Đặc quyền

Một đặc quyền ban đầu có thể được cấp cho khoảng thời gian lên đến 5 năm, và có thể được gia hạn vào cuối chu kỳ đó. (Bộ luật Giáo dục 47607 (a).) Các quy định cho việc gia hạn đặc quyền được đề cập trong Bộ luật Giáo dục 47607 (b)-(e) và 47607.2. Ngoài các tiêu chuẩn và tiêu chí tương tự như áp dụng cho đơn xin đặc quyền mới, Cơ quan lập pháp California cũng đã xác định các tiêu chí học tập cụ thể cần được đáp ứng để đặc quyền được gia hạn. Các tiêu chí này được tìm thấy trong Bộ luật Giáo dục 47607 và 47607.2.

Bộ luật Giáo dục 47607

- (b) Việc gia hạn và sửa đổi tài liệu của các đặc quyền được điều chỉnh bởi các tiêu chuẩn và tiêu chí được mô tả trong Phần 47605, và sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, một mô tả toàn diện hợp lý về bất kỳ yêu cầu mới nào đối với trường bán công được ban hành thành luật sau khi đặc quyền đầu tiên được cấp hoặc gia hạn lần cuối.
- (c) (1) Là một tiêu chí bổ sung để xác định xem có nên gia hạn đặc quyền hay không, cơ quan ban đặc quyền sẽ xem xét thành tích của trường bán công trong các chỉ số của tiểu bang và địa phương có trong các tiêu chí đánh giá được thông qua theo Phần 52064.5.

Văn bản được chọn từ các luật giáo dục về trường bán công

- (2) (A) Cơ quan ban đặc quyền không được bác bỏ đơn xin gia hạn cho một trường bán công theo tiểu mục này nếu một trong những điều sau đây được áp dụng trong hai năm liên tiếp ngay trước quyết định về việc gia hạn:
- (i) Trường bán công đã được xếp vào hai cấp thành tích cao nhất trên toàn trường trong tất cả các chỉ số của tiểu bang có trong các tiêu chí đánh giá được thông qua theo Phần 52064.5 mà đã được dùng để đánh giá thành tích của trường đó.
 - (ii) Đối với tất cả biện pháp đo lường thành tích học tập, trường bán công đã được xếp vào cấp thành tích trên toàn trường bằng hoặc cao hơn mức trung bình của tiểu bang và, đối với phần lớn các phân nhóm đạt thành tích dưới mức trung bình của tiểu bang trong mỗi năm tương ứng, đã nhận được cấp thành tích cao hơn mức trung bình của tiểu bang.
- (B) Bất kể tiểu đoạn (A), nếu hai năm liên tiếp ngay trước quyết định về việc gia hạn bao gồm năm học 2019-20 hoặc 2020-21, cơ quan ban đặc quyền không được bác bỏ đơn xin gia hạn của trường bán công nếu một trong những điều sau đây áp dụng cho hai trong số những năm gần đây nhất với dữ liệu tiểu bang có sẵn trước quyết định gia hạn:
- (i) Trường bán công đã được xếp vào hai cấp thành tích cao nhất trên toàn trường trong tất cả các chỉ số của tiểu bang có trong các tiêu chí đánh giá được thông qua theo Phần 52064.5 mà đã được dùng để đánh giá thành tích của trường đó.
 - (ii) Đối với tất cả biện pháp đo lường thành tích học tập, trường bán công đã được xếp vào cấp thành tích trên toàn trường bằng hoặc cao hơn mức trung bình của tiểu bang và, đối với phần lớn các phân nhóm đạt thành tích dưới mức trung bình của tiểu bang trong mỗi năm tương ứng, đã nhận được cấp thành tích cao hơn mức trung bình của tiểu bang.
- (C) Bất kể phân đoạn (A) và (B), một trường bán công đủ điều kiện nhận hỗ trợ kỹ thuật theo Phần 47607.3 sẽ không đủ điều kiện để gia hạn theo đoạn này.
- (D) Một trường bán công đáp ứng các tiêu chí được thiết lập bởi đoạn này và tiểu mục (a) của Phần 47607.2 sẽ không đủ điều kiện cho quyết định theo đoạn này.
- (E) Cơ quan ban đặc quyền cấp đặc quyền đó có thể gia hạn đặc quyền theo khoản này trong thời gian từ năm đến bảy năm.
- (F) Đặc quyền đáp ứng các tiêu chí trong phân đoạn (A) hoặc (B) sẽ chỉ cần phải cập nhật đơn để bao gồm một mô tả toàn diện hợp lý về bất kỳ yêu cầu mới nào đối với trường bán công được ban hành thành luật sau khi đặc quyền ban đầu được cấp hoặc gia hạn lần cuối và khi cần thiết để phản ánh chương trình hiện tại do đặc quyền đó cung cấp.
- (3) Đối với mục đích của phần này và Phần 47607.2, "các biện pháp đo lường thành tích học tập" có nghĩa là các chỉ số được bao gồm trong các tiêu chí đánh giá được thông qua theo Phần 52064.5 dựa trên các bài kiểm tra của tiểu bang trong hệ thống Đánh giá Thành tích và Tiến bộ của Học sinh California, hoặc bất kỳ hệ thống nào sau đó, bài kiểm tra Đánh giá Trình độ Anh ngữ cho California, hoặc bất kỳ hệ thống nào sau đó, và chỉ số sẵn sàng cho đại học và nghề nghiệp.
- (4) Theo mục đích của phần này và Phần 47607.2, "phân nhóm" có nghĩa là các phân nhóm học sinh có ý nghĩa về mặt số lượng như được định nghĩa trong đoạn (1) của tiểu mục (a) trong Phần 52052.
- (5) Để đủ điều kiện gia hạn theo khoản (i) của phân đoạn (A) hoặc (B) của đoạn (2), phân đoạn (A) của phần (1) hoặc (2) của phân đoạn (a) trong Phần 47607.2, hoặc đoạn (3) của tiểu mục (a) trong Phần 47607.2, trường bán công phải đạt được thành tích trên toàn trường trong ít nhất hai biện pháp đo thành tích học tập mỗi hai năm liên tiếp ngay trước quyết định gia hạn. Để đủ điều kiện gia hạn theo khoản (ii) của phân đoạn (A) hoặc (B) của đoạn (2), phân đoạn (B) của đoạn (1) hoặc (2) của phân đoạn (a) trong Phần 47607.2, hoặc đoạn (3) của phân đoạn (a) trong Phần 47607.2, trường bán công phải đạt được thành tích trong ít nhất hai biện pháp đo thành tích học tập cho ít nhất hai phân nhóm. Một trường bán công không đáp ứng đủ các tiêu chí này sẽ được xem xét theo tiểu mục (b) của Phần 47607.2.
- (6) Đối với các mục đích của phần này và Phần 47607.2, nếu các chỉ số trong bảng tóm tắt dữ liệu chưa có sẵn cho năm học mới kết thúc gần đây nhất trước khi gia hạn, cơ quan ban đặc quyền sẽ xem xét dữ liệu có thể kiểm chứng được do trường bán công cung cấp liên quan đến các chỉ số trong bảng tóm tắt dữ liệu, chẳng hạn như dữ liệu từ bài kiểm tra Đánh giá Thành tích và Tiến bộ của Học sinh California, hoặc bất kỳ hệ thống nào kế tiếp, cho năm học gần đây nhất.
- (7) Đoạn (2) và các tiểu mục (a) và (b) của Phần 47607.2 sẽ không áp dụng cho một trường bán công đủ điều kiện cho các phương pháp thay thế để tính các chỉ số của tiểu bang và địa phương theo tiểu mục (d) của Phần 52064.5. Khi xác định liệu có nên gia hạn đặc quyền cho một trường bán công đó hay không, cơ quan ban đặc quyền sẽ xem xét, bên cạnh thành tích của trường bán công đối với các chỉ số của tiểu bang và địa phương có trong các tiêu chí đánh giá được thông qua theo tiểu mục (c) của Phần 52064.5, thành tích của trường bán công đó đối với các số liệu thay thế áp dụng cho trường bán công dựa trên dân số học sinh được phục vụ. Cơ quan ban đặc quyền sẽ họp với trường bán công trong năm đầu tiên của thời hạn của trường bán công để cùng đồng ý thảo luận về các số liệu thay thế được xem xét theo đoạn này và sẽ thông báo cho trường bán công về các số liệu thay thế được sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ cuộc họp này. Cơ quan ban đặc quyền có thể từ chối gia hạn đặc quyền theo đoạn này chỉ khi đưa ra các phát hiện bằng văn bản, đưa ra các sự kiện cụ thể để luận chứng cho các phát hiện, rằng việc đóng cửa trường bán công là vì lợi ích tốt nhất của học sinh.
- (d) (1) Vào cuối năm ngay trước năm cuối cùng trong thời hạn của trường bán công, cơ quan ủy quyền trường bán công có thể yêu cầu và bộ phận phải cung cấp các dữ liệu tổng hợp sau đây phản ánh số lượng học sinh tại trường bán công:

Văn bản được chọn từ các luật giáo dục về trường bán công

- (A) Số học sinh tích lũy cho mỗi năm học trong thời hạn của trường bán công. Đối với các mục đích của chương này, số học sinh tích lũy được định nghĩa là tổng số học sinh, được phân tách theo chủng tộc, dân tộc và phân nhóm học sinh đã ghi danh vào trường bất cứ lúc nào trong năm học.
 - (B) Đối với mỗi năm học trong thời hạn của trường bán công, tỷ lệ học sinh ghi danh tại bất kỳ thời điểm nào giữa đầu năm học và ngày điều tra dân số mà không còn học vào cuối năm đó và kết quả trung bình từ kỳ kiểm tra của tiểu bang trong hệ thống Đánh giá Thành tích và Tiến bộ của Học sinh California, hoặc bất kỳ hệ thống nào kế tiếp, đối với học sinh ghi danh vào trường bán công năm học trước.
 - (C) Đối với mỗi năm học trong thời hạn của trường bán công, tỷ lệ học sinh ghi danh vào năm học trước đó không còn học vào ngày điều tra dân số cho năm học, ngoại trừ học sinh hoàn thành lớp cao nhất của trường bán công và kết quả trung bình trong kỳ kiểm tra của tiểu bang trong hệ thống Đánh giá Thành tích và Tiến bộ của Học sinh California, hoặc bất kỳ hệ thống nào kế tiếp, cho các học sinh đó.
- (2) Khi xác định có nên gia hạn đặc quyền hay không, cơ quan ban đặc quyền phải xem xét dữ liệu được cung cấp theo đoạn (1), bất kỳ dữ liệu nào có thể được cung cấp cho cơ quan ban đặc quyền bởi bộ phận này và bất kỳ khiếu nại nào được chứng minh rằng trường bán công đã không tuân thủ phân đoạn (J) của đoạn (5) trong tiểu mục (c) của Phần 47605 hoặc với phân đoạn (J) của tiểu mục (5) của phân đoạn (b) trong Phần 47605.6.
- (3) Là một phần của việc xác định liệu có nên gia hạn đặc quyền dựa trên tiêu chí được thiết lập theo tiểu mục (c) và tiểu mục (a) và (b) của phần 47607.2 hay không, cơ quan ban đặc quyền có thể đưa ra phát hiện rằng trường bán công không phục vụ tất cả học sinh muốn đăng ký học và, khi đưa ra kết luận đó, phải xác định cụ thể bằng chứng biện hộ cho phát hiện đó.
- (e) Bất kể tiểu mục (c) và tiểu mục (a) và (b) của Phần 47607.2, cơ quan ban đặc quyền có thể bác bỏ đơn xin gia hạn một trường bán công khi phát hiện ra rằng trường đó không có khả năng thực hiện thành công chương trình được nêu trong đơn xin do yếu tố tài chính đáng kể hoặc cách quản trị, hoặc không phục vụ tất cả học sinh muốn đăng ký như được ghi nhận theo tiểu mục (d). Cơ quan ban đặc quyền chỉ có thể từ chối gia hạn trường bán công theo tiểu mục này sau khi đã thông báo trước ít nhất 30 ngày cho trường bán công về vi phạm theo cáo buộc và cung cấp cho trường bán công cơ hội hợp lý để khắc phục vi phạm, bao gồm cả kế hoạch hành động khắc phục do trường bán công đề xuất. Cơ quan ban đặc quyền chỉ có thể từ chối gia hạn bằng cách đưa ra một trong những phát hiện sau:
- (1) Hành động khắc phục được đề xuất bởi trường bán công đã không thành công.
 - (2) Các vi phạm đủ nghiêm trọng và phổ biến để làm cho kế hoạch hành động khắc phục không thể thực hiện được.

Bộ luật Giáo dục 47607.2

- (a) (1) Cơ quan ban đặc quyền không được gia hạn đặc quyền nếu một trong những điều sau đây được áp dụng trong hai năm liên tiếp ngay trước khi có quyết định gia hạn.
- (A) Trường bán công đã được xếp vào hai cấp thành tích thấp nhất trên toàn trường trong tất cả các chỉ số của tiểu bang có trong các tiêu chí đánh giá được thông qua theo Phần 52064.5 mà đã được dùng để đánh giá thành tích của trường đó.
 - (B) Đối với tất cả biện pháp đo lường thành tích học tập, trường bán công đã được xếp vào cấp thành tích trên toàn trường bằng hoặc thấp hơn mức trung bình của tiểu bang và, đối với phần lớn các phân nhóm đạt thành tích dưới mức trung bình của tiểu bang trong mỗi năm tương ứng, đã nhận được cấp thành tích thấp hơn mức trung bình của tiểu bang.
- (2) Bất kể tiểu đoạn (1), nếu hai năm liên tiếp ngay trước quyết định về việc gia hạn bao gồm năm học 2019-20 hoặc 2020-21, cơ quan ban đặc quyền không được gia hạn đặc quyền nếu một trong những điều sau đây áp dụng cho hai trong số những năm gần đây nhất với dữ liệu tiểu bang có sẵn trước quyết định gia hạn:
- (A) Trường bán công đã được xếp vào hai cấp thành tích thấp nhất trên toàn trường trong tất cả các chỉ số của tiểu bang có trong các tiêu chí đánh giá được thông qua theo Phần 52064.5 mà đã được dùng để đánh giá thành tích của trường đó.
 - (B) Đối với tất cả biện pháp đo lường thành tích học tập, trường bán công đã được xếp vào cấp thành tích trên toàn trường bằng hoặc thấp hơn mức trung bình của tiểu bang và, đối với phần lớn các phân nhóm đạt thành tích dưới mức trung bình của tiểu bang trong mỗi năm tương ứng, đã nhận được cấp thành tích thấp hơn mức trung bình của tiểu bang.
- (3) Trường bán công nào đáp ứng các tiêu chí được thiết lập bởi tiểu mục này và khoản (2) của tiểu mục (c) trong Phần 47607 sẽ chỉ đủ điều kiện cho quyết định theo tiểu mục này.
- (4) Cơ quan ban đặc quyền sẽ xem xét các yếu tố sau đây và có thể gia hạn đặc quyền đạt được các tiêu chí tại khoản (1) hoặc (2) chỉ khi cung cấp cả hai kết luận thực tế bằng văn bản sau đây, cụ thể cho đơn xin đó, đưa ra các sự kiện cụ thể để biện chứng cho các kết luận:
- (A) Trường bán công đang thực hiện các bước có ý nghĩa để giải quyết nguyên nhân cơ bản hoặc nguyên nhân của thành tích thấp, và các bước đó được phản ánh, hoặc sẽ được phản ánh, trong một kế hoạch bằng văn bản được thông qua bởi cơ quan lãnh đạo của trường bán công.
 - (B) Có bằng chứng rõ ràng và thuyết phục cho thấy một trong những điều sau đây:
 - (i) Nhà trường đạt được sự gia tăng thành tích học tập có thể đo lường được, như được xác định bởi ít nhất một năm có tiến bộ cho mỗi năm ở trường.
 - (ii) Kết quả tốt sau trung học, như được xác định bởi tỷ lệ vào đại học, duy trì việc học và tốt nghiệp đại học tương đương với các sinh viên tương tự.

Văn bản được chọn từ các luật giáo dục về trường bán công

- (C) Khoản (i) và (ii) của phân đoạn (B) sẽ được chứng minh bằng dữ liệu đã được xác minh, như được định nghĩa trong tiểu mục (c)
- (5) Dữ liệu đã được xác minh, như được định nghĩa trong tiểu mục (c), sẽ được cơ quan ban đặc quyền xem xét cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, đối với trường bán công theo tiểu mục này, hoạt động vào hoặc trước ngày 30 tháng 6 năm 2020, chỉ cho hai lần gia hạn tiếp theo của trường bán công.
- (6) Đối với đặc quyền được gia hạn theo tiểu mục này, cơ quan ban đặc quyền có thể gia hạn thêm hai năm.
- (b) (1) Đối với tất cả các trường bán công mà đoạn (2) của tiểu mục (c) trong Phần 47607 và tiểu mục (a) của phần này không áp dụng, cơ quan ban đặc quyền sẽ xem xét thành tích của toàn trường và của tất cả các phân nhóm học sinh được trường bán công phục vụ đối với các chỉ số của tiểu bang trong bảng đánh giá được thông qua theo Phần 52064.5 và thành tích của trường bán công trong các chỉ số địa phương được bao gồm trong bảng đánh giá được thông qua theo Phần 52064.5.
- (2) Cơ quan ban đặc quyền sẽ đặt nặng thành tích trên thang đo lường trong việc xác định có nên gia hạn đặc quyền hay không.
- (3) Ngoài các chỉ số của tiểu bang và địa phương, cơ quan ban đặc quyền sẽ xem xét bằng chứng rõ ràng và thuyết phục cho thấy một trong những điều sau đây:
- (A) Nhà trường đạt được sự gia tăng thành tích học tập có thể đo lường được, như được xác định bởi ít nhất một năm có tiến bộ cho mỗi năm ở trường.
- (B) Kết quả tốt sau trung học, như được xác định bởi tỷ lệ vào đại học, duy trì việc học và tốt nghiệp đại học tương đương với các sinh viên tương tự.
- (4) Khoản (A) và (B) của phân đoạn (3) sẽ được chứng minh bằng dữ liệu đã được xác minh, như được định nghĩa trong tiểu mục (c).
- (5) Dữ liệu đã được xác minh, như được định nghĩa trong tiểu mục (c), sẽ được cơ quan ban đặc quyền xem xét trong hai đợt gia hạn kế tiếp cho đến ngày 1 tháng 1 năm 2026, đối với trường bán công theo tiểu mục này.
- (6) Cơ quan ban đặc quyền chỉ có thể từ chối gia hạn đặc quyền theo tiểu mục này khi đưa ra các phát hiện bằng văn bản, trình bày các sự kiện cụ thể để luận chứng cho các phát hiện, rằng trường bán công đã không đáp ứng hoặc đạt đủ tiến bộ trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn mang lại lợi ích cho học sinh của trường, rằng việc đóng cửa trường bán công là vì lợi ích tốt nhất của học sinh và, nếu có thể áp dụng theo các đoạn (2) và (3), rằng quyết định của họ đặt nặng thành tích khi đo lường kết quả học tập.
- (7) Đối với đặc quyền được gia hạn theo tiểu mục này, cơ quan ban đặc quyền có thể gia hạn thêm 5 năm.
- (c) (1) Vì mục đích của phần này, "dữ liệu được xác minh" có nghĩa là dữ liệu có nguồn gốc từ các nguồn đáng tin cậy, được công nhận trên toàn quốc, hợp lệ, được đánh giá bởi các chuyên gia đồng đẳng và đáng tin cậy được tạo ra bên ngoài. Dữ liệu được xác minh sẽ bao gồm các biện pháp đo lường kết quả sau trung học.
- (2) Phù hợp với các yêu cầu của phần này, SBE thiết lập các tiêu chí để xác định dữ liệu đã được xác minh và xác định danh sách các đánh giá hợp lệ và đáng tin cậy được phê duyệt sẽ được sử dụng cho mục đích này.
- (3) Không có nguồn dữ liệu nào khác ngoài những nguồn được thông qua bởi hội đồng quản trị giáo dục của tiểu bang theo khoản (2) sẽ được sử dụng làm dữ liệu đã được xác minh.

[1] Các điều khoản sau đây bao gồm lời trích dẫn trực tiếp, tóm tắt và giải thích về các phần thích hợp của Đạo luật Trường bán công. Dấu ngoặc kép, dấu chấm lửng và các dấu tương tự đã được bỏ đi để tạo sự thuận tiện và dễ đọc.

[2] Các đơn xin đặc quyền được đệ trình trực tiếp cho Hội đồng Quản trị Phòng Giáo dục được thảo luận dưới đây.

Các từ viết tắt*

| | | | |
|-----------------------|--|----------------------|---|
| ADA | Số ngày đi học trung bình | K | Mẫu giáo |
| ARUSD . . . | Học khu Alum Rock Union School District | LCAP | Kế hoạch Trách nhiệm giải trình và Kiểm soát Địa phương |
| CAASPP . . . | Bài kiểm tra Thành tích và Tiến bộ của Học sinh của California | LCFF | Công thức tài trợ kiểm soát địa phương |
| CDE | Bộ Giáo dục California | LEA | Cơ quan Giáo dục Địa phương |
| CMO | Tổ chức Quản lý Trường bán công | OYA | Chương trình Opportunity Youth Academy |
| COE | Phòng Giáo dục của Quận | N/A | Không áp dụng |
| COVID-19 . . | Bệnh vi-rút corona 2019 | PERS | Hệ thống Hưu trí Nhân viên Nhà nước |
| DCP | Trường Downtown College Preparatory | SBAC | Bài kiểm tra Smarter Balanced Assessment Consortium |
| EC | Bộ luật Giáo dục | SBE | Hội đồng Quản trị Giáo dục Tiểu bang |
| EL | Học sinh chưa thạo tiếng Anh | SED | Bất lợi về kinh tế xã hội |
| ELA | Anh văn | SELPA | Tổ chức Special Education Local Plan Area |
| ELD | Phát triển tiếng Anh | SCCBOE . . . | Hội đồng Quản trị Phòng Giáo dục Hạt Santa Clara |
| ESUHSD . . . | Học khu East Side Union High School District | SCCOE | Phòng Giáo dục Santa Clara County Office of Education |
| FMSD | Học khu Franklin-McKinley School District | SJUSD | Học khu San José Unified School District |
| FRL | Ăn trưa miễn phí và giảm giá | SPED | Giáo dục đặc biệt |
| FTE | Toàn thời gian | STRS | Hệ thống Hưu trí Giáo viên của Tiểu bang |
| IEP | Kế hoạch Giáo dục Cá nhân | SWD | Học sinh khuyết tật |
| GRAD | Tốt nghiệp | TK | Mẫu giáo chuyển tiếp |
| LASD | Học khu Los Altos School District | UPA | Trường University Preparatory Academy |
| MHUSD | Học khu Morgan Hill Unified School District | | |
| MPESD | Học khu Mt.Pleasant Elementary School District | | |
| MSD | Học khu Moreland School District | | |

*Từ viết tắt dựa trên từ viết tắt trong tiếng Anh

Nguồn thông tin

Bộ phận Trường bán công SCCOE tham khảo nhiều nguồn thông tin trong Sổ Dữ liệu Trường Bán công Hàng năm 2022-23. Các nguồn này (được liệt kê dưới đây) bao gồm thông tin tự báo cáo của các trường bán công, thông tin kiểm toán tài chính của từng trường bán công, các nguồn thông tin chính phủ và giáo dục, chương trình họp của SCCBOE, biên bản họp và các trang web khác nhau.

Trường bán công

(Năm tài chính 2021-22 Kiểm toán tài chính và dữ liệu tự báo cáo kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023)

- ACE Empower Academy
- Alpha: Cornerstone Academy Preparatory School
- Alpha: José Hernández
- Bullis Charter (North/South)
- Downtown College Prep - Alum Rock (Middle/High)
- Discovery Charter I
- Discovery Charter II
- Opportunity Youth Academy
- Rocketship Academy for Brilliant Minds
- Rocketship Alma Academy
- Rocketship Discovery Prep
- Rocketship Fuerza Community Prep
- Rocketship Los Sueños Academy
- Rocketship Mateo Sheedy Elementary
- Rocketship Rising Stars Academy
- Rocketship Sí Se Puede Academy
- Summit Public School: Denali
- Summit Public School: Tahoma
- Sunrise Middle School
- University Preparatory Academy Charter
- Voices College-Bound Language Academy at Morgan Hill
- Voices College-Bound Language Academy at Mt. Pleasant

Nguồn giáo dục

(Không phải tất cả các nguồn thông tin cho công chúng truy cập)

- 2019-2020 Dataquest
<http://dq.cde.ca.gov/dataquest>
- 2020-2021 Dataquest
<http://dq.cde.ca.gov/dataquest>
- 2021-2022 Dataquest
<http://dq.cde.ca.gov/dataquest>
- California Assessment of Students Performance and Progress (CAASPP) Results
<https://caaspp-elpac.cde.ca.gov/caaspp/>
- California Department of Education (CDE)
<https://cde.ca.gov>
- California School Dashboard
<https://www.caschooldashboard.org/#/Home>
- Santa Clara County Board of Education Meeting Minutes
<https://go.boarddocs.com/ca/sccoe/Board.nsf/Public>
- Santa Clara County Office of Education website
<https://www.sccoe.org>

Lời cảm ơn

Bộ phận Trường bán công của SCCOE rất biết ơn những đóng góp từ các trường bán công được ủy quyền bởi SCCOE, các nhân viên của SCCOE và Hội đồng Quản trị Phòng Giáo dục Hạt Santa Clara (SCCBOE). Sự hỗ trợ từ mỗi bên liên quan này đã làm cho Sổ Dữ liệu Trường bán công Hàng năm 2022-23 trở nên khả thi. Chúng tôi cũng xin cảm ơn sự cống hiến của họ cho tất cả trẻ em của Hạt Santa Clara và cho việc giáo dục của các em.

Chúng tôi xin đặc biệt cảm ơn:

- Santa Clara County Board of Education
- Dr. Mary Ann Dewan, Superintendent of Schools
- Stephanie Gomez, SCCOE Director of Internal Business Services
- Shanny Yam, SCCOE Director of District Business Services
- SCCOE Business, Facilities & Operations Division
- SCCOE Media & Communications Department
- SCCOE Print Shop
- SCCOE Special Education Department

Bộ phận Trường bán công xin cảm ơn các trường bán công được ủy quyền bởi SCCBOE đã hỗ trợ trong việc biên soạn dữ liệu. Công lao của họ đã giúp tạo ra sổ tay này.

- ACE Empower Academy
- Alpha: Cornerstone Preparatory Academy School
- Alpha: José Hernández
- Bullis Charter (North/South)
- Downtown College Prep - Alum Rock (Middle/High)
- Discovery Charter I
- Discovery Charter II
- Opportunity Youth Academy
- Rocketship Academy Brilliant Minds
- Rocketship Alma Academy
- Rocketship Discovery Prep
- Rocketship Fuerza Community Prep
- Rocketship Los Sueños Academy
- Rocketship Mateo Sheedy Elementary
- Rocketship Rising Stars
- Rocketship Sí Se Puede Academy
- Summit Public School: Denali
- Summit Public School: Tahoma
- Sunrise Middle
- University Preparatory Academy Charter
- Voices College-Bound Language Academy at Morgan Hill
- Voices College-Bound Language Academy at Mt. Pleasant

Danh bạ Trường bán công SCCOE niên khóa 2022-23

ACE EMPOWER ACADEMY

625 South Sunset Avenue
San José, CA 95116
Phone: 408-729-3920
Michelle Williams, Principal
www.acecharter.org

ALPHA: CORNERSTONE ACADEMY PREPARATORY

1598 Lucretia Avenue
San José, CA 95122
Phone: 408-361-3876
Fallon Housman, Principal
www.alphapublicschools.org

ALPHA: JOSÉ HERNÁNDEZ

1601 Cunningham Avenue
San José, CA 95122
Phone: 408-780-1550
Julianna Parra, Principal
www.alphapublicschools.org

BULLIS CHARTER SCHOOL

North Campus
102 West Portola Avenue
Los Altos, CA 94022
Jessica Morgan, Principal (Elementary School)
Daniel Gross, Principal (Middle School)

South Campus
1124 Covington Road
Los Altos, CA 94022
Phone: 650-947-4100

Lisa Stone, Principal (Elementary School)
Maureen Israel, Superintendent/Principal
www.bullischarter.school.com

DISCOVERY CHARTER SCHOOL I (PHOENIX)

4021 Teale Avenue
San José, CA 95117
Phone: 408-243-9800
Carol Bauerle, Principal
Lety Villa, Executive Director
www.discoveryk8.org

DISCOVERY CHARTER SCHOOL II (FALCON)

762 Sunset Glen Drive
San José, CA 95123
Phone: 408-300-1358
Karla Lund, Principal
Lety Villa, Executive Director
www.discoveryk8.org

DOWNTOWN COLLEGE PREP (DCP) ALUM ROCK

9-12 Building: 1776 Educational Park Drive,
Building H
San José, CA 95122
Phone: 408-384-4554
Joyce Davis, Principal

6-8 Building: 2800 Ocala Road
San José, CA 95148
Phone: 408-942-7000
Jose Zavala, Principal
www.dcp.org

OPPORTUNITY YOUTH ACADEMY (OYA)

OYA Sobrato
512 Valley Way
Milpitas, CA 95035

OYA South County
930 Wren Avenue
Gilroy, CA 95020

OYA The Hub
591 North King Road, Suite 1
San José, CA 95133

OYA Washington
921 S. First Street, Suite B
San José, CA 95110

OYA ConXion
749 Story Road, Suite 10
San José, CA 95122

OYA Snell
3550 Snell Avenue
San José, CA 95136
Phil Morales, Director
<http://www.sccoe.org/depts/students/oya>

ROCKETSHIP ALMA ACADEMY

198 West Alma Avenue
San José, CA 95110
Phone: 408-931-6838
Carly Reiss, Principal
www.rsed.org/alma

ROCKETSHIP ACADEMY FOR BRILLIANT MINDS

2962 Story Road
San José, CA 95127
Phone: 408-708-5650
Lisa Greene, Principal
www.rsed.org/brilliantminds

ROCKETSHIP DISCOVERY PREP

370 Wooster Avenue
San José, CA 95116
Phone: 408-217-8951
Jasmin Quiroz, Principal
www.rsed.org/discoveryprep

ROCKETSHIP FUERZA COMMUNITY PREP

70 South Jackson Avenue
San José, CA 95116
Phone: 408-708-5744
Briana Neveras, Principal
www.rsed.org/fuerza

ROCKETSHIP LOS SUEÑOS ACADEMY

331 South 34th Street
San José, CA 95116
Phone: 408-684-4028
Gabriela Gordon, Principal
www.rsed.org/lossuenos

ROCKETSHIP MATEO SHEEDY

788 Locust Street
San José, CA 95110
Phone: 408-286-3330
Courtney English, Principal
www.rsed.org/mateosheedy

ROCKETSHIP RISING STARS ACADEMY

3172 Senter Road
San José, CA 95111
Alberto Perez, Principal
www.rsed.org/risingstars

ROCKETSHIP SÍ SE PUEDE ACADEMY

2249 Dobern Avenue
San José, CA 95116
Phone: 408-824-5180
Danisha West, Principal
www.rsed.org/sisepuede

SUMMIT PUBLIC SCHOOL: DENALI

6-8 Building: 539 E Weddell Drive
Sunnyvale, CA 94085
Phone: 669-721-2646
Chloe Sargeant, Executive Director

9-12 Building: 195 Leota Ave.
Laura Zado, Executive Director
<http://denali.summitps.org/>

SUMMIT PUBLIC SCHOOL: TAHOMA

14271 Story Road
San José, CA 95127
Phone: 408-729-1981
Jonathan Stewart, Executive Director
<http://tahoma.summitps.org>

SUNRISE MIDDLE SCHOOL

1149 East Julian Street, Building G
San José, CA 95116
Phone: 408-659-4785
Teresa Robinson, Director
www.sunrisemiddle.org

UNIVERSITY PREPARATORY ACADEMY

2315 Canoas Garden Avenue
San José, CA 95125
Phone: 408-723-1839
David Porter, Executive Director
www.upasv.org

VOICES COLLEGE-BOUND LANGUAGE ACADEMY AT MORGAN HILL

16870 Murphy Avenue/17000 Monterey
Road/17720 Peak Avenue
Morgan Hill, CA 95037
Phone: 408-791-1700
Vicky Lopez Principal
<http://voicesacademies.org>

VOICES COLLEGE-BOUND LANGUAGE ACADEMY AT MT. PLEASANT

14271 Story Road
San José, CA 95127
Phone: 408-571-6404
Christina Deberry, Principal
<http://voicesacademies.org>



Santa Clara County
Office of Education



Niên khóa 2022-2023
Sổ Dữ liệu Trường bán công Hàng năm

Bộ phận Trường bán công

Mefula Fairley
Giám đốc Điều hành

Michelle Johnson, Ed.D.
Phó Giám đốc

Matt Daugherty
Quản trị viên

Shallu Sharma
Quản trị viên Tài chính

Cynthia Tapia
Quản trị viên Tài chính

Justin Fallon
Trợ lý hành chính IV

Santa Clara County  Office of Education

Santa Clara County Office of Education • 1290 Ridder Park Drive • San José, CA 95131-2304
Phone: (408) 453-6500 • www.sccoe.org